

NGƯỜI Kinh Bắc

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 185

NĂM THỨ XXVII



THÁNG 6 - 2024

TỔNG BIÊN TẬP

NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP

**NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIẾT ANH
NGUYỄN TRỌNG TĨNH
KIM PHÚC**

THƯ KÝ TÒA SOẠN

HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoiKinhbac@gmail.com
Website: nguoiKinhbac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn

Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộm lưu chiếu
tháng 6 - 2024

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

KỶ NIỆM 99 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (21/6/1925 - 21/6/2024)

- * Tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí, tuyên truyền
Thanh Huyền 3
- * Tìm đến tận cùng sự thật từ chuyện cái cột gạch
bị phá dỡ
Huy Phách 8
- * Người cầm bút
Võ Hoàng Nam 10
- * Chuyện về ca khúc "Báo Đảng miền Quan họ"
Nguyễn Trung 12

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

- * Một thầy giáo ở vùng địch hậu
Mai Kháng 14

CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC TẾ THIẾU NHI 1/6

- * Những mẫu chuyện ý nghĩa về Bác Hồ với
thiếu nhi Việt Nam
BBT 17
- * Điều kỳ diệu
Hà Nguyên Thảo 20

CHÀO MỪNG NGÀY GIA ĐÌNH VIỆT NAM (28/6/2001 - 28/6/2024)

- * Phụ nữ Bắc Ninh với cuộc vận động "Xây dựng gia
đình 5 không, 3 sạch"
Nguyễn Thị Huyền 23
- * Kỷ vật yêu thương
Nguyễn Hồng Quang 28

Trang thơ Người Kinh Bắc 34-35

Tản văn: Chàng chàng cánh võng ngày hạ
Trần Văn Thiên 36

Truyện ngắn: Mười hai bến nước
Nguyễn Thị Thiệp 38



Trang thơ Người Kinh Bắc 46-47

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

- * Làng Lạc Thổ - Văn hiến và khoa bảng
Nho Thuận 48
- * Chùa làng Cáp Điền trên
Quang Thuận 51

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- * Sự tích tên đường Diệu Tiên ở Từ Sơn
Dương Mạnh Nghĩa 55
- * Độc đáo bộ sưu tập hiện vật đúc đồng Đông Sơn tại Bảo tàng Bắc Ninh
Phan Thị An Ngọc 57

Trang thơ biển đảo 60-61

LÝ LUẬN PHÊ BÌNH

- * Thăm thăm thơ, vơi vơi thơ
Phạm Thuận Thành 62
- Truyện ngắn:** Phú quý sinh lễ nghĩa
Nguyễn Việt Tại 65

CHÂN DUNG HỘI VIÊN

- * Người nặng tình với nàng thơ
Nguyễn Đình Tự 73
- Tản văn:** Hoài niệm thư tay
Mai Hoàng Hanh 77

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

- * "Bóng xưa bằng lăng" - Khúc tự tình của lính
Đặng Ngọc Lan 79

- Truyện ngắn:** Bến mưa
Nguyễn Thị Mai Phương 83

- Tản văn:** Ngồi giữa trăng quê
Nguyễn Thị Ngọc Linh 87

- Truyện ngắn:** Chị Thức
Đỗ Đình Thanh 89

Trang thơ cộng tác viên 94-95

- Tản văn:** Dưới tán cây xoài
Vũ Việt Tâm 96

ÂM NHẠC

- * Ba chiến sỹ Biên phòng
Nhạc và lời: Đỗ Anh Quân 98

- * Bé làm hoa nắng
Nhạc: Kim Oanh Thơ: Trương Quang Thứ 99

MỸ THUẬT

- * Bìa 1: Hương nhị sắc - Acrylic Nguyễn Văn Lai
- * Bìa 4: Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Nghĩa Cương, Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Xuân Quyền

NHIẾP ẢNH

- * Bìa 2: Nguyễn Tự Lập, Nguyễn Thu Thảo
- * Bìa 3: Hoàng Anh, Điệp Nhã, Hải Đăng, Nguyễn Văn Trường, Trần Phan

NGƯỜI
Kinh Bắc

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BÁO CHÍ, TUYÊN TRUYỀN

THANH HUYỀN



Là một nhà hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh coi báo chí là công cụ đắc lực để tuyên truyền, động viên, cổ vũ, giáo dục ý thức chính trị, giác ngộ quần chúng đi theo cách mạng. Trong bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ II, Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 14/6/1959, Người nói: “Về nội dung viết mà các cô, các chú gọi là “đề tài” thì tất cả các bài Bác viết chỉ có một “đề tài” là “Chống thực dân đế quốc, chống

phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Duyên nợ của Bác đối với báo chí là như vậy đó” (*Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 2011, t.12. tr.171*). Duyên nợ với báo chí ở Hồ Chí Minh chính là làm cách mạng, viết báo, nắm lấy báo như một công cụ, một vũ khí tuyên truyền, và khi đấu tranh phục vụ sự nghiệp cách mạng; Làm báo, viết báo là làm cách mạng, hai công việc đó là thống

nhất trong quan hệ mục đích - công cụ ở người cách mạng.

Trong hơn 50 năm làm báo, từ những bài viết đầu tiên đăng trên các tờ báo của nước Pháp 1918 - 1920, đến bài báo viết cuối cùng: “Thư trả lời Tổng thống Mỹ Richard M. Nixon (viết ngày 25/8/1969, đăng báo Nhân dân số 5684 ngày 07/11/1969), Hồ Chí Minh đã viết hơn 2.000 bài báo thuộc nhiều đề tài, nhiều chủ đề, nhiều thể loại, nhiều phong cách và bằng các thứ tiếng khác nhau: Pháp, Anh, Nga... với trên 100 bút danh, đã sáng lập nhiều tờ báo để làm công cụ tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, giác ngộ cách mạng và bằng thực tiễn hoạt động báo chí, Người đã hình thành và phát triển được một hệ thống các quan điểm toàn diện, sâu sắc, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn về báo chí, tuyên truyền, đã và đang soi đường cho hoạt động báo chí, tuyên truyền Việt Nam.

Có thể nêu khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí, tuyên truyền như sau:

1. Báo chí là tự do của tinh thần con người (chứ không phải tự do của một số người). Và, tự do báo chí bao giờ cũng tồn tại, những người làm báo phải đấu tranh bảo vệ tự do báo chí với ý nghĩa là tự do chân chính của tinh thần con người.

2. Báo chí nhất thiết phải mang tính chính trị, nó phải là tiếng nói, là cơ quan ngôn luận của một chính phủ, một tổ chức xã hội nhất định và luôn đứng ra bảo vệ cơ quan, tổ chức xã hội đó bằng thái độ, lập trường của tổ chức mình, vì sự tiến bộ của xã hội.

Mác - Ăngghen nói “Tuyệt đối từ bỏ chính trị là không thể được. Chính trị của báo chí cũng là chính trị. Tất cả những tờ báo chủ trương bỏ chính trị đều đang công kích chính phủ. Vấn đề là can dự vào chính

trị như thế nào và đến mức nào. Điều đó thuộc về tình hình chứ không phải theo quy định” (C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.547).

3. Báo chí là công cụ tuyên truyền, cổ động, tổ chức, giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng, tạo ra tính thống nhất tư tưởng và hành động trong xã hội để thực hiện những nhiệm vụ chung phát triển xã hội.

4. Báo chí là phương tiện phản ánh mọi hoạt động đời sống hàng ngày của xã hội, tạo ra sự tác động qua lại giữa quần chúng nhân dân với báo chí.

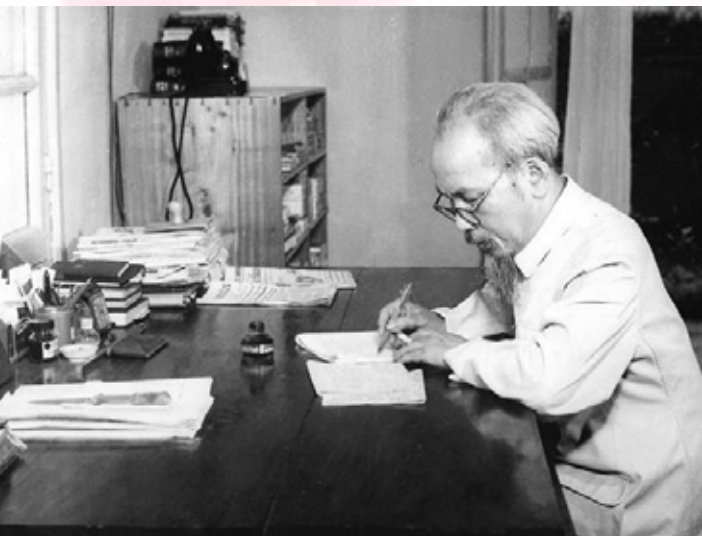
5. Báo chí phải có tính chiến đấu, luôn chống lại những luận điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc sự thật, tôn trọng sự thật, kiên quyết bảo vệ tư tưởng tiên bộ, đúng đắn, phê phán các tệ nạn xã hội, biểu dương cái tốt, chân, thiện, mỹ.

6. Báo chí phải có tính đại chúng, nội dung viết phải thiết thực, dễ hiểu, mọi người đọc hiểu được, làm được, hình thức sáng sủa, văn phong ngắn gọn, rõ ràng, sinh động, hấp dẫn, hợp với đối tượng, tư liệu phong phú, chính xác, lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

7. Mỗi tờ báo phải mang một màu sắc riêng, một cá tính riêng, không hòa lẫn với các tờ báo khác.

8. Người làm báo phải có lập trường tư tưởng vững vàng, hiểu rộng, tinh thông nghiệp vụ, không ngừng học hỏi, nhạy bén chính trị và phải biết ít nhất một ngoại ngữ, thận trọng từng câu từ.

9. Báo chí và thông tin, tuyên truyền là các lĩnh vực gắn kết chặt chẽ với nhau, Hồ Chí Minh nói “Theo ý kiến của tôi, thì thông tin, tuyên truyền và báo chí là ba ngành trong một việc, ba ngành đó phải đi



sát với nhau (*Thư gửi Hội nghị Thông tin tuyên truyền và báo chí toàn quốc, Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr479*).

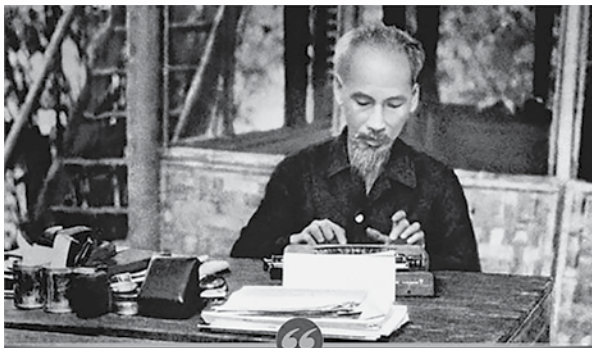
Bác Hồ đã từng làm người bán báo, người phát hành báo, làm chủ bút và là một nhà báo của giai cấp vô sản, vì vậy, Bác có rất nhiều kinh nghiệm làm báo. Nhưng với đức tính thật thà, giản dị, khiêm tốn, khi nói về kinh nghiệm làm báo của mình, Bác Hồ chỉ gói gọn trong mấy câu rất đầy đủ và ý nghĩa: “Muốn tiến bộ, muốn viết hay, thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện. Kinh nghiệm của tôi là thế này: Mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi: Viết cho ai xem? Viết để làm gì? Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc? Khi viết xong, thì nhờ anh em xem và sửa giùm. Chớ tự ái, tự phụ, mà tự phụ là kẻ địch dữ tợn nó ngăn chặn con đường tiến bộ của chúng ta” (*Hồ Chí Minh - Toàn tập: “Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ III Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 8/9/1962”, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2011, tập 13, tr.466*).

Xác định báo chí trước hết là phục vụ nhân dân, Bác khuyên những người làm báo: “Tuyên truyền là đem một cái gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó là tuyên truyền thất bại”! Trong hoạt động báo chí, Bác rất chú trọng việc phát hiện, nêu gương tốt, nhân rộng điển hình: “Mấy chục năm nay, nhân dân ta thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cách ra sức làm tròn nhiệm vụ cách mạng và sống với nhau có tình có nghĩa. Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó chính là một cách tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin thiết thực nhất (Ý kiến về việc làm và xuất bản loại sách “Người tốt, việc tốt”)... Tuy nhiên, Người cũng lưu ý bên cạnh “xây” phải có “chống”. “Phê bình và tự phê bình là vũ khí rất cần thiết và rất sắc bén, nó giúp chúng ta sửa chữa sai lầm và phát triển ưu điểm. Vì khéo lợi dụng nó mà Đảng ta và dân ta ngày càng tiến bộ. Đối với báo chí cũng vậy... Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách, mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, “trị bệnh cứu người”. Chớ phê bình lung tung không chịu trách nhiệm”...

Trong những năm kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ nền độc lập dân tộc; tiếp đến thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, thấm nhuần sâu sắc và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền và báo chí, chúng ta đã tích lũy nhiều kinh nghiệm quý, phát huy tối đa sức mạnh to lớn của hai lĩnh vực công tác chủ yếu này.

Dùng báo chí để làm công cụ xung kích trong công tác tuyên truyền và thông qua tuyên truyền giúp báo chí có thêm những

đề tài thiết thực, tạo sức tập hợp, cổ vũ rộng lớn quần chúng tổ chức các phong trào hành động cách mạng trong từng thời kỳ lịch sử. Thực tiễn chứng minh rằng, báo chí và tuyên truyền đều cùng chức phận, có mối quan hệ nương tựa, hỗ trợ lẫn nhau; đồng thời lại có những nét đặc thù về phương thức tác nghiệp.



- Năm 1949, trong Thư gửi lớp học viết báo Huỳnh Thúc Kháng, Bác Hồ căn dặn: *Nhiệm vụ của tờ báo là tuyên truyền, cổ động, huấn luyện, giáo dục và tổ chức dân chúng để đưa dân chúng đến mục đích chung.*
- Tại Đại hội lần thứ II Hội Nhà báo Việt Nam ngày 16-4-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: *“Báo chí là người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức chung, người lãnh đạo chung”.*
- Tại Đại hội Hội Nhà báo lần thứ III (ngày 8-9-1962), Người khẳng định: *“Cán bộ báo chí cũng là chiến sỹ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”.*

Xét trong tổng thể, báo chí là công cụ tuyên truyền đặc lực, nhưng người làm báo có những đòi hỏi riêng về trình độ nghiệp vụ báo chí, như cần nắm vững các đặc điểm về các thể loại (tin tức, phóng sự, phóng sự điều tra, bình luận, xã luận...); và đi liền đó là, thông qua từng thể loại, biết lựa chọn cách diễn đạt để mỗi dòng, mỗi đoạn có sức phân tích, gợi mở, định hướng hành động cho người tiếp nhận. Tuyên truyền gồm tuyên truyền qua tài liệu, nghị quyết, chỉ thị... và tuyên truyền qua kể chuyện thời sự trong nước và quốc tế, qua những gương “người tốt, việc tốt”. Với những cách thức đó người tuyên truyền dẫn dắt người được tuyên truyền đồng tình với mỗi chủ trương, đường lối; cổ vũ, động viên họ hăng hái thi

đưa yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc bằng những hành động thiết thực.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền và báo chí đều có nhiệm vụ thông tin đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân; tham gia tổ chức, cổ vũ, động viên các phong trào hành động cách mạng. Nhưng để thực hiện mục tiêu chung ấy, những người làm tuyên truyền và làm báo có những cách thức khác nhau.

Đất nước được độc lập, tự do và phát triển như hôm nay là có sự đóng góp tích cực, quan trọng của công tác tuyên truyền và hoạt động báo chí. Sự đóng góp này được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận và đánh giá cao. Song, Đảng và Nhà nước ta cũng luôn gần gũi góp ý, động viên, phê bình, chỉ rõ những thiếu sót, bất cập trong lĩnh vực này. Ngay từ năm 1948, trong Thư gửi Hội nghị thông tin, tuyên truyền báo chí toàn quốc (Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 376 - 377, 388*), cùng với biểu dương những ưu điểm lớn, Bác Hồ thân tình chỉ ra một số khuyết điểm rất cụ thể:

Đối với công tác tuyên truyền, Báo chí rõ:

Nhiều địa phương, anh em thông tin, tuyên truyền làm tưởng mình là công chức, làm việc theo cách bàn giấy mà quên nhiệm vụ của mình là tuyên truyền, cổ động, giải thích và huấn luyện cho nhân dân.

Thường thi hành chỉ thị cấp trên một cách máy móc, không biết áp dụng theo hoàn cảnh thiết thực trong địa phương mình.

Tuyên truyền không chủ trương thực tế mà hay nói những lý luận viển vông.

Chưa có một chương trình, một kế hoạch thiết thực và đầy đủ về công tác cũng như về kiểm tra.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà báo năm 1960.

Đối với báo chí, Người chỉ rõ:

Về kỹ thuật: Có đôi tờ báo, khi thì rộng, khi thì hẹp, chữ in thì luộm thuộm, khó đọc... Nhiều khi “tiếp theo trang sau” lộn xộn quá...

Về tin tức: Tin tức thế giới đôi khi nhiều hơn tin tức trong nước. Các báo miền ngược chưa chú ý dân tộc thiểu số.

Về văn chương: Quá dài dòng văn tả. Khô khan, kém hoạt bát lanh lợi. Không phổ thông. Hay dùng chữ nước ngoài mà không đúng nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở, người làm báo phải thấm sâu lời dạy của V.I. Lê-nin: báo chí cách mạng là người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức chung, người lãnh đạo chung, chúng ta cần nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn tư tưởng của Người về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của báo chí cách mạng.

Những tư tưởng về báo chí, tuyên truyền của Hồ Chí Minh là sự kế thừa, chọn lọc, sáng tạo các quan điểm của Mác

- Ăngghen - Lênin về báo chí và là kết quả học hỏi, trải nghiệm hoạt động cách mạng và hoạt động báo chí của Người tại nhiều nước trên thế giới và thực tiễn vận động cách mạng Việt Nam.

99 năm qua, kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người thầy vĩ đại của báo chí cách mạng Việt Nam khai sinh ra tờ báo Thanh Niên, dưới sự dìu dắt, hướng dẫn và tiếp thu tư tưởng của Người, báo chí cách mạng Việt Nam không ngừng lớn mạnh, góp phần to lớn vào thành quả công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước tiến tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong hoàn cảnh cách mạng mới hiện nay - giai đoạn hội nhập toàn cầu, báo chí cách mạng nước nhà đang giữ những trọng trách to lớn đòi hỏi người làm báo không ngừng tự trau dồi, học tập và nâng cao bản lĩnh chính trị, đổi mới trình độ nghiệp vụ ngang tầm nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước, Nhân dân giao phó./.

Trong báo chí luôn tồn tại sự giằng co giữa “đưa tin nhanh nhất” và “đưa tin đúng sự thật”. - ELLEN GOODMAN

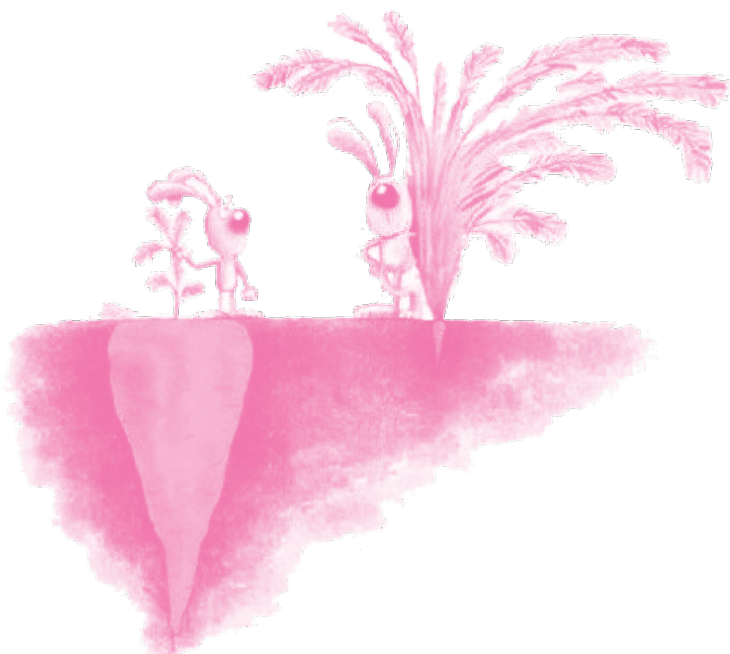
Phố tôi ở thuộc phường mới thành lập sau khi tái lập tỉnh, nên hầu như những hộ dân ở đây đều mới cả, nhất là các bác mới nghỉ hưu. Phố được quy hoạch và thiết kế bài bản, theo mẫu có sẵn nên trông cũng sạch sẽ - ấy là nói về phía nghề nghiệp, tức là thiết kế bài bản, thi công bài bản... Nhiều tiếng khen, nhất là khen Chủ đầu tư là Công ty xây dựng lớn ở địa phương, tổ

chức thiết kế và thi công chặt chẽ. Bỗng dung... có tiếng xì xào về khu nhà này, gian dối đến thế là cùng...

Chuyện là thế này: Ngôi nhà ở góc phố của đường trục chính, một vị thầy đường công danh của mình có vẻ chưa được “thuận chèo mát mái” cho lắm, bèn nhờ cậy thầy phong thủy đến xem có cần điều chỉnh gì không (trước đây đã có thầy xem hộ trước khi mua), thầy phán rằng: hướng nhà đã hợp tuổi rồi nhưng lối vào nhà bị ngược, phải đổi sang hướng Đông Bắc chứ không để Đông Nam được (lần

TÌM ĐẾN TẬN CÙNG SỰ THẬT TỪ CHUYỆN CÁI CỘT GẠCH BỊ PHÁ DỠ

NGUYỄN HUY PHÁCH



lộn giữa Tây tứ trạch và Đông tứ trạch). Nói và làm ngay và được cơ quan quản lý xây dựng ở địa phương nể nang dễ dàng chấp thuận. Đã sửa là phải phá dỡ. Chỉ thương cho cái mái sành lợp ngói mũi hài còn tươi màu sơn bị bức tử, trong giấy lát thành đồng gạch vỡ. Và không ai tinh tường như mấy anh thợ làm thuê, phát hiện ra một điều... chết người. Ấy là cả hai cột

sảnh đều không có một thanh thép nào cả! Câu chuyện xì xào và đến tai bà chủ nhà. May thế, nếu không sửa lại làm sao mà biết được điều gian dối nguy hiểm này, rồi đổ nhà chết người chứ chẳng chơi... làm sao một công ty lớn nhất tỉnh này lại vô trách nhiệm đến thế? Rồi đủ thứ suy diễn. Thảo nào Quốc hội họp là nói lãng phí thất thoát trong đầu tư xây dựng những năm qua lớn đến thế; thảo nào... các quan bây giờ giàu thế...

Câu chuyện được bà chủ mang ra chợ thăm thì với bà bán rau, bà bán rau nói với bà bán thịt ngồi cạnh, chả mấy chốc lan ra cả chợ, cả phố. Phen này thì cháy nhà ra mặt chuột nhé, mà nghe nói Giám đốc công ty này lại mới được thưởng Huân chương lao động nữa đấy... Gian dối đến thế là cùng!

Thế rồi câu chuyện cũng đến tai những người làm chuyên môn kiến trúc - xây dựng là chúng tôi. Là người trực tiếp thẩm định và phê duyệt thiết kế, tôi nhớ rất rõ là cột sảnh nhà này là do chịu lực ít nên chỉ xây gạch mà không cần có cốt thép. Tôi nghĩ hưu đã lâu nên giờ cũng không còn tin vào trí nhớ của người già nữa, tôi tìm đọc lại hồ sơ thiết kế công trình, và đúng như trí nhớ của tôi: Cột gạch xây 330 x 330 không có cốt thép. Vì thế thi công là đúng thiết kế được phê duyệt, mà không có chuyện gian dối nào ở đây cả. Đó mới là sự thật! Thế là mọi chuyện hiểu lầm do suy diễn và nghi ngờ được giải tỏa.

Ngạn ngữ phương Tây có câu: “*Một nửa cái bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng một nửa sự thật thì không phải là sự thật*”. Đối với một sự vật, nếu chúng ta chỉ cung

cấp một nửa thông tin là sự thật và phần còn lại chỉ là suy diễn thì người nghe có thể hiểu sai lệch bởi vì sự thật đó đã bị bóp méo do thông tin không đầy đủ.

Tôn trọng sự thật chính là sự đánh giá đúng mực, coi trọng danh dự, phẩm giá và lợi ích của người khác, thể hiện lối sống văn hóa của mỗi người, góp phần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ giá trị đúng đắn, tránh nhầm lẫn, oan sai; giúp con người tin tưởng; gắn kết với nhau hơn, làm cho tâm hồn thanh thản và cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

Chính vì thế với người làm báo, đi tìm sự thật vẫn là mục đích tối thượng. Người làm báo đi tìm sự thật đòi hỏi phải có những kỹ năng đặc biệt, phải biết dừng lại, đào sâu phân tích, tìm hiểu, nhất là những vấn đề về chuyên ngành mà mình chưa nắm chắc. Tìm hiểu cho đến tận cùng sự thật chính là nhân văn, góp phần khơi dậy niềm tin cho xã hội, cho từng con người trong xã hội./.



Người cầm bút

VÕ HOÀNG NAM

Người cầm bút họ là những nhà báo, nhà văn, nhà thơ, hay là người sáng tác văn học... tất cả họ đều được coi là những người cầm bút. Trong quá trình phát triển của mỗi xã hội của mỗi quốc gia, chưa bao giờ và có lẽ chẳng bao giờ có thể thiếu vắng đi vai trò của những người cầm bút.

Những người cầm bút, họ có bốn phận, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo tồn nét văn hóa dân tộc, của đất nước mình. Họ ghi chép lại, hay sáng tạo bằng ngôn ngữ văn học, đấu tranh, phản bác lại những luận điệu sai trái, chống chế độ, chống nhà nước, nhằm bảo vệ bình yên cho Tổ quốc. Bằng ý chí mãnh liệt, với tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp và bằng ngòi bút không biết mệt mỏi của mình, họ đã sáng tạo không ngừng nghỉ, để cho ra đời những tác phẩm báo chí, văn chương, nhằm phục vụ với mục đích vì lợi ích Tổ quốc và vì lương tri,

phẩm giá của con người! Người cầm bút, là những người biết đề cao tính nhân văn, nhân bản, được thể hiện thông qua mỗi tác phẩm của mình, nhằm góp phần thanh lọc cơ thể của xã hội, làm cho giá trị cuộc sống con người và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Có lẽ vì vậy mà những người cầm bút, họ sống và viết thật tâm theo “nghệp cầm bút” của mình, để phản ánh những sự việc trong xã hội, giữa cái tốt và cái xấu, cái thiện và cái ác. Thế mới biết, trách nhiệm của người cầm bút thật không dễ dàng chút nào. Họ là những người có tinh thần xây dựng xã hội cao, tôn vinh cái chân, thiện, mỹ, trong cuộc sống. Mỗi tác phẩm khi họ viết ra không chỉ là giải trí mà còn là chỗ dựa tinh thần, nhằm nuôi dưỡng và lan tỏa những giá trị tốt đẹp của con người và của dân tộc. Họ khắc họa những gì mà thời đại chúng ta đang sống, với những tư tưởng, quan điểm mới mẻ, đa chiều của cuộc sống

thời hiện đại. Phê phán cái xấu, cái ác, cái chưa hoàn thiện, tìm ra điều tốt, điều hay trong mỗi cá nhân của mỗi con người hay tập thể, nhằm lan tỏa năng lượng sống đến người đọc. Mỗi người cầm bút, họ đều có những góc độ tiếp cận sự việc, mọi vấn đề khác nhau, không ai giống ai nhưng điểm chung là có một cách nhìn tổng thể, mang tính hướng thiện, hướng về cái cao cả, cái tốt đẹp trong đời sống xã hội, nhưng đôi khi đối mặt với thực tế họ gặp rất nhiều rào cản, nhiều cám dỗ. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, có không ít những tác phẩm cũng bị thị trường hóa, chạy theo cái tôi vị kỉ và bản năng thấp hèn. Mỗi bận tâm lớn nhất và chính yếu nhất hiện nay của người cầm bút là toàn tâm, toàn ý viết cho cuộc sống, viết cho con người, muốn cuộc sống con người và xã hội trở nên tốt đẹp hơn. Bởi con người là giá trị văn hóa cao nhất trong giá trị của mọi giá trị. Hoàn thiện nhân cách, đạo đức của con người

chính là sứ mệnh cao cả và nỗ lực cao nhất mà người cầm bút hướng đến. Ngoài những vấn đề trên, nhiệm vụ của người cầm bút còn đấu tranh, phê phán, lên án, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu. Chống lại các quan điểm sai trái, tiêu cực, ảnh hưởng đến nền văn hóa, làm tha hóa con người. Đó cũng chính là sứ mệnh của người cầm bút với tư cách là người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng và nhà nước. Điều cốt lõi ở mỗi tác phẩm là phải thể hiện tính nhân văn và khát vọng vươn lên sự hoàn mỹ của con người trong xã hội hiện đại.

Vì lẽ đó, người cầm bút không thể đứng ngoài cuộc mà phải dấn thân vào để chất lọc những tinh hoa từ thực tiễn của cuộc sống, chuyển hóa cuộc sống thành hệ giá trị thẩm mỹ mới. Từ đó, góp phần xây dựng văn hóa con người mới, trong thời kỳ hiện đại như ngày nay./.



Chuyện về ca khúc

“BÁO ĐẢNG MIỀN QUAN HỌ”

NGUYỄN TRUNG

Vào một chiều cuối đông, chuông điện thoại réo vang, nhắc máy thì ra là điện của Tổng Biên tập Báo Bắc Ninh - Nhà báo Nguyễn Tiến Vụ.

- A lô! Anh có rồi không? Tới em đi, có chuyện cần trao đổi!

Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh, kiêm Tổng Biên tập Báo Bắc Ninh mà gọi thì chắc là có chuyện quan trọng rồi. Thế là tôi tức tốc phóng xe tới tòa soạn Báo Bắc Ninh. Sau tuần trà lá hàn huyên hỏi thăm sức khỏe, Nhà báo Tiến Vụ đưa cho tôi bản thảo lời bài hát kèm theo một cuốn sách bìa cứng dày cộp và bảo: “Tất cả tư liệu lịch sử ra đời và phát triển của Báo Bắc Ninh đều ở đây. Bác có thể viết cho Báo Bắc Ninh một bài ca mà anh em vẫn gọi vui là “Báo ca” có được không?”.

Ái chà chà! Một đề tài khó đây. Tình ca, Huyện ca, Hội ca, Trường ca, Công an ca, Doanh nghiệp ca... thì tôi cũng đã từng viết, nhưng Báo ca (mà lại là Báo Đảng) thì đúng là “mắt chưa từng ngó, bút chưa từng cầm”. Tuy vậy nhưng sau khi đọc lướt qua mấy trang lịch sử của Báo, máu nghề nghiệp nổi lên nên tôi mạnh dạn nhận lời.

Chia tay Tổng Biên tập Nguyễn Tiến Vụ, trở về nhà nghiền ngẫm cuốn lịch sử Báo Bắc Ninh và tham khảo thêm tư liệu, tôi càng thấy tự hào về tờ báo và những người làm báo miền Quan họ. Và thế là cái tên của bài ca đã được định danh: “Báo Đảng miền Quan họ”.

Ngay từ thời kỳ tiền khởi nghĩa trước cách mạng tháng Tám, nhận thức rõ báo



chí là công cụ tuyên truyền, giáo dục đảng viên và quần chúng, nên sau khi thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tờ báo **Thanh niên** (21/6/1925) mở đầu thời kỳ Báo chí cách mạng Việt Nam.

Những hội viên Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên của tỉnh Bắc Ninh hồi đó được đào tạo ở Quảng Châu (Trung Quốc) và trưởng thành ở trong nước, đã thu hút và quy tụ tất cả các giai tầng xã hội, đặc biệt là giai cấp công - nông chiến đấu cho mục đích cao cả, là giải phóng đất nước, giành lại nền độc lập, tự do.

Thời gian này cùng với các phong trào đấu tranh sôi nổi, việc đọc sách báo công khai của Đảng ngày càng phát triển sâu rộng. Các báo Tin tức, Lao động, Tiếng nói của chúng ta, Tiếng trẻ, Thời thế, Bạn dân... cùng tác phẩm Về vấn đề dân cày của Qua Ninh (Trương Chinh) và Vân Đình (Võ Nguyên Giáp), các cuốn sơ giản về Chủ nghĩa Mác Lênin được phân phát rộng rãi. Đặc biệt là ở làng Đình Bảng (Từ Sơn) cùng với những nơi có phong trào đọc sách báo cách mạng như Phù Lưu, Cẩm Giang, Trang Liệt (Từ Sơn); Liễu Ngạn, Liễu Khê, Yên Mỹ (Thuận Thành); Đào Xuyên, Thuận Tôn, Đông Dư (Gia Lâm); Lạc Đạo, Ngải Dương, Ngu Nhuế (Văn Lâm) và thị xã Bắc Ninh... Thông qua đọc sách báo thời kỳ vận động dân chủ, trình độ giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao, nhất là tầng lớp công nhân và học sinh. Và rồi lần lượt các tờ tin “Kháng Địch”, “Hiệp Lực”... đã ra đời là tiền thân của Báo chí cách mạng tỉnh Bắc Ninh. Những chi tiết lịch sử ấy, cùng với phần

lời ca của nhà báo, Tổng Biên tập Nguyễn Tiến Vụ đã giúp tôi tạo nên cảm xúc hình thành nên những ca từ trong ca khúc: “Từ tờ Kháng Địch ra đời trong kháng chiến, là người chép sử đồng hành với quê hương. Trong những dòng tin, trên mỗi tấm hình, nặng nghĩa ân tình người và đất Bắc Ninh”. “Báo Bắc Ninh - Luôn vững niềm tin làm theo lời Bác: “Bút sắc, Lòng trong, Tâm sáng” hơn sao. “Đoàn kết bên nhau, Đòi mới, Sáng tạo...”. Những chi tiết đó đã dần định hình cho ca từ kết hợp với giai điệu, tiết tấu khỏe mạnh, hùng tráng của ca khúc được hình thành.

Bài hát được viết với khúc thức 2 đoạn đơn, giai điệu bình ổn, dễ hát, lời ca dung dị chân thật với tiết tấu nhịp hành khúc sôi nổi vui tươi ngay từ đoạn mở đầu với những hình ảnh của Hội Báo xuân trong mùa xuân miền Quan họ. “Mùa xuân trên miền quê Quan họ. Trao miếng trà xanh trong canh hát ân tình. Hội Báo xuân trên miền quê Quan họ, là ngày hội của người làm báo Bắc Ninh...”

Nếu như đoạn 1 là khúc mở đầu, giới thiệu về tờ báo Đảng của miền Quan họ thì đoạn 2 đã phản ánh được toàn bộ quá trình ra đời và phát triển của Báo Bắc Ninh, khẳng định vị trí là “người chép sử” luôn đồng hành với quê hương và trên hơn cả, là niềm tự hào vô hạn của những người làm báo Bắc Ninh hôm nay vì đã góp công sức để truyền đạt tới cán bộ, nhân dân trong tỉnh những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm cho truyền thống cách mạng của cha ông được tiếp nối và phát huy, xứng đáng với tên gọi: Báo Đảng miền Quan họ quê tôi!

MỘT THẦY GIÁO Ở VÙNG ĐỊCH HẬU

MAI KHÁNG

Thầy giáo Mai Hiền Hàn (1908 - 1986) nguyên là Hiệu trưởng trường cấp I dân lập xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 1954 - 1959. Thầy là một trong những người gieo cái chữ và xây dựng nền giáo dục cộng hòa đầu tiên trên quê hương Tam Đa, huyện Yên Phong. Trước đó thầy được Tỉnh trưởng tỉnh Bắc Ninh bổ nhiệm về xã Thọ Đức, tổng Phong Xá làm hương sư từ tháng 6 năm 1933. Trong suốt thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc và kháng chiến chống Pháp, chỉ có một mình nhưng thầy đã gây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương và tham gia kháng chiến bằng những khả năng và tri thức của mình. Ngoài dạy chữ Quốc ngữ thầy còn viết và viết rất đẹp chữ Nho, chữ Pháp và nói tiếng Pháp rất thạo. Nhờ đó thầy đã bảo vệ được ba cán bộ cách mạng khỏi bị địch bắt.

Những năm 1952-1953 cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đang đi

vào giai đoạn quyết liệt. Xã Tam Đa là nơi nằm trên tuyến đường đi lại của sỹ quan, binh lính Pháp từ nội thành Bắc Ninh lên bắt Phù Yên, tổng Dũng Liệt, huyện Yên Phong cả bằng đường bộ và đường thủy sông Cầu. Nơi đây là vùng giáp ranh giữa vùng địch và vùng tự do của ta ở Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên chúng thường càn quét, bắt bớ cán bộ, bắt thanh niên trai tráng đi phu, đi lính, bắt dân dồn xuống thành Bắc Ninh để lập nơi đây một vành đai trắng. Mỗi khi càn quét chúng bắt, hãm hiếp, đánh đập và bắn chết rất nhiều người dân vô tội. Nhiều người đã chết oan uổng hoặc bị tù đày trong các nhà tù đế quốc. Nhân dân ta vô cùng căm phẫn.

Thời gian này thầy giáo Hàn lại có Nghị định bổ làm Hương sư trường Phấn Động, huyện Yên Phong do Tỉnh trưởng Nguyễn Khánh Đắc ký ngày 18/2/1945 và Đốc học Đỗ Đình Nghiêm sao lục thi hành (Nghĩa là mình cụ phải kiêm dạy hương sư cả 2 làng Thọ Đức và Phấn Động).

Tại đây vẫn một mình cụ vừa xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục vừa trực tiếp giảng dạy ở nhiều lớp, nhiều trình độ khác nhau. Tuy là trong vùng tạm chiếm đời sống nhân dân còn khó khăn, chiến tranh loạn lạc nhưng phong trào giáo dục vẫn phát triển. Trong nhật ký của cụ giáo Mai Hiền Hàn ghi lại điều đó như sau:

... “Cái năm năm hai/
Song sang Phần Động/
Dân làng trông thấy/
Lại bầu giáo viên/
Dạy trường dân lập/
Học trò tập nập/
Buổi sáng buổi chiều/
Dạy hơn trăm đứa”.

Cụ dạy học và ở ngay trong nhà dân ở làng Phần Động. Đây là một dinh cơ nhà ngói rộng, tường cao cổng kín của địa chủ Hàn Thảo. Một điền chủ lớn có tới hơn ba trăm mẫu ruộng ở Tam Đa đã bỏ chạy từ tháng 8/1945, khi cuộc cách mạng giành chính quyền của Đảng và nhân dân ta thành công.

Trong lớp học này có một chiếc cổng xây gạch, cạnh cổng là chuồng ngựa, giữa cổng xây và chuồng ngựa có một khoảng trống kín. Muốn vào được chỗ này



phải trèo lên trên cổng xây rồi tuột xuống. Do đó Thầy Giáo Hàn đã coi như đó là một căn hầm bí mật để che giấu cán bộ mỗi khi bị địch truy bắt.

Đề chủ động tấn công địch, cán bộ và du kích xã Tam Đa được lệnh của Thượng cấp bắt giữ Chánh tổng Dũng Liệt (Ở gần bót Phù Yên) là đầu não của chính quyền làm tay sai cho Pháp gây nhiều tổn thất cho lực lượng kháng chiến của nhân dân ta.

Hôm đó vào hạ tuần tháng Sáu năm 1953, Chánh tổng Phù Yên đi trên chiếc xe đạp Lanh côn xuống thành Bắc Ninh trở về đến địa phận làng Phần Động (thuộc xã Tam Đa) thì anh em du kích dưới sự chỉ huy của ông Nguyễn Văn Tôn và ông Nguyễn Huy Tạ đã mai phục sẵn, yêu cầu ông xuống xe và đưa vào làng Phần Động giam giữ ở hầm bí mật và đêm đó giao cho thượng cấp.

Bị mất người, tên Quan Ba Pháp chỉ huy bót Phù Yên điên cuồng tổ chức lực lượng càn quét và khủng bố. Ngay từ mờ sáng hôm sau chúng đã bao vây toàn bộ làng Phần Động. Chúng lùng sục vào từng nhà dân bắt toàn bộ người lớn và trẻ em ra điểm tập trung. Chúng đánh đập tra khảo những người dân vô tội hòng khai ra các cán bộ Việt Minh. Trong số những người đó có cụ Hoàng Duy Đài là người bị chúng tra tấn dã man, chết đi sống lại nhiều lần nhưng cụ quyết không khai gì (Đến nay cụ vẫn sống tuổi thọ hơn 98 tuổi).

Giữa lúc đó, ba cán bộ của Ủy ban kháng chiến xã Tam Đa chạy vào trường học của thầy giáo Mai Hiền Hàn đó là các ông: Nguyễn Quang Nghĩa - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến, ông Trần Thọ Xuyên, Ủy viên thường trực Ủy ban và ông Nguyễn Như Bích - Xã đội trưởng xã Tam Đa. Thầy giáo Hàn giúp đỡ các ông trèo vào hầm bí mật rồi đóng công chặt, trở vào để chuẩn bị lên lớp.

Một lúc sau một tốp lính Pháp tới đập cổng và hò hét ầm ĩ. Đã chuẩn bị tinh thần trước, thầy giáo bình tĩnh ra mở cổng. Chúng ập vào và cứ báng súng nện vào người cụ. Tiếp đó chúng hung hăng lục soát khắp lớp học và bới tung các đồ đạc cũng như xĩa xói vào tất cả các xó xỉnh. Lúc ấy thầy Hàn bình tĩnh nói bằng tiếng Pháp:

- Đây là lớp học không có Việt Minh, yêu cầu các ông không được làm ảnh hưởng tới việc học tập của học sinh.

Bọn chúng thấy thầy giáo người An Nam nói được tiếng Pháp thì chúng thay đổi thái độ. Chúng tỏ ra tôn trọng và đứng nói chuyện với cụ rất lâu. Lợi dụng tình thế ấy thầy giáo đã nhanh trí tranh thủ cảm tình thuyết phục chúng ra khỏi trường. Vì nếu kéo dài thì rất nguy hiểm cho cán bộ ta đang trong hoàn cảnh chật hẹp trong hầm bí mật, rất dễ bị lộ. Tuy thế chúng vẫn chốt quân đóng tại trường của thầy Hàn cho đến 5 giờ chiều chúng mới rút lui.

Sau một ngày vây ráp làng Phấn Động, chúng chẳng tìm bắt được cán bộ nào. Trước khi rút lui chúng bắt một số thanh niên và dân chúng lên bót Phù Yên

để lao dịch. Một số chúng đưa đi nhà tù Búp Lê, Đáp Cầu, thành Bắc Ninh và ra lệnh giải tán cuộc bao vây. Trong số những người bị bắt hôm đó có ông Trần Thọ Chỉ, Hoàng Đắc Thuộc, Vũ Xuân Cối, Vũ Xuân Cò... Sau này họ đều trở thành các chiến sỹ, giáo viên cán bộ của Đảng và nhà nước ta (Riêng cụ Chỉ và cụ Thuộc sau được hưởng chế độ lương của người bị đế quốc tù đày. Cụ Chỉ hiện nay 92 tuổi vẫn khỏe mạnh).

Nhờ đó các cán bộ cách mạng trong Ủy ban kháng chiến xã Tam Đa được thoát khỏi bị địch bắt. Những công lao đó cùng với quá trình công tác duy trì và phát triển sự nghiệp giáo dục ở Tam Đa, Yên Phong, khi tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp thầy Mai Hiền Hàn được tặng thưởng Kỷ niệm chương kháng chiến do Ủy Ban hành chính tỉnh Bắc Ninh tặng thưởng ngày 13/2/1958; cũng trong tháng 2/1958 ông được Ty Giáo dục Bắc Ninh tặng Kỷ niệm chương; ông vinh dự được nhận Huy chương kháng chiến hạng Nhì: “Đã có thành tích trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc” do Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký ngày 25/2/1966.

Ôn lại câu chuyện trên để nhớ lại tấm gương sáng người thầy giáo sống trong lòng địch hậu vừa vẫn duy trì phát triển sự nghiệp giáo dục trong hoàn cảnh khó khăn ác liệt và vẫn dùng tài trí của mình để bảo vệ cách mạng góp sức mình cho sự nghiệp đấu tranh anh dũng của dân tộc và giải phóng đất nước./.



Những mẫu chuyện ý nghĩa VỀ BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI VIỆT NAM

Trong muôn vàn tình thương yêu của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho nhân dân, Người luôn dành cho thiếu niên nhi đồng một tình thương yêu đặc biệt nhất. Người khẳng định: Thiếu niên, nhi đồng là người chủ tương lai của nước nhà. Vì vậy, chăm sóc và giáo dục tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải làm kiên trì, bền bỉ.

55 năm qua, từ ngày Quốc tế Thiếu nhi năm 1969, thiếu nhi Việt Nam không còn được Bác gửi thư, nhưng tấm lòng yêu thương và những lời dạy của Người vẫn luôn đồng hành cùng thiếu niên nhi đồng cả nước. Thiếu nhi Việt Nam vẫn luôn cất cao lời hát: “*Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh/Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng*”... để tỏ lòng thành kính Người!

Tình yêu trẻ thơ của Bác không chỉ đơn giản là tình cảm thông thường mà còn là một tình cảm sâu sắc, rộng lớn bao dành riêng cho những người chủ trực tiếp xây dựng xã hội tương lai. Bác là người đầu tiên coi thiếu nhi là người chủ tương lai của nước nhà nên cần phải sớm rèn luyện đạo



đức cách mạng. Thuở sinh thời, Bác Hồ luôn nhắc nhở chúng ta thiếu nhi là những búp măng tương lai của đất nước, chính vì vậy việc yêu thương, chăm sóc thiếu nhi là vô cùng quan trọng. Những câu chuyện ý nghĩa về Bác Hồ với thiếu nhi chính là minh chứng cho tình yêu vô bờ bến của Người dành cho trẻ em. Nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng trích dẫn một số mẫu chuyện ý nghĩa nói về tình cảm của Bác dành cho thế hệ măng non Việt Nam:

Bác Hồ thăm vườn hoa nghìn việc tốt

Sáng mùng một Tết Đinh Mùi (9/2/1967), Bác Hồ về Tam Sơn gặp mặt



đại biểu các dân tộc tỉnh Hà Bắc họp ở chùa Cẩm Ứng.

Xe Bác vừa tiến vào đến nơi, Nguyễn Thế Hải học sinh lớp một đang nô đùa cùng bạn, bỗng reo lên:

- Bác Hồ! Bác Hồ!

- Bác Hồ về thăm quê hương nghìn việc tốt.

Cả nhóm thiếu nhi dừng chơi, xúm lại vây quanh xe Bác.

Đồng chí cán vụ từ trong xe bước ra nhắc nhở các em rồi mở cửa, mời Bác xuống.

Bác tươi cười nhìn các em rồi hỏi:

- Các cháu đang chơi Tết?

- Thưa Bác, vâng ạ!

- Thưa Bác, năm mới, chúng cháu kính chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu!...

Các em đua nhau nói những điều từ lâu mong được thưa với Bác, nhưng hỏi hộp quá, nói không được nhiều...

Bác Hồ rất vui. Nghe các em nói xong, Bác bảo:

- Các cháu làm nghìn việc tốt, có nhớ và làm theo những điều Bác dặn không?

- Thưa Bác có ạ! - Nguyễn Thế Hải

đứng nghiêm đọc liên hồi 5 điều Bác Hồ dạy như đọc đồng thanh ở lớp.

Tất cả đều cười nhưng ai cũng vui vì Hải đã trả lời đúng.

Khi Bác cùng các đồng chí lãnh đạo bước lên chùa. Đội thiếu nhi danh dự đã dâng hoa tặng Bác, Bác nhận bó hoa từ tay Liên đội trưởng Nguyễn Toàn Thắng rồi trao cho đồng chí cán vụ.

Bác hỏi Thắng:

- Cháu học có giỏi không? Có được phần thưởng của Bác không?

- Thưa Bác có ạ. Cháu được nhận phần thưởng của Bác hai lần: Một lần một cuốn sổ, một lần hai quả cam.

Cháu đã được phần thưởng của Bác, cháu phải giúp đỡ các bạn học thật giỏi, lao động thật giỏi... để nhiều người cùng được phần thưởng của Bác, thế mới tốt.

- Thưa Bác vâng ạ!

Để các cháu làm chủ

Cũng chính tại ngôi nhà của Bác ở Phủ Chủ tịch có một sự kiện đáng ghi nhớ, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Bác Hồ với thiếu nhi. Từ ngày 22 tháng 6 đến ngày 11 tháng 7 năm 1961, Bác đã dành chỗ đó cho các cháu làm phòng triển lãm **“Thiếu nhi với 5 điều Bác Hồ dạy”**.

Trong 20 ngày, có gần 10 vạn thiếu nhi đến xem triển lãm và vui chơi trong dịp hè. Bác Hồ, Bác Tôn đã đến nói chuyện và dự liên hoan với 2.000 thiếu nhi trong buổi bế mạc ngày 11 tháng 7 năm 1961.

Đồng chí phục vụ Bác cảm thấy như



vẫn còn sôi động khi vào dịp hè năm 1961 các cháu thiếu nhi tổ chức triển lãm “*Làm theo 5 điều Bác Hồ dạy*” trong nhà khách Phủ Chủ tịch.

Trung tâm triển lãm chính là phòng khách long trọng của ngôi nhà. Nhiều em lần đầu tiên được đến nơi này thích lắm, chỗ nào cũng sờ, sung sướng lăn cả ra nhà, bãi cỏ.

Những tiếng hát, tiếng cười nói vang vang, đúng là ngày hội. Có đồng chí sợ tiếng loa làm ảnh hưởng sang các cơ quan xung quanh nên xin Bác bỏ bớt loa đi, nhưng Bác bảo:

- Triển lãm của các cháu phải để loa mới vui.

Bác còn nhắc phải có nhiều kem, si-rô, nước và bánh kẹo để phục vụ các cháu.

Thỉnh thoảng những khi nghỉ, Bác

cũng ra xem các cháu vui chơi. Có hôm Bác đi dạo ở phía dưới, thấy một phòng có kê các ghế băng. Bác hỏi các đồng chí ghế đó để làm gì. Đồng chí phục vụ thưa:

- Thưa Bác để dành cho các cháu bị mệt ạ.

Thấy vậy, Bác bảo:

- Sao dành cho các cháu mà lại không có giường?

Ngày hôm sau, các đồng chí phục vụ triển lãm đã liên hệ với Bộ Y tế và các ghế băng được xếp lại nhường chỗ cho những chiếc giường xinh xắn.

Bác Hồ là như vậy. Khách của Bác, dù là những người nhỏ bé nhất cũng luôn được tôn trọng và quan tâm chu đáo./.

BBT



Điều kỳ diệu

HÀ NGUYỄN THẢO

Dưới lớp đất tối đen, những hạt đậu nằm ngủ im lìm, co ro trước cái lạnh. Thình thoảng hạt đậu lại cựa mình vì môi. Đậu Đỏ nói:

- Đậu Trắng ơi! Cậu có thức không? Tớ thấy mới quá!

- Ủ! Tớ cũng vậy! Nhưng chúng ta cứ ngủ thôi! Trời lạnh mà!

Hai hạt đậu thì thào trong lớp đất âm. Chúng không biết rằng hàng ngày vẫn có ánh mắt như muốn nhìn xuyên qua lớp đất ấy kiếm tìm điều gì.

Đạo trước, sang nhà ông bà chơi, Na thấy bà đang ngồi cặm cụi nhặt đỗ. Rồi bà cho Na mấy hạt và nói:

- Cháu về đặt những hạt đậu này dưới đất, hàng ngày tưới nước cho nó, sẽ có điều kì diệu đến!

Bé Na thích lắm, cảm ơn bà rồi rít và giữ gìn những hạt đậu trong gói giấy nhỏ như bảo bối. Mẹ cho em một chiếc chậu bằng gốm. Na lấy đất trong vườn đổ gần đầy chậu và vùi hai hạt đỗ xuống như lời

bà dặn. Em đặt cái chậu ngay gần bên bậu cửa sổ trước bàn học. Trừ lúc đi học ra, còn cứ ở nhà là em không rời mắt khỏi chậu đất có hai hạt đỗ. Na tò mò không biết điều kì diệu sẽ đến mà bà nói là gì.

Một ngày, hai ngày... rồi thêm nhiều ngày nữa trôi qua, tìm kiếm mãi nhưng Na chẳng thấy gì ngoài mặt đất im lìm. Con mèo lười nằm cuộn tròn bên cạnh mắt lim dim ngủ. Dù vậy, Na vẫn đều đặn tưới nước hàng ngày vào chậu, từng chút một nhẹ nhàng.

Trong chậu, những hạt đậu căng mình uống lấy làn nước thấm qua kẽ đất.

Một hôm, Đậu Đỏ nói chuyện với Đậu Trắng:

- Tớ muốn xem bên trên lớp đất kia có gì! Ở đây tối quá!

Qua kẽ nứt của lớp vỏ, Đậu Đỏ vươn mình lách qua. Cái mầm xanh bé tí ti nhúc nhích, nhúc nhích rồi cũng thoát khỏi cái vỏ bọc, khẽ bật lên mặt đất. Đúng lúc bình minh đang lên, ôi chao, chói mắt quá!



Những tia nắng tinh nghịch trêu đùa, làn gió ấm áp như áp ủ mầm non bé nhỏ! Cây đậu bé tí teo thích quá reo lên. Nó uốn mình lên cao nữa đón nắng gió. Không ngờ ngoài mặt đất lại thú vị đến thế, Đậu Đỏ vẫy gọi:

- Đậu Trắng ơi! Cậu cũng dậy đi, ra ngoài này mà xem thế giới tuyệt diệu chưa này!

Đậu Trắng ngái ngủ, cuộn tròn trong lớp vỏ:

- Ôi, lạnh chết đi được!

- Cậu dậy đi thôi! Hình như mùa xuân đến rồi đó. Nếu cậu cứ nằm đấy thì không thể biết cuộc sống ngoài kia lại đẹp đến thế nào đâu!

Đậu Trắng nghe Đậu Đỏ nói vậy cũng nhón mình qua kẽ nứt, đội đất vươn lên xem thế nào! Đậu Trắng chớp mắt nhìn quanh, thấy bạn mình đã có 2 lá mầm xinh xắn, lại sắp nhú thêm những chiếc lá non nữa!

- Cậu thay đổi thật đấy! Tớ không nhận ra nữa!

- Cậu cũng thế mà! - Đậu Đỏ nói.

Đậu Trắng nhìn lại mình cũng có hai lá mầm xanh xanh tự bao giờ!

- Thích quá! Mình đã lớn rồi, thành cây đậu rồi không còn là bé hạt đậu nữa!

Hai cây đậu nhỏ căng thân mình tắm nắng vươn lên!

Hôm ấy, bé Na thức dậy! Như mọi khi, việc đầu tiên là em cầm bình nước tiến tới chỗ đặt chậu bên cửa sổ và ngạc nhiên reo lên:

- Miu ơi! Dậy đi xem có gì này!

Mèo con bị đánh thức mở tròn hai mắt nhìn. Bé Na thích thú nhìn hai mầm xanh đang vươn mình trong chậu! Tắm thân mập mạp, chiếc lá xanh mỡ màng!

- Hai bạn là hai hạt đậu bà cho đây sao!

Tay nâng cao bình nước, bé Na khẽ tưới cho cây! Những chiếc lá được tắm reo vui nhảy múa dưới làn nước!

- Ôi thích quá! Thích quá!

Đậu Trắng nghiêng mình chạm vào Đậu Đỏ bảo:

- Hay chúng ta vươn mình tiếp xem ngoài kia có gì nữa không đi!

Rồi hai cây đậu cứ thế bật lên thật nhanh, lại thêm hai lá nữa, thêm mầm nữa. Dần dần, cây đậu vươn cao khỏi thành chậu. Chà, kia là bầu trời trong xanh, vài chú chim bay lượn, những tán lá dập dờn. Nhưng mới cao hơn một chút thì cây đậu bỗng nghiêng mình như sắp ngã.

- Chúng mình hãy dựa vào song cửa sổ này mới bò lên cao được!

Thế là, cả hai cùng quán thân mình vào chân song cửa sổ vươn cao lên. Bé Na mỗi ngày đều nhìn thấy sự thay đổi ấy, thích thú không cưỡng nổi. Tay vuốt lưng chú mèo đang nằm sưởi ấm, bé Na phấn khích khoe với mẹ vừa đi làm về:

- Mẹ ơi! Sao hai cây đậu cứ lớn nhanh từng ngày thế! Chúng đẹp quá!

Mẹ khen em khéo chăm sóc chậu cây và giải thích:

- Là vì cây đậu không muốn bó mình trong lòng đất, cây đậu mạnh mẽ vươn lên đón nắng gió, hứng mưa xuân, đó là nguồn dinh dưỡng khiến cho đậu lớn nhanh mà khỏe mạnh. Con ăn khỏe và chăm tập thể dục cũng sẽ khỏe mạnh và lớn nhanh như cây đậu.

Bé Na cười tí tít mắt. Mẹ dặn:

- Nếu con chăm sóc tốt, cây đậu sẽ còn có nhiều điều tuyệt vời dành cho con đấy!

Vậy là, hàng ngày bé Na không quên chăm tưới cây, mở cửa sổ thường xuyên. Cây sung sướng đấm mình trong tiết trời mùa xuân đang về. Những hạt mưa rơi. Đậu Đỏ và Đậu Trắng cùng nhau khiêu vũ dưới mưa, lá vươn ra xanh mướt, ngọn tí trên cao và trên từng nhánh cây xuất

hiện những nụ biếc chúm chím. Chẳng mấy ngày, những chiếc nụ bung nở thành những bông hoa tươi đẹp dưới nắng xuân, vài bông đã kết quả.

Hôm bà sang chơi, Na không kìm được muốn khoe ngay với bà:

- Bà ơi, cháu muốn cho bà xem một điều kì diệu!

Em dắt bà đến chậu cây Đậu Đỏ và Đậu Trắng bên cửa sổ. Hai cây đậu thân khỏe khắn, đầy hoa và quả. Ôi chao, những sắc màu mùa xuân in hình trên khung cửa sổ mới đã mất làm sao. Mùa xuân đã đến tự bao giờ mang đến bao điều kì diệu đẹp đẽ! Bà nheo mắt cười, vuốt tóc và khẽ thom lên má Na:

- Cháu cũng lớn nhanh, khỏe mạnh như đậu nhé!



Phụ nữ Bắc Minh

VỚI CUỘC VẬN ĐỘNG “XÂY DỰNG GIA ĐÌNH 5 KHÔNG, 3 SẠCH”

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chăm lo và đề cao vai trò của gia đình trong xã hội. Người đã khẳng định: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”. Trải qua nhiều thế hệ, gia đình Việt Nam được hình thành và phát triển với những chuẩn mực giá trị tốt đẹp góp phần xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị truyền thống quý báu như lòng yêu quê hương, đất nước, lá lành đùm lá rách, thủy chung, hiếu nghĩa, cần cù sáng tạo trong lao động, bất khuất, kiên cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách... đã được các thế hệ gia đình Việt Nam giữ gìn, vun đắp và phát huy trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Qua nhiều thời kỳ phát triển, cấu trúc và quan hệ trong gia đình Việt Nam có những thay đổi, nhưng những chức năng cơ bản của gia đình luôn tồn tại và gia đình vẫn là một nhân tố

quan trọng, không thể thiếu trong sự phát triển của quê hương, đất nước.

Đối với mỗi con người Việt Nam, gia đình luôn là tổ ấm, là nơi ta được nuôi dưỡng, giáo dục và hình thành nhân cách. Gia đình là cội nguồn, là sức mạnh, là động lực to lớn cho ta cố gắng, và cũng là nơi duy nhất chở che, curu mang mỗi khi ta vấp ngã trên đường đời... Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam có nhiều câu ca nói về vai trò của gia đình và khuyên nhủ mọi người chăm lo đến tổ ấm gia đình như: “*Thuận vợ, thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn*”, “*Dù đi khắp bốn phương trời/ Công cha nghĩa mẹ không ai sánh bằng*”, “*Chim trời ai dễ đếm lông/ Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày*”, “*Không tình yêu nào vĩ đại như tình yêu của mẹ. Không sự quan tâm nào to lớn bằng sự quan tâm của cha*”.... Đã là người trong gia đình thì phải luôn yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau,



Hội LHPN tỉnh tổ chức truyền thông phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em tại trường THCS Phù Chân, TP Từ Sơn.

“Chị ngã em nâng”, “Anh em như thể tay chân/ Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần”... Không những thế, theo Bác, mỗi người đều có 2 gia đình đó là gia đình nhỏ của riêng mình, là tổ ấm để sớm tối đi về, còn gia đình lớn chính là Tổ quốc, nơi ấy, mọi người phải cùng có trách nhiệm vun đắp, dựng xây, để gia đình lớn ấy luôn luôn được: Độc lập, tự do, hạnh phúc.

Nhận thức được gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của xã hội, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm chăm lo, xây dựng, phát triển gia đình ấm no, tự do,

phồn vinh, hạnh phúc, đảm bảo tiến bộ và văn minh. Trong văn kiện các kỳ Đại hội (từ Đại hội lần thứ VI đến Đại hội lần thứ XII) của Đảng đều nhắc đến và nhấn mạnh vai trò của gia đình đối với sự hình thành nhân cách của mỗi con người, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Mới đây nhất, chỉ thị số 06-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới" ban hành ngày 24/6/2021 cũng đã khẳng định "Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền

các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước”...

Trong 5 năm qua, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Hội LHPNVN và Tỉnh ủy Bắc Ninh, Ban thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã chỉ đạo các cấp Hội phụ nữ trong tỉnh triển khai, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm lan tỏa các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Hội đã cụ thể hóa Cuộc vận động **“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”** gắn với Phong trào thi đua **“Xây dựng người phụ nữ Bắc Ninh thời đại mới có đạo đức, có tri thức, có sức khỏe, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội”**; triển khai thực hiện Kết luận số 01- KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 về **“Đẩy mạnh học tập làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh”** và thực hiện Nghị quyết số 71- NQ/TU, ngày 29/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về **“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”** và cuộc vận động **“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”**; thực hiện có hiệu quả **“Chương trình triệu phần quà san sẻ yêu thương”**, **“Chương trình “Mẹ đỡ đầu - kết nối yêu thương”**... Hội đã có nhiều mô hình rất sáng tạo, hiệu quả để hỗ trợ, giúp đỡ, bảo vệ phụ nữ và trẻ em. Sau 5 năm

thực hiện Cuộc vận động, đến nay, các cấp Hội đăng ký các hoạt động thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, được 1.106 công trình/phần việc; giúp thêm 3.243 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí của cuộc vận động **“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”**, nâng tổng số gia đình đạt cả 8 tiêu chí lên 144.757hộ/160.756 hộ gia đình có hội viên (chiếm 90,04%) vượt chỉ tiêu đăng ký.

Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc được các cấp Hội quan tâm thường xuyên, với các nội dung hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ và cộng đồng, thu hút được sự tham gia của đông đảo hội viên phụ nữ và lan tỏa trong cộng đồng, đặc biệt là thu hút được nam giới tham gia, tạo hiệu ứng tốt trong xã hội. Một số sự kiện lớn, nổi bật có tính lan tỏa, tạo hiệu ứng xã hội mạnh như: Chương trình **“Mẹ đỡ đầu - Kết nối yêu thương”**; **“Ngày hội gia đình hạnh phúc”**; Triển lãm ảnh **“Mẹ - bến đỗ an toàn cho con”**; **“Khoảnh khắc gia đình hạnh phúc”**; **“Nét đẹp Phụ nữ qua ảnh”**; tổ chức các cuộc truyền thông, hội nghị với các chuyên đề: **“Kết nối yêu thương, xây dựng gia đình hạnh phúc”**, **“Xây dựng không gian đọc và thói quen đọc sách trong gia đình”**, **“Xây dựng gia đình hạnh phúc và phòng chống xâm hại trẻ em”**; tập huấn kiến thức bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, chăm sóc sức khỏe...



Gia đình chị Nguyễn Thị Hải Sâm, Phường Hồ - TX Thuận Thành. Gia đình tiêu biểu thực hiện công tác gia đình và cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch".

Có thể khẳng định, việc thực hiện 8 tiêu chí Cuộc vận động "**Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch**" đã góp phần vào thực hiện 13 tiêu chí xây dựng Nông thôn mới một cách có hiệu quả. Theo tổng hợp số liệu từ 8 huyện/ thị/ thành Hội năm 2020 toàn tỉnh có 80% số hộ gia đình đạt cả 8 tiêu chí "5 không, 3 sạch", đến hết năm 2023 số hộ đạt cả 8 tiêu chí đạt 90,04%. Từ cuộc vận động đã có nhiều tấm gương tiêu biểu, nhiều mô hình mới ra đời, góp phần không nhỏ cùng với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hiện thành công

chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

Trong những năm qua, Cuộc vận động Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch góp phần tham gia xây dựng nông thôn mới của tổ chức Hội đã dần trở thành nề nếp, việc làm thường xuyên, tự giác của các cấp Hội và phụ nữ trong toàn tỉnh. Sau nhiều năm triển khai, cuộc vận động "**Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch**" đã được chính thức đưa vào Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, tạo cơ chế quan trọng để Hội phụ nữ các cấp lựa



chọn những hoạt động, phân việc sát với nhu cầu của phụ nữ và khả năng của tổ chức Hội trong tham gia xây dựng Nông thôn mới.

Bằng những hành động cụ thể, thiết thực, cách làm đa dạng, sáng tạo, 5 năm qua, các cấp Hội, nhất là cấp cơ sở đã đăng ký và thực hiện hiệu quả nhiều hoạt động tham gia xây dựng Nông thôn mới. Hàng nghìn mô hình tạo cảnh quan môi trường nông thôn như: “Đường cây - đường hoa”, “Khu dân cư không rác thải”, “Chợ bảo đảm an toàn thực phẩm”, “Đoạn đường PN tự quản”, “Tổ Phụ nữ không sử dụng chất cấm, hoá chất trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm”... Các cấp Hội luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền giáo dục cho hội viên phụ nữ và các thành viên gia đình về kiến thức, kỹ năng, văn hoá ứng xử trong gia đình; rèn luyện những phẩm chất, đạo đức của người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ CNH - HĐH để chị em biết cách tổ chức tốt cuộc sống gia đình; làm tốt vai trò, trách nhiệm của người vợ, người mẹ, người con, người dâu trong gia đình. Đồng thời, Hội đã hỗ trợ nhiều gia đình về nhà ở, vốn, phương tiện sinh kế, kiến thức, học bổng để các gia đình có nhà ở, việc làm, cải thiện cuộc sống...

Đặc biệt, cũng từ các phong trào, các cuộc vận động; các mô hình hoạt động về gia đình của Hội, đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu về xây dựng gia đình “ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh”. Để có được những kết quả trên, các tập thể, cá nhân và hộ gia đình đã hết sức nỗ lực vun đắp, xây dựng cho tổ ấm thật trọn vẹn; các

thành viên gia đình, nhất là những người phụ nữ đã thực sự quan tâm, yêu thương, sẻ chia và hy sinh cho nhau rất nhiều; từ những điều rất đỗi giản dị mà hết sức lớn lao trong cuộc đời, những kết quả này không những mang lại những giá trị tốt đẹp cho mỗi gia đình; góp phần nâng cao vị trí của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội; bình đẳng giới ngày càng trở thành hiện thực; mà còn góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội; văn hóa, văn minh của thành phố quê hương.

Chúng ta tự hào về những người phụ nữ Bắc Ninh - Kinh Bắc với ý chí vươn lên làm giàu cho gia đình, cho quê hương; không ngừng nỗ lực, năng động, sáng tạo, vượt qua thách thức, phát triển sản xuất, xây dựng gia đình hạnh phúc. Chúng ta thực sự xúc động trước những tấm gương tận tụy hết mình; trước những tấm lòng nhân hậu, nghĩa cử cao đẹp vì cộng đồng của biết bao phụ nữ.

Để nâng cao vai trò của phụ nữ trong việc tham gia xây dựng gia đình “5 không, 3 sạch” góp phần xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao và Nông thôn mới kiểu mẫu, đô thị văn minh, trong thời gian tới Ban thường vụ Hội Phụ nữ tỉnh kêu gọi toàn thể các gia đình tiếp tục hưởng ứng và tham gia tích cực các cuộc vận động, các phong trào về xây dựng gia đình; bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp bền vững của gia đình Việt Nam, góp phần xây dựng tỉnh Bắc Ninh ngày càng trở nên văn minh, giàu đẹp; thực sự là tỉnh văn hóa, văn minh từ trong mỗi gia đình, trong mỗi nếp nhà./.

Lý vật yêu thương

Truyện ký: NGUYỄN HỒNG QUANG

Thế là Cụ đã xa các con, cháu, chắt về với các bậc tiền bối được hơn hai mươi năm rồi. Mỗi khi nhớ tới bố tôi tôi lại thấy lòng mình thật day dứt và thương cảm. Bố tôi đã để lại trong tôi rất nhiều kí ức sâu đậm không thể phai mờ.

Ngày ấy nhà nào làm được căn nhà gỗ, cột kê thì đã là khá lắm rồi. Thường thì trên cái “nóng cột - xà nóc, họ hay viết chữ “Hoàn thành” vào ngày tháng năm nào và thêm mấy nét hoa văn trang trí cho đẹp. Bố tôi chỉ cần một ngọn tre non đập dập và mấy lõi quả pin đài cũ bỏ đi, bố tôi đập lấy phần than đen trộn với một ít muối dưới đáy xoong nồi, hoặc bỏ hóng gác bếp, đem giã nhỏ, trộn với một chút bột gạo nếp rồi đem đun sôi lên sẽ thành một loại mực đen nhánh không kém gì mực Tàu. Viết trên nền gỗ đã bào nhẵn cũng khá nổi mà lại giữ màu lâu, qua thời gian, nhiều ngôi nhà bị cũ, hỏng mà màu mực ấy vẫn còn gần như mới.

Đến các ngày lễ lớn như 3/2, Quốc khánh 2/9 hoặc các đợt tòng quân, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ chống Mĩ cứu nước, thì tại đầu làng thường dựng cổng chào bằng tre nứa. Người ta lấy cây nứa chẻ nan, đan thành tám lá cót, đem quét nước vôi, để khô cho trắng rồi kẻ, viết khẩu hiệu lên đó. Ngày ấy chưa có vải hay panô áp phích như bây giờ. Tôi còn nhớ các câu khẩu hiệu như: “Tất cả vì miền Nam ruột thịt; Quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược; Thanh niên ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang... Nhìn những dòng chữ khẩu hiệu được viết, kẻ to nổi bật trên các cổng chào ra vào thôn bản, lòng tràn đầy niềm tin tưởng và thôi thúc hành động. Ai đi qua cũng phải ngược nhìn lên.

Bố tôi làm việc ở trên ủy ban xã cách xa nhà hơn năm cây số mà toàn đi bộ vì đường mòn nhỏ hẹp lại qua rừng, qua suối. Một hôm mưa dầm gió rét cả nhà đợi cơm tối mà mãi chưa thấy bố về,



đến tận gần khuya mới thấy bố cầm bó đuốc lập lòe, bên vai đeo một cái túi vải khá to đựng giấy tờ. Tôi chạy ra cửa đón bố hỏi dồn dập:

- Sao hôm nay bố về muộn thế? Bố có đói lắm không? Cả nhà đang đợi bố đấy!

Bố vui vẻ đáp:

- Hôm nay có rất nhiều việc đột xuất nên họp muộn mới xong, con ạ. Mà xã mình vừa bắt được một tên nghi là thám báo đấy.

Rồi bố cởi chiếc áo khoác ra treo lên móc ở chiếc cột cái giữa nhà. Bố vặn to ngọn đèn dầu đang cháy tù mù trên bàn, thấy mâm cơm còn nguyên chưa ai ăn. Bố vội đi rửa tay rồi giục mọi người ăn cơm kéo đã khá muộn rồi.

Thức ăn đợi lâu đã nguội lạnh, nhưng cả nhà quây quần bên mâm cơm rất đầm ấm vui vẻ. Vừa ăn bố vừa kể chuyện thời sự cho cả nhà nghe.

Bố nói:

- Đây các con chú ý nhé, bọn thám báo giả danh là đi mua trâu rồi hỏi thăm đường vào hang Dơi, rồi đường lên đồi tự vệ phòng không của xã. Nhìn thấy dáng điệu khả nghi mấy em thiếu nhi đang chăn trâu ở đầu làng đã nhanh trí vừa giả vờ dẫn họ đi vừa cử nhau chạy đến báo cho chú công an xã biết tin. Qua kiểm tra giấy tờ phát hiện ra đây là bọn đi dò la các trận địa phòng không của ta.

Bố tôi phụ trách bên Văn hóa xã và kiêm luôn cả giữ thư báo nên bố tôi hay mang về nhà cho chúng tôi những tờ báo cũ đã xuất bản cách đó gần nửa tháng,

chúng tôi đọc chẳng bỏ sót chỗ nào. Kể cả mục “thời tiết hôm nay. Nhưng thú vị nhất là phần tin chiến sự ở miền Nam ta tiêu diệt bao nhiêu tên giặc, giải phóng vùng nào... Rồi mục “khoa học thường thức dạy cách giữ vệ sinh cá nhân hay chống rét cho trâu bò...

Ngày ấy, đất nước có chiến tranh máy bay Mỹ bắn phá ném bom miền Bắc, tàn phá nhiều thành phố làng mạc, gây bao đau thương tang tóc. Nhưng chúng đã bị quân và dân ta trừng trị, bắn rơi rất nhiều máy bay Mỹ.

Một hôm bố tôi đi ra thị trấn, gần cây cầu, nhặt được mấy mảnh xác máy bay Mỹ rơi ở đó mang về nhà. Mấy anh em chúng tôi chưa thấy thứ này bao giờ.

Bố tôi nói:

- Đây là Đuỵ ra (Tức là hợp kim nhôm) loại này mềm hơn sắt nhưng cứng hơn nhôm và không bị rỉ sét.

Mấy hôm sau thấy bố tôi dùng cái cưa sắt cắt thành từng mảnh to nhỏ miếng hình tròn, miếng hình vuông, miếng hình chữ nhật, sau đó bố tôi đào chỗ đất cứng thành một cái hố tròn tròn, rồi đặt tấm Đuỵ-ra lên trên đó, dùng cái chày gỗ giã xuống cho lõm tấm đụy-ra thành cái chảo, dùng dũa tu sửa cho nhẵn cạnh sắc và đột lỗ làm tai chảo để cầm. Ngày đó chẳng có máy móc và dụng cụ cắt gọt như bây giờ, mọi việc đều làm thủ công vất vả lắm, chỉ có chiếc cưa sắt, mấy cái đột, chày và đe búa cùng chiếc dũa ba cạnh. Bố tôi làm cặm cụi mấy buổi mới làm xong được một chiếc chảo.

Sau đó tùy theo những mảnh to nhỏ mà bố tôi làm ra những chiếc lược chải tóc, chải ruôn dầu, ruôn rượu hay cả những chiếc muôi vũa sâu lòng để múc canh, chiếc muôi dăng để xào cơm rang, xào thức ăn và làm cả thìa nhỏ.

Làm cái muôi thì cũng khá giống như làm cái chảo. Nhưng muôi nhỏ hơn lại có phần tay cầm dài và nhỏ hơn, nó sẽ khó đập lõm hơn. Vì thế không làm khuôn ở đất được. Bố tôi nghĩ cách đục hình cái muôi lõm xuống tám gỗ cứng, việc đục vậy cũng khó khăn lắm nhưng bố tôi vừa đục vừa dùng một ít dầu hỏa đổ xuống để đốt cho cháy mặt gỗ lõm xuống được sâu thêm và nhẵn. Nhưng đốt cũng phải khéo và đập tắt cẩn thận, thì mới được như ý. Có khuôn rồi bố tôi bắt đầu làm muôi từ một tấm đũa ra đã cắt thành hình, làm phần múc của chiếc muôi có lẽ còn dễ hơn khi làm phần tay cầm. Bởi chiếc muôi bố tôi làm có cả phần nhọn được uốn cong để móc và còn được đục lỗ sâu dây thép để treo cho tiện.

Làm chảo thì có loại chảo to, chảo nhỏ hoặc đáy nông, đáy sâu. Còn làm xoong thì sau khi gõ, đập cong lõm dần xuống thì lại dùng đầu một chiếc cột tròn làm đe để gõ tiếp cho tròn và thành chiếc xoong có lòng sâu tùy ý. Gò xong thì đến công đoạn làm tai xoong tức là làm tay cầm. Có hai loại, tay cầm loại đơn giản chỉ cần đục bốn lỗ nhỏ đều hai bên rồi sâu hai sợi dây thép và uốn cong lại là xong. Còn tai cầm bắt ốc hoặc tán đinh thì làm khó và lâu hơn nhiều, nhưng bền hơn và khi đun nấu nếu có nước đầy thì không bị nước chảy ra theo chỗ tai cầm ấy.

Làm cái lược thì khâu đầu tiên tương đối dễ, nhưng đến công đoạn cắt răng lược thì phải chú ý cắt thưa cho đúng vạch nếu không thì răng lược không đều hoặc bị chéo dẫn đến đứt, mất răng lược. Mà cái nào bị mất một, hai răng thì coi như bị loại bỏ. Bố tôi làm hai loại: Lược cho nam thì nhỏ và thẳng. Lược cho nữ thì to hơn và lưng lược cong cong. Làm lược thì cũng thưa thưa nhiều hơn cả và cũng phải thật khéo tay và tỉ mỉ từng chi tiết nhỏ. Tôi còn nhớ hồi đó bố tôi làm và còn bán cho bà con xung quanh được mấy chục cái lược, hàng chục cái chảo và mấy cái xoong...

Năm tháng dần trôi, đất nước không còn chiến tranh, đời sống vật chất đã nhiều thay đổi. Những đồ vật mà tự tay bố tôi làm không còn sử dụng mấy nữa, cái thì hỏng cái thì bị quên lãng vứt bỏ. Nhưng chỉ còn cái muôi to thì tôi vẫn thường xuyên dùng, bởi chiếc muôi này sâu lòng nên múc được nhiều thức ăn, mà lại đỡ bị nóng vì có phần tay cầm khá dài.

Một hôm khi về thăm bố mẹ, tôi nhìn thấy cảnh bố mẹ đang ăn cơm và trên mâm có chiếc muôi to ấy. Tự nhiên tôi nhớ đến cái cảnh bố tôi chế ra cái muôi đã trôi qua hơn ba mươi năm rồi mà cái muôi vẫn còn dùng tốt và gần như nguyên vẹn. Tôi nhớ đã bao lần tôi dùng chiếc muôi này múc ngô bung, múc cháo, đặc biệt múc canh rau đay, rau muống cho cả nhà ăn. Chiếc muôi này cũng đã từng múc bao nhiêu ngô, khoai, sắn nuôi anh em chúng tôi lớn lên, đi học rồi đi công tác. Bất chợt tôi nghĩ:

- Ô ! Mình phải lưu giữ chiếc muôi đó.

Thế rồi, mấy hôm sau tôi đã đi mua

mấy chiếc muôi mới nhỏ nhắn hơn đem cho bố mẹ dùng. Tôi nói rằng:

- Bố mẹ ơi! Chiếc muôi này vừa to vừa nặng mà lại cũ quá rồi, con mua muôi mới đổi cho bố mẹ đây này.

Bố tôi đang ngồi đọc báo, ngẩng đầu lên nhìn tôi, rồi bố tôi bảo:

- Ừ, cứ để đấy cho bố.

Sau đó tôi bỏ mấy cái muôi mới vào chạn bát dưới bếp cho bố mẹ và lặng lẽ cất chiếc muôi cũ đem về nhà mình để lưu giữ.

Khoảng hơn một năm sau, bước sang tuổi 83 được dăm tháng thì bố tôi bị đau bụng. Khi xuống Hà Nội vào viện Bạch Mai khám và sinh thiết xong, bác sỹ gọi tôi vào để nói rõ kết quả là bố tôi có khối u ở đại tràng, đã sang giai đoạn cuối. Tôi vô cùng buồn bã, nhưng cũng cố gắng kiếm chế để tạo niềm vui cho bố tôi. Tôi giấu bố tôi và ghi nguệch ngoạc giả làm chữ bác sỹ là bố tôi bị rối loạn đường ruột về nhà cần ăn nhiều rau, uống nhiều nước và uống thêm các loại vitamin...

Hôm khám bệnh xong tôi và người anh trai có gia đình ở Hà Nội, cố tạo điều kiện để bố tôi đi thăm vài nơi ở Thủ đô. Nơi mà ngày xưa bố tôi đã từng làm công nhân ở nhà máy in Tiến Bộ, bố tôi thuộc rất nhiều địa danh phố phường Hà Nội. Đặc biệt bố tôi rất tự hào khi đến thăm Lăng Bác. Chính anh trai tôi là một trong 10 người công nhân của tỉnh Hà Giang được tuyển chọn cử đi xây Lăng Bác cùng với công nhân các tỉnh khác. Khi công việc xây Lăng Bác đã hoàn thành, thì anh tôi được cử đi lao động 3 năm ở Bungari vào cuối những năm 80 của thế kỉ trước. Bố tôi

là bộ đội chống Pháp, đảng viên kì cựu nên bố tôi rất thích tham quan Viện bảo tàng cách mạng.

Tôi hôm đó khi cơm nước xong tôi nói với bố tôi:

- Mai hai cha con mình đi thăm Lăng Bác, bố nhé!

Bố tôi hỏi lại tôi:

- Thế anh đã vào Lăng viếng Bác lần nào chưa?

Tôi đáp:

- Dạ con chưa ạ!

Rồi bố tôi nói:

- Thế thì mai tôi sẽ dẫn anh đi.

Sáng sớm hôm sau tôi thuê một chuyên taxi cùng bố tôi đi thăm Lăng Bác, thăm nhà sàn của Bác, thăm Viện bảo tàng cách mạng. Hai cha con đi tới đâu bố tôi cũng chỉ dẫn cho tôi thật tỉ mỉ. Xế trưa tôi và bố tôi chụp ảnh kỉ niệm ở bên cạnh ao cá Bác Hồ.

Tôi đưa bố tôi đi tham quan như là cách để bố tôi thư giãn quên đi bệnh tật đau đớn, muốn tỏ lòng hiếu thảo với người cha thân yêu của mình. Nhưng bố tôi lại nghĩ rằng, chính bố tôi phải có trách nhiệm hướng dẫn cho tôi thăm các di tích lịch sử đó. Bởi tôi chưa có dịp đến thăm lần nào.

Tôi đưa bố tôi đi tham quan và dạo chơi phố phường. Rồi chọn một nhà hàng ẩm thực khá thoáng đãng đưa bố tôi vào ăn thứ gì đó. Tôi hỏi ý kiến bố tôi, rồi gọi hai tô cháo lươn nóng thơm phức. Vừa ăn bố tôi vừa nói:

- Chỉ ở Hà Nội mới có món cháo lươn tuyệt vời này Họ có bí quyết riêng đấy con ạ. Tôi đáp:

- Vâng ạ!



Kỷ vật của bố

Rồi tôi cố tạo ra không khí vui vẻ và chú ý nghe những lời bố tôi nói. Chứ thật lòng tôi chẳng có hứng thú gì ăn uống gì cả. Ngắm nhìn thấy bố tôi gầy đi nhiều quá và chạnh lòng nghĩ bố tôi đã trải qua bao khó khăn thử thách, bao nỗi thăng trầm của cuộc đời. Cảnh nhà nghèo, bố tôi cố gắng buôn chai, tần tiện để nuôi anh em chúng tôi lớn lên, được đi học, rồi đi công tác, đến giờ vừa mới bớt được chút vất vả thì tuổi già rồi bệnh tật hiểm nghèo lại ập đến... Vẫn biết không ai có thể tránh được quy luật của tạo hoá nhưng lòng tôi buồn lắm. Tôi tự hứa với chính lòng mình là làm tất cả những gì có thể để bố tôi được vui vẻ.

Mặc dầu là đi khám bệnh, nhưng tinh

thần bố tôi luôn lạc quan, tác phong người lính Điện Biên năm xưa vẫn còn sâu đậm trong ông. Ông hào hứng kể cho tôi nghe và nhắc đến nhiều địa danh ở Hà Nội mà lần đầu tôi được biết.

Thế rồi thời gian trôi đi, sau khi bố tôi mất được 10 năm và mẹ cũng đã đi cùng bố tôi được 7 năm, thì xây nhà mới cho hai cụ. Hôm khánh thành, trong bữa cơm gia đình có cả những người con cháu ở xa về. Tôi mới mang chiếc muôi này ra để giới thiệu.

Tôi đã nói với mọi người là chiếc muôi này do chính tay bố tôi làm ra, giờ đây cụ đã đi xa. Chiếc muôi là một kỷ vật vô cùng quý giá đối với tôi và anh em con cháu



trong nhà. Nhắc nhớ về bố tôi, về những năm tháng khó khăn gian khổ khi xưa.

Thứ nhất: Chiếc muôi được làm ra từ mảnh xác máy bay Mỹ bị bắn rơi, nhắc nhớ ta về một thời kì chiến tranh ác liệt và là chiến tích lịch sử hào hùng của đất nước.

Thứ hai: Chiếc muôi này do chính đôi bàn tay bố tôi làm ra bằng những công cụ hết sức đơn sơ. Bố tôi đã đi xa giờ không thể có chiếc muôi nào như chiếc muôi này được nữa.

Thứ ba: Chiếc muôi này đã múc biết bao lượt cơm, canh, ngô, khoai, sắn... Nuôi anh em chúng tôi khôn lớn trưởng thành. Chiếc muôi đã chứng kiến bao nhiêu ngày tháng gian nan, thăng trầm cơ cực của ngày trước.

Trong niềm xúc động dâng trào, rất tự nhiên tôi nảy ra một ý nghĩ là mời mọi người uống rượu bằng chính chiếc muôi này. Tôi rót rượu từ chai ra cái chén, từ chén đem đổ vào chiếc muôi, rồi tôi cầm muôi lần lượt mời rượu từng người có mặt trong bữa cơm hôm đó. Ai cũng nâng muôi trên hai tay thật trân trọng và uống rượu rất vui vẻ, vừa uống vừa chụp ảnh làm lưu niệm. Nhiều người thấy thích thú và cảm động vì lần đầu tiên được uống rượu bằng muôi và là chiếc muôi đặc biệt. Trong một ngày cũng rất đặc biệt như ngày hôm nay. Tôi phấn khích đọc tặng cả nhà bài thơ tôi vừa mới cảm tác: "**Chiếc muôi**" (*Con viết bài thơ dâng kính cha/ Chiếc muôi - kỉ vật của nhà ta/ Xưa muôi múc canh rau, khoai sắn/ Múc cả gian nan suốt một thời... Con uống rượu thơm một chút thôi/ Lấy muôi làm chén khó đầy voi/ Chiếc muôi như*

chiếc thuyền yêu mến/ Chở cả xưa - nay dạt bồi hồi.../ Chiếc muôi nay như biết nói cười/ Như nắng bừng lên rạng niềm vui/ Múc đầy nữa thêm tình đoàn kết/ Uống mãi yêu thương tưởng nhớ Người!

Rồi hàng năm cứ đến ngày giỗ bố tôi, tôi lại mang chiếc muôi ra thắp hương và mời mọi người thưởng chút rượu thơm, thụ lộc, bằng chính chiếc muôi do tay bố tôi chế tác ra. Chiếc muôi múc cơm, canh mà ngỡ như đang đong đầy cả những thương yêu mệnh mông vô bờ bến của bố tôi dành cho con cháu qua chiếc muôi nhỏ bé này.

Thời gian cứ dần trôi, cuộc sống có bao điều thay đổi. Nhưng tôi tin rằng những kí ức về bố tôi, người lính Cụ Hồ. Người chiến sỹ Điện Biên năm xưa. Về chiếc muôi và những tháng năm gian khổ mà hào hùng sẽ mãi còn trong tâm trí của anh em con cháu chúng tôi. Giờ đây chiếc muôi nhỏ này mãi là niềm tự hào về bố. Là kỉ vật yêu thương vô giá. Nhắc nhớ và động viên anh em con cháu tinh thần đoàn kết, vượt qua gian khó để dựng xây cuộc sống đi lên ngày một no ấm, vững vàng hơn, tốt đẹp hơn. Tôi tự nhủ mình phải cố gắng nhiều hơn nữa. Ngày mai đi dự lễ giỗ Cụ, tôi lại đem chiếc muôi này đặt lên bàn thờ để thắp hương, dùng muôi để mời rượu mọi người. Sẽ giới thiệu cho các con các cháu hiểu nhiều hơn về những năm tháng gian khổ mà hào hùng xưa kia. Cùng nhau gìn giữ chiếc muôi - Kỉ vật yêu thương của cả đại gia đình./.

NGUYỄN KHẮC ĐÀM

Viết bên mộ Nguyễn Du

Vẫn biết nằm sâu trong lòng đất
Trái tim mang nặng nỗi đau đời
Vãn chương một kiếp chưa trả hết
Biết mấy ngậm ngùi Tố Như ơi!

Nhân tình thế thái bày ra đây
Trắng đen thật giả rối bòng bong
Rộng dài trái đất bao la thế
Người nằm dưới ấy có hay không?

Chẳng thể vung gươm như Lí Bạch
Lắc đầu đành phận Đỗ Thiều Lãng
Trôi dòng lặng lẽ sông Lam ấy
Động lại lòng ai một phiến trăng./.

PHẠM ĐÌNH THÁI

Đồng bãi quê tôi

Ba mặt là nước
Một mặt đất liền
Lại là huyện khác
Có buồn phiền không.

Sang làm trên bãi
Thì phải qua sông
Đôi bờ sông Đuống
Vẫn trong xã mình.

Một mặt chùng chình
Ba đầu sông chảy
Sông Thái Bình đây
Sông Luộc chia xa.

Sông Thương chảy qua
Thành Ba mặt nước
Lục Đầu xanh mát
Bãi màu quê tôi./.



NGUYỄN VĂN DOANH

Chợ làng

Chợ làng bé tí tẹo teo
 Mớ tôm, mớ tép lèo tèo bán mua
 Rau dưa, trái quả lưa thưa
 Mua mua, bán nắng sớm trưa “đồng hành”.

Bây giờ lên giá cạnh tranh,
 Chợ làng ra hẳn thị thành ngao du
 Ốc cua, lạch rãnh ao tù
 Lên ngôi Hoàng tử con Vua một vùng./.

NGUYỄN TIẾN LỘC

Đường núi

Ở bên kia núi vẫn là núi
 Đi nửa đời người chẳng thoát ra
 Hỏi núi. Chỉ thấy toàn mây trắng
 Chim lững lờ bay chân trời xa
 Hỏi đất. Đất lặng im sâu thẳm
 Quanh đi, quẩn lại vẫn là ta
 Hỏi cô áo chàm đang tria bắp
 Cô cười: “Đường núi khó lối ra”./.

PHAN TRỤ

Buộc

Buộc mình vào sợi gió đêm
 Sợi vô hình quện mắt em sông Cầu
 Buộc em bằng nửa miếng trầu
 Bằng câu Quan họ lắng sâu chùng chình.

Đêm khuya thấp cạn bóng mình
 Chênh chao một nỗi sợi tình nỗi trôi
 Nụ hôn vừa chạm bờ môi
 Chợt nghe tiếng cuộc đã thôi khóc hè.

Chiều gầy vắt kiệt tiếng ve
 Hồn ta rọp mát bóng tre đầu làng
 Mượn tình tôi buộc tình nàng
 Ngồi ru lá rụng khê khàng trong đêm.

Bóng tôi quện chặt bóng em
 Bồng bênh nỗi nhớ ru thêm một lần./.





CHÔNG CHÀNH CÁNH VÔNG NGÀY HẠ...

TRẦN VĂN THIÊN

Trên chặng dài xa quê của mình, có những hoàng hôn trở gió tôi dừng lại trước một vùng trời thênh thang, lòng dậy lên ước muốn được về lại hiên nhà đong đưa trên cánh võng.

Khi bóng nắng lụi dần phía ngọn đồi bạch đàn thân trắng bạc, gió bắt đầu tung tẫy giữa những phiến lá xoã dài tựa vạt tóc, thì cũng là lúc cái nóng hanh hao của ngày hè dịu đi, và hương trái chín ủ ấp từ mảnh vườn của mẹ theo gió loang xa mãi. Tôi thường ngồi trên cánh võng nhìn ra, trước mắt tôi là bóng hình một góc quê thân thuộc đã in sâu vào tâm tưởng. Rồi đi và trở về giữa muôn tiếng vọng từ nguồn cội, để rồi thấm thía nhận ra, dẫu

bàn chân có đứng ở phương nào thì ánh lửa nhớ thương trong tôi vẫn chưa bao giờ lụi tắt. Như cánh võng quê nhà lặng lẽ ru hoài miền ký ức chân phương.

Có lẽ vào những ngày tháng cũ, đưa trẻ quê nào cũng lớn lên bên cánh võng dịu dàng của mẹ, của bà. Những cánh võng được mắc ở giữa nhà, ngoài mái hiên hay dưới tán cây an lành tỏa bóng mát. Người ở quê trước khi dựng nhà thường tính sẵn chỗ để mắc võng, bởi từ bao đời cánh võng đã lặng thầm góp mặt vào những đồ vật bình dị, bền bỉ tạo nên hồn cốt quê hương.

Thảnh thơi ngả lưng lên mặt võng, khẽ nhún chân để nhịp võng đong đưa, đôi khi những làn gió trời ghé qua mát rượi,

thật tự nhiên và dễ dàng ta được diu vào giấc ngủ đầm sâu. Từng buổi trưa oi ả giữa miền quê nhỏ, cánh võng đã bồi nên giấc ngủ êm đềm cho những đứa trẻ nép mình vào lòng mẹ, trong không gian tĩnh mịch chỉ nghe lác đác dăm tiếng gà bâng quơ, tiếng nước chảy réo rắt vào chum đất sau nhà. Cũng từ đó mà những giấc mơ thơ trẻ được thành hình, bay bổng tựa áng mây điềm nhiên ngoài ô cửa, làm đôi môi nhỏ chúm chím một nụ cười, yên bình như đoá hoa chớm nở giữa mảnh trời yêu thương.

Trên cánh võng nghiêng chao sớm tối, những người mẹ quê đã cất lên bao điệu ru con thấm thiết tựa dòng sông dài vỗ nhịp phù sa. Lời ru bên cánh võng, nhịp hát ru ngân nga quyện hoà cùng nhịp võng nhẹ nhàng kẽo kẹt, sánh đôi bên chặt bao đời thành một điệp khúc khôn nguôi, một mảnh hồn quê trong vắt giữa cuộc người dâu bể. Đó là khoảng trời riêng của mỗi đứa trẻ gói đầu lên những vãn ca dao mà say ngủ, để rồi tất cả đã âm thầm bồi lắng nên bao vẻ đẹp của tâm hồn - vẻ đẹp không gì có thể thay thế. Và sẽ đến một ngày từng đứa trẻ ấy lớn lên, mang theo những cánh cò cánh vạc, khúc ru hời bên nhịp võng của mẹ mà toả đi muôn hướng, sau lưng là bóng hình cố xứ có những người luôn canh cánh đợi mong.

Chiều nay, nghe ngọn gió hè phe phẩy ngoài thềm, tôi nhớ cánh võng quê đòng đưa bên bậu cửa, nhớ giọng mẹ bùi ngùi cất lên câu hát ru thơ ấu: “Một mai ai chớ bỏ ai. Chỉ thêu nên gấm, sắc mài nên kim”. Hồi đó còn nhỏ, tôi chỉ nghe mà

chưa tỏ nỗi niềm của khúc ca dao, nhưng từng âm điệu, lời hát của mẹ đã dần ngấm vào tôi tựa những con sóng cứ diu dặt vỗ bờ, tự lúc nào hoá thành một mạch nguồn diu dặt chảy trong sâu thẳm. Mạch nguồn ấy liu riu khơi lại trong tôi những năm tháng đã qua, khiến tôi luôn thầm biết ơn từng đồ vật thuộc về góc quê dân dã, đậm vương dáng hình của mẹ. Là cánh võng bên dầy dẫu thời gian, là chiếc đòn gánh oằn hai đầu sương gió, là ngọn đèn dầu toả quang sáng phiêu dao, cái cối đá sau hè, vành chum hần rêu phủ... Tôi tự hỏi quăng đời thơ ấu của mình sẽ thế nào nếu thiếu đi chúng, ở những góc nhỏ khiêm nhường dưới mái nhà bời bời nắng mưa?

Ngoại và mẹ tôi, những người phụ nữ trọn một đời gắn mình với quê, đã quen ngủ trên cánh võng chòng chành thân thuộc, nên đi đâu xa lòng lại râm ran nhớ. Dẫu mẹ và ngoại có được ngả lưng trên những tấm nệm thật êm, thì chỉ qua hôm sau đã thấy dường như thiếu vắng. Đời tôi, rồi đến đời cháu tôi lần lượt có những giấc ngủ tròn căng theo nhịp võng của mẹ. Tôi theo những viễn ước xuôi từ quê xứ ra thị thành, đi xa hơn cả bao mộng mơ ngày nhỏ, để rồi nhận ra quê nhà là cánh võng mênh mông, đời người có lên thác xuống ghềnh rồi cùng cũng chỉ cần một điểm tựa để quay về. Và chẳng cần gì lớn lao hơn niềm hạnh phúc được ngồi trên cánh võng của mẹ, thơ thới nhìn vạt khói chiều lằng lằng vắt ngang chái bếp, lắng nghe con sóng lòng man mác nông sâu...

Mười hai bến nước

NGUYỄN THỊ THIỆP



Cương Đào Mỏ đi thành phố Lào Cai đón dì Hiền về thăm quê thì cả ngõ biết. Hôm nay hai dì cháu vừa về cả ngõ đã xôn xao. Tám giờ về, chín giờ trang facebook “Cương gà chọi” đã phát trực tiếp hình ảnh bà Hiền sau gần 50 năm

lưu lạc nay đã về thăm chôn xưa, loáng cái đã có mấy chục comment, bốn, năm người like vui ra phết. Bà Hiền bày lễ lên bàn thờ thấp hương tiên tổ, ngần ngơ ngắm tìm dấu xưa trên nền đất cũ, dáng bà cao, mặt, trắng trẻo, áo bà ba xanh, quần sa tanh đen, đầu đeo cái đai xanh như tuyền thủ ten nít, quàng quanh cổ vòng tràng hạt gỗ màu hồ phách rõ là quý bà sang trọng.

Nhà Cương Đào Mỏ cao ba nếp, xây trên đất thừa tự của ông Vụ. Ông Vụ khô cằn lam lũ thì bà Vụ lại béo tốt an nhàn. Bà bị quặm mắt từ nhỏ phải đeo tấm vải màn phía trước không thì chói không nhìn được, từ khi kết bạn với ông bà chỉ quanh quẩn việc nhà, việc đồng ông Vụ kham hết. Trừ mấy tháng mùa đông còn quanh năm quần đùi, hai cẳng chân đen như đòn tre gác bếp. Họ chỉ sinh được hai cô con gái, nhà nghèo lại không con trai, con lầy chồng xa coi như trắng tay. Xóm mình nghèo, nhưng lại là trung tâm của làng, ấn tượng nhất là cái cổng Xóm đắp đất, bên cạnh có cây đa gốc to như đồng rom sần sùi hóc hác, rễ chùm ăn vào cổng đất thành một khối rất

huyền bí khiến ai đi qua cũng không khỏi chộn rộn bồi hồi, cành đa tỏa ra, tỏa đến đâu rễ cắm xuống đất tới đó, đỡ cho cành đa vươn tiếp tạo thành cái tán cây rất rộng quanh năm ẩm và mát, một cành đa xòa ra ao làng, ao làng rất rộng, trồng sen thơm ngát. Mùa hè, ban ngày trẻ con cả làng về đây tắm mát, tối cánh thanh niên nam nữ ngồi quanh bờ ao hóng mát đánh đàn thổi sáo hò hát rất vui, cánh con trai trèo lên cây đa, leo ra mãi ngoài mới nhảy ùm xuống ao, bơi một vòng lại leo lên nhảy tiếp, lũ con gái thì ôm cây chuối đánh bùm bùm ở cầu ao. Cầu ao dài nhiều bậc xếp bằng những phiến đá xanh rất to và đẹp.

Mình vẫn còn nhớ như in: sáng ấy mình đi học về qua cổng xóm thì anh Tập ở dưới ao gọi:

- Nắng thế này mà không mang nón, chờ anh hái cho cái lá mà che.

Nhà mình ngay đây nên mình dừng lại hỏi:

- Anh tìm hoa dứa à?

Anh không trả lời mà giơ cái lờ cá rô lên:

- Chờ anh đặt lờ xong anh hái cho cái lá sen làm ô mà đi.

Thấy anh thân thiện mình tiến ra gần bờ ao, anh Tập thì nhào người ra ngoài bẻ cái lá sen tươi nhất có cái cây dài đưa cho mình còn dặn:

- Em nhìn xem có bông hoa nào chỉ anh hái cho.

Mình chỉ cái nụ hoa ở xa, anh ngẩng lên nhìn theo rồi nhào bơi đi, người anh nổi lên, hai chân đạp nước, nước cuộn lên như bánh lái con tàu, hai tay anh vung lên phía

trước gạt những cọng sen dạt sang hai bên mở đường vào, phục tài anh Tập quá. Đến lúc anh trở lại, trao cho mình nụ hoa nhìn cánh tay anh có nhiều vết xước rớm máu, mình hỏi:

- Anh làm sao thế?

Anh bảo:

- Không sao cả, sen có gai.

Hình ảnh gai sen cào rách da tay anh Tập ám ảnh mình mãi tận bây giờ.

Về nhà, bố nhìn con gái đi học về thì mừng và lạ. Bố bảo lá sen che nắng, tay cầm nụ sen lớn rồi hồn con sẽ có tâm đức Phật. Mình bảo thế là thế nào hả bố? Bố bảo lớn rồi sẽ biết. Mình hỏi bố có cái chai nào cho con mượn? Bố bảo có cái chai lờm đít để quay cánh cửa, đừng làm vỡ nhé. Mình để lọ hoa góc bàn, nó tươi khá lâu, rồi nở hoa, cánh hoa như cái thuyền, mình đếm được mười hai cái, rụng đến trơ cái nhụy và cái bát bên trong mình mới dọn đi. Trong ngõ có thằng Tại con ông chú ruột, Tại cùng tuổi nhưng học sau mình một lớp. Nó rất nghịch, ngày nào cũng ra đồng thả diều, bắt chim sâu đen cháy người. Một hôm người nó lấm lem đi từ đồng về, vai đeo cái gầu tát nước, hai tay bê rổ cá nó bảo nó đi tát cá với anh Tập, anh Tập đang xây lò đun gạch ở chuôm ông So có muốn xem nó cho đi theo?

Thú thật, từ hôm anh Tập cho hoa, mình thấy nao nao thế nào, thích anh ghê, mặt anh ấy hiền, bên má phải có cái nốt ruồi hơi to, không xấu mà ấn tượng. Nay nghe Tại rủ đi xem anh Tập xây lò thì ưng lắm, mình bảo mẹ:

- Chiều nay mẹ cho con đi chơi với

em Tại nhé, xem bọn nó xây lò đun gạch ở chuôm ông So.

Mẹ bảo:

- Học xong, trời mát mới được đi, bảo thằng Tại sang đây mẹ dặn.

Chiều mát Tại sang, mẹ dặn nó:

- Hai chị em đi chơi phải đoàn kết. Đứa nào trêu ghẹo về bảo bác, không được đánh nhau đấy nhé.

Nó vâng. Hai chị em chạy như bay ra đồng.

Đồng làng đã cật lúa từ lâu, gốc rạ đã khô xác, chuôm ông So vừa tát cạn, lầy bùn đóng gạch. Anh Tập với mấy đứa đang xây lò, lò xây bằng những viên gạch bé xíu rộng chừng ba đầu ngón tay có cả cái cửa lò vòng bán nguyệt phía trên nom rất đẹp chuẩn bị nung gạch, nung cả con chó cả bát, đĩa, nồi, chum vại nữa. Anh Tập bảo thằng Tại thằng Hải đi nhặt cứt trâu khô, cái Nga cái Lành kiếm củi, anh Đăng về làng xin mùn cưa, mình đi nhặt quả phi lao, anh cầm hai đầu vạt áo kéo lên bảo để quả phi lao vào đây này. Tất cả nguyên liệu kiếm được tập hợp vào trong cái cống thông chuôm với mương nước gọi là kho, không khí rất nhộn nhịp. Từ ấy chiều nào mình cũng theo thằng Tại ra xem anh Tập đốt lò có hôm còn được ăn ốc nhồi, lươn chạch nướng. Một hôm đang vui bỗng có tiếng gầm rú kinh hoàng trên bầu trời. Hai chiếc máy bay trắng xóa lấp lóa trong nắng loại máy bay thon nhỏ hơn máy bay bà già rất nhiều mà bay nhanh khủng khiếp còn nhào lộn nhả những vệt khói trắng to bự trên trời nom rất lạ. Cả bọn nằm im run sợ. Mình bị anh Tập ấn vào trong cống anh

ở ngoài theo dõi và che chở khiến mình hết sợ và yêu quý anh Tập hơn. Máy bay bay đi cả bọn chạy vội về nhà. Đang sợ mẹ mắng thì mẹ lại bảo máy bay của ta tập đấy, huyện thông báo mà mình không biết, sắp đánh nhau rồi.

Học sang cấp 2 thì Mỹ đánh kho xăng Đức Giang, lửa khói ngút trời. Cả xã tập dân quân, chỗ nào cũng hầm hào công sự, bố mình cũng đi học lớp cứu thương, trường sơ tán về học ở các đình các chùa, học sinh đi học phải đội mũ rơm. Vào ban ngày bị hạ nhiều, máy bay địch tiến đánh ban đêm. Đêm ấy bầu trời rung chuyển địch đánh lén Hà Nội. Chao ôi lưới lửa phòng không của Thủ đô khiếp thật, trời Hà Nội rực sáng, từng đợt, từng đợt đạn lửa nối nhau trên nền trời nom quá đã mắt. Bỗng xuất hiện hai con rồng lửa. Hai khối lửa to vĩ đại bay vút song song trên bầu trời rồi bùng! Như một chai xăng bắt lửa, hai máy bay trúng đạn cháy như đồng rơm cháy, từng mảng rơi lá tả, bọn mình hò reo khản cả họng, có người còn trèo lên cây cao để tận hưởng cái cảnh Hà Nội đánh Mỹ hào hùng. Bỗng từ rất xa có tiếng hô dù phi công đang rơi hò nhau đi bắt, cánh thằng Tại cũng vác gậy chạy theo vừa chạy vừa hò reo âm ỹ. Năm ấy anh Tập 18 tuổi trúng tuyển đi bộ đội, trước khi đi, gia đình anh mang cành cau sang nhà ông Vụ xin chị Hiền cho anh Tập, quê tôi gọi là dặm ngô. Lúc ấy chị Hiền đã hai mươi tuổi coi như thuyền đã có bến, chả là gái hơn hai trai hơn một là đẹp. Anh Tập đi bộ đội đám đốt lò vỡ luôn. Từ lúc ấy mình lại ghét chị Hiền mặc dù mình mới 14 tuổi. Rồi mình

vào trường cấp ba. Học xong cấp ba mình đi học chuyên nghiệp, lúc này mình đã biết nhiều điều, biết ý nghĩa câu nói quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh thì xã làm lễ truy điệu liệt sỹ Nguyễn Việt Tập. Trong lễ truy điệu nhiều người chít khăn trắng, mỗi chị Hiền mặc áo dài trắng như người quả phụ, có người bảo: “Đã có gì đâu mà phải chớ”? Có người lại bảo: “Một ngày nên nghĩa, miếng trầu là dâu nhà người, nhà người ta xử thế là cao tay”. Nhưng trong điệu văn anh, chị không ở đâu cả, không có tên, không có một chữ nào nói đến chị.

Bố anh Tập ra xã khai báo làm sổ nhận trợ cấp hàng tháng, người ta bảo hồ sơ liệt sỹ không có thân nhân nào là Vũ Thị Hiền. Lúc ấy chị Hiền đã hai mươi bốn tuổi, hồi đó tuổi thọ trung bình còn thấp lắm, tuổi 24 đã quá gần nửa đời rồi. Vài năm sau đất nước thống nhất, mười đi chỉ sáu trở về, làng nhiều phụ nữ chỉ vài người may mắn lấy được chồng còn tốp như chị Hiền chỉ có thể ăn may vớ ai thất bát nhờ nhàng. Trước kia mình ghen ghét với chị Hiền thì từ khi dự buổi lễ truy điệu anh Tập mình lại yêu thương quý chị.

* *
*

Biết chị về, mình sang nhà Cương Đào Mỏ để gặp. Hai chị em ôm nhau sung sướng. Chị Hiền phân trần:

- Cháu nó lên tận nơi đón chả lẽ không về, tính toán mãi mới dứt ra được ba ngày, chiều nay cháu ra nghĩa địa thấp hương cho bên nội bên ngoại, sang nhà anh Tập thấp hương cho các cụ, ra thăm viếng nghĩa trang, mai cháu đi thăm chùa Tam

Chúc sau về thẳng Lào Cai. Xe hợp đồng rồi, cháu có chút quà từ Lào Cai cho cả ngõ, cháu nhờ cháu Cương phát dùm, và nói bà con lối xóm thông cảm cho.

Mình bảo:

- Vậy tối nay chị sang ngủ với em, em lấy chồng gần đây, cứ cuối tuần về nhà chăm u, ngủ với u vài bữa.

Chị Hiền nhận lời nhưng lại băn khoăn: “Sáng mai chị phải đi sớm đây!”.

Mình bảo:

- Cần gì ngủ, nói chuyện đến sáng luôn, lên xe ngủ bù.

Cả hai chị em cười vui vẻ.

Đêm miền quê yên tĩnh, tiếng quạt máy vo vo đủ mát. Trong ánh sáng nhẹ của bóng đèn tường, chị Hiền trân trân nhìn mái nhà tâm sự:

- Diệp à, đời chị sống chan bằng nước mắt. Thực tình mình không yêu anh Tập đâu, em thế nào chứ chị chỉ thích người đàn ông hơn tuổi. Mạnh mẽ, râu ria càng thích. Còn anh Tập tính tình nhút nhát lại kém lạnh lợi. Đơn vị anh bắn hạ máy bay thương cho một nửa quân số đi phép. Tiểu đội hợp xết, anh xin ở lại? Mình giận lắm viết thư trách sao không về cưới cứ để em chờ đến chết à. Tuần sau nhận thư, em biết không? Anh ấy trả lời thế này: “Anh tính rồi, về cũng chưa cưới được, anh còn thiếu bốn tháng nữa mới đủ tuổi 20"... Số chị khổ thế đấy. Rồi bước ngoặt bất ngờ đến với chị... hôm ấy chị Hiền bảo mình đưa chị sang bên sông khám răng. Qua đò, ông lái trẻ, khỏe khá hấp dẫn, đối đãi với hai chị em ân cần quá, dắt hộ xe lên bến lại không thu tiền. Trên đường đi chị Hiền kể:

- Người lái đò tên Tuấn. Đòi lấy chị mà cha mẹ mình không cho, nhà ấy ba đời là chủ gánh chèo, vừa là chủ đò, không hiểu sao mà đòi bố, đòi ông đều mất trước tuổi bốn mươi, hình như có gen động kinh.

Chị bảo:

- Ông này khỏe như võ tướng, trời đánh thánh vật chả chết.

Khám xong thầy thuốc bảo chị Hiền bị sâu răng nhẹ, bán cho hai gói thuốc bột bảo sát thuốc vào chỗ đau, hết hai gói là khỏi. Lúc về anh Tuấn lại động viên: “Thầy này giỏi, yên tâm.” Đò từ từ sang sông, sắp áp vào bờ anh Tuấn cầm cái neo nhảy lên trước, cầm cái bao nhỏ đã buộc túm đầu treo vào ghi đong xe của chị bảo cho mớ cua, anh giục chị: “Hiền ngồi lên đi, anh giữ cho.” Rồi anh lại giục: “Hiền lên đi.” Rồi anh đẩy cho xe từ từ lăn bánh, được một đoạn thì chị bảo thôi anh về đi. Nhưng anh không về, vẫn đẩy tiếp đến mấy chục mét nữa, mình chỉ việc lái thích lắm. Minh ngoảnh lại mới biết anh ấy vừa đẩy vừa ôm eo chị Hiền. Đúng là có tình không rình cũng đến. Vài hôm sau, trời vừa tối, anh Tuấn mang con cá khá to vào nhà, anh bảo: “Đi bán cá, còn một con nhờ nhà ăn giúp.” Chị Hiền hiểu ý. Uống xong chén nước, chị Hiền rỉ tai bảo mình tiễn anh về. Trời đã tối, ra cổng anh thục tay vào túi áo mình nói nhỏ:

- Hiền! Em có quà.

Minh xuống bếp kho cá lén lấy thư ra đọc. Mảnh giấy nhỏ ghi nắn nót: “Hiền em. Hôm nọ mới nhìn mà con tim anh đã rất bồi rối. Biết em đang buồn, anh muốn được chia sẻ cùng em. Mai ra bến anh gặp được

không? Anh khao khát đợi chờ”. Đúng là tình trong mộng.

Nhớ sau lần đơn vị anh Tập hạ được máy bay, có người cùng khẩu đội quê Cẩm Giàng về phép, anh gửi cho mình và hai cô em gái của anh mỗi người một cái lược sắt máy bay và cái khăn vải dù. Vài tháng sau thì cả hai nhà đều không nhận được thư, sáu tháng, rồi chín tháng. Vợ anh đi thăm về báo, khẩu đội anh trúng tên lửa, cả tiểu đội hy sinh, xương cốt cũng chả còn, đơn vị phải xây mộ tượng trưng ở nghĩa trang liệt sỹ Quảng Bình nên việc báo tử chậm trễ. Đang buồn thì anh đến... Suốt đêm ấy chị không sao ngủ được, lần đầu tiên chị nhận tình thư của người đàn ông nhiều tính cách đáng yêu, những tiêu chí chị muốn anh đều có cả. Nhưng anh có vợ con rồi, yêu anh là đánh cắp tình thương của vợ con anh, lấy anh tức là làm lẽ, là phá hoại hạnh phúc của người khác? Không bao giờ. Không quang quàng sang rậm cho khổ. Thà trắng tay còn hơn là lệ thuộc. Nhưng chị vẫn đóng vai người làm bãi ra bến đò gặp anh. Bến đò quê ta phong quang, đẹp. Hai bên bến đều có cây to cao và mát. Bên kia có cái quán của mẹ anh ý, bên này có hai khúc gỗ gác lên hai cái cọc làm ghế cho khách ngồi chờ. Anh Tuấn đang chờ, vẫy chào từ xa. Con tim mình rộn ràng khó tả. Anh đỡ xe cho mình đỗ lại. Lần đầu tiên có bàn tay đàn ông đặt lên vai, ngực người đàn ông chạm vào lưng mà giọng điệu con người mạnh mẽ ấy lại mềm như bún, rất nhẹ nhàng:

- Cám ơn em đã tới. Em xem kìa, một dải que nhô trên mặt nước kia là anh đánh

cup bắt thủy sản đấy. Tôm cua cá sông sạch mà ngon lắm. Em ơi, ở đây đông người bắt tiện, tối nay anh chờ em trên đê, lên đê thì bấm đèn làm hiệu là mình nhận ra nhau, rồi cùng lên thuyền nhắc cup nhé, chắc chắn hôm nay nhiều cá, sẽ vui lắm đấy, hôm nay là bao nhiêu nhỉ? Mười tám rằm trâu, mình đợi trăng lên sẽ xuống thuyền: “*Trăng lên trăng đứng trăng tàn/ Đói ta dong chiếc thuyền nan bồng bênh...*” Thế nhé, nói ít hiểu nhiều đấy mới là tình yêu...

Trời, lần đầu nghe câu nói hay trong đời nhưng chị vẫn giả cái vu vơ thờ ơ cái con nai ngu ngốc:

- Vợ anh đâu?

- Anh hẹn em sao em lại hỏi thế. Quá thừa.

Anh đưa mình cái túi vải nhỏ và dặn:

- Trong có đèn pin, lá thư. Em làm bãi đi, tối tâm sự nhiều.

Tự nhiên đôi chân mình như bị thôi miên, cứ thế đi vào bãi, ngộ tốt lắm, mình bệt ngay xuống cát, vội mở thư ra đọc. “*Biết em còn nhiều ràng buộc, anh hứa sẽ bảo vệ uy tín, danh dự của em nên mọi hoạt động của chúng mình càng kín kẽ càng tốt. Mình sẽ lập hòm thư bí mật như hoạt động tình báo ý, chọn cái hốc gốc cây gạo lối xuống bến ấy, cứ tới đấy mà gửi thư, cứ tới đấy mà nhận, thư cứ đọc ngày ngày mà không để cho ai biết. Em vốn thông minh mà - Anh Tuấn.*” Mình nghĩ, giả như anh Tập đủ thông minh tranh thủ về phép cưới vợ, may mà sinh được chú bộ đội con thì mình đâu đến nỗi... Tối ấy mình bảo chị Hiền là đi họp phụ nữ. Cầm đèn pin trong tay nhưng không bấm cựa mắt nhìn đêm

mà đi, xóm ngõ vắng lặng, chuẩn bị lên đê, anh Tuấn đã nhận ra chị từ xa liền chiếu đèn xuống đất. Chị cũng bấm đèn rồi tắt. *Đúng là vì tình mới phải đi đêm/ Vấp năm bảy cái vẫn êm như thường.* Anh lao tới, dìu mình lên đê, lại dìu mình xuống dốc, hai người ngồi cạnh đám cây thầu dầu nhìn ra sông cái. Anh bảo:

- Ngồi đây không sợ muỗi, muỗi nó sợ mùi thầu dầu.

Rồi anh kêu: “Con ma” để lao vào ôm chặt lấy hai vai mình, tỳ cái cằm lên mái tóc, bàn tay cuống quýt, mình mất hết thăng bằng, rung cảm vô định, chạm vào bàn tay to, thô ráp lưng sục, luôn miệng tán công: Ôi Hiền ơi anh yêu em nhiều lắm. Anh áp cái cằm râu ria lởm chớm lên da thịt, nhột quá. Chị nhắm mắt lặng yên và thờ. Đến khi anh tiến sâu một bước nữa người Hiền nóng ran vùng lên nét mặt chị nghiêm lại:

- Em cũng thích lắm, đàn bà nào chả khát khao nhưng đừng anh, anh nói là bảo vệ danh dự phẩm giá của em mà, em lo lắm. Nếu anh không nghe cứ muốn thì em sẽ lăn xuống sông ngay bây giờ.

Sự hung hăng của anh bị xịu lại. Anh ngồi thừ ra, giọng rụt rè:

- Anh nghe. Đừng bỏ anh mà anh buồn...

Trăng đã lên, dòng sông như con rồng lấp lánh vàng, ánh bạc uốn lượn ôm ấp các làng quê, thi thoảng có chiếc ca nô ỉ ạch trong đêm rạch một vệt nước dài nhẵn nheo phía sau. Anh lấy ra bốn cái bánh nướng, đưa cho mình hai cái, anh bảo: Ăn đi em, đến bữa anh phải ăn rồi, em đẹp

lắm, mình ngồi đây bên nhau sớm mai về. Mình nghĩ chưa chi đã bồi dưỡng! Chị thầm nghĩ ngày xưa anh Tập mạnh mẽ tự tin với mình như thế này có tốt không? Có chiếc thuyền buồm làm lũ xuôi dòng chợt trong thuyền vang tiếng gáy ò ó o... sao trời đã lặn, trăng đã mất hình, trời phương đông rạng hồng, dòng sông rực một màu ban sớm. Bốn cánh tay xiết thật chặt rồi từ từ buông. Chị về tới nhà trời vừa sáng, mọi sự suôn sẻ, chị dấu cái túi có cái đèn vào thùng trấu ở bếp rồi nói với cả nhà: Tan họp muộn, trời lại tối, chị Liên bảo vào ngủ với chị ấy cho vui. Chị Liên có chồng đang tại ngũ nên mọi người tin ngay. Hồi đó đã có ok gì đâu, chị sợ nhất là sinh con bất hợp pháp, khổ lắm, đẻ thì mấy, chồng chính danh, con chính danh mới quý, sợ nhất để hậu quả ngoài mong muốn, khi yêu say mấy cũng phải tỉnh, trong đầu phải có cái chốt chắc chắn không được quá đà. Vài tháng sau cả vùng bất ngờ hay tin ông lái đò đột ngột qua đời thọ 34 tuổi. Nghe mà tan nát cõi lòng. Chị có biết tin anh Tuấn chết không? Không ốm không đau chết bất kỳ tử! Chị vờ không biết chỉ buông lời vu vơ, xong một đời người!

Chiều ấy chị ra bên đò. Lôi xuống bên có tấm biển: “Đò hồng quý khách đi bên khác.” Chị vào bên, vắng tanh, nước sông vẫn vô tư chảy, nhìn con đò bé nhỏ bên kia mà lạnh buốt sống lưng. Những cái que đánh cụp cũng theo sóng dập dềnh, bờ sông bạt ngàn cây thầu dầu... Những người làm đồng họ khác nhau: “Nhà này có gen tim mạch, tay Tuấn này đến bữa phải chén nếu không tụt huyết áp là xỉu, con dái cá ấy

mà sớm qua đời thì cả khúc sông này vắng đây, người tốt thế chết ai không thương tiếc”. Chị bật khóc, con tim như ai bóp nhói đau trong tiếng nhạc lâm khúc lúc gần lúc xa. Chị đi tới khóm thầu dầu, nhìn sang bên kia sông, chấp tay thầm khấn:

- Anh, mặc dù chưa hiểu gì về anh nhưng trong tim em mãi mãi... Chúc anh ngàn thu an giấc.

Vài tháng sau thì đất nước thống nhất. Những người lính còn sống đều trở về, nhưng sau đó là chuỗi ngày đói kém triền miên. Tỉnh mở khu kinh tế Dương Huru, đó là vùng đất rộng, hoang vu của huyện Sơn Động - Bắc Giang. Hộ nào đi vẫn được giữ nguyên đất ở, bao nợ nần xóa hết, được hỗ trợ tiền làm nhà, mỗi người được cấp 15 kg gạo một tháng, cấp sáu tháng liền, có ô tô chuyên chở người đồ dùng đi. Làng có 21 hộ đăng ký, toàn hộ nghèo trong đó có gia đình chị Hiền, chị cũng đi theo. Dương Huru tiêu điều. Có lẽ cán bộ thôn nhìn ghét lắm lại vo ve thế là rồi tinh lên, mấy ông mấy bà cán bộ tung tin làm hại nhau loạn cả đội. Thấy cảnh trở trêu, một người đàn bà rủ chị đi buôn hàng biên giới, chị nhất trí luôn, không ngờ mục ma cô trong đường dây buôn người, chúng dẫn mình đi trèo đèo lội suối mấy ngày mệt rã rời mới bán cho một nhà người dân tộc ở Quảng Tây. Ở đây dân cư thưa thớt, rừng núi âm u. Một cô đi cùng chị mục bán cho nhà có hai anh em trai. Tập tục của nó rất kỳ quái, nếu mẹ chồng chết, dâu cả phải chiều cả bố chồng, nếu vợ anh cả chết hoặc chưa có vợ em dâu phải chiều cả anh cả. Khi nào tìm được vợ cho bố cho anh mới

được tự do. Mới đầu nó thay nhau canh giữ sợ mình bỏ trốn, bên ấy chủ yếu đàn ông đi làm, làm đường, làm xây dựng tối về nộp tiền cho vợ, còn vợ làm nội trợ, quét lá, nhặt củi đun nước để chúng đi làm về tắm.

Lúc sang bên đó chị đã gần 40. Chồng chị có cha người Tàu, mẹ là người Việt quê Lào Cai, là con trai thứ ba, anh bị thọt bẩm sinh bên chân trái. Trời phú thông minh có đôi mắt sáng, nhưng bị người cha phân biệt đối xử. Anh phải bỏ nhà ra đi và vào làm thuê cho một nhà có nghề bốc thuốc gia truyền. Sau khi mẹ qua đời sống với nhau được năm năm chị nhớ về cố hương tha thiết. Anh đã học lỏm được nghề thuốc Nam chiều vợ, quyết định về quê mẹ Lào Cai lập nghiệp mở hiệu thuốc từ đó.

Chị mời mình hôm nào lên chơi. Chị giải bày:

- Chị bận lắm, mà lão nhà chị chỉ sợ chị bỏ đi, sợ cô đơn. Bây giờ chị mới có hạnh phúc đúng nghĩa.

Bốn giờ sáng, chuông điện thoại đã reo, thằng Cương gọi. Chị Hiền bật dậy đi rửa mặt, trước khi về chị đặt lên bàn thờ hai tờ đồng tiền, chị ấy dặn:

- Sáng thì em thấp hương giúp chị rồi biếu bà ăn quà. Nếu có ai bị bệnh cho địa chỉ họ lên chị hay điện lên chị gửi thuốc cho. Nói thật với em, lão nhà chị biết bắt sát đây, nó không tin thằng Cương Đào Mỏ đâu. Em có biết vì sao cái nick Cương gà chọi chính là Cương Đào Mỏ không? Thế mà chị biết đây, chính mẹ nó kể cho chị. Thằng Cương ma ranh nhất nhà, lấy lý do về quê để tiện cúng giỗ ông bà thực là chiếm đất. Nó mang về quê hai mái gà

chọi, xui bọn trẻ nuôi gà chọi chọi, đã mê chọi thì máu me, đen đỏ, nó bán gà giống đất gấp bốn năm lần gà thường có khi còn vô giá, có cô con gái ông Chủ tịch xã cũng đam mê chọi gà, nhà ông Chủ tịch chỉ có hai cô con gái, cô chị đã đi công tác lấy chồng ở xa, còn cô em thích chơi bời, gặp thằng Cương điển trai thì xoắn. Sống thử công khai, khi có thai buộc ông Chủ tịch phải làm đám cưới cho.

Chuông lại réo lần nữa. Chị Hiền tha thiết dặn:

- Khi nào em có điều kiện em cho gia đình thăm quan thành phố Lào Cai một chuyến - Mình gật đầu.

* *

*

Đưa chân chị ra ngõ, chị quay lại choàng hai tay ôm mình, da chị mềm và mát, tràn đầy sức sống, người lẩn không quá mập, thịt mềm nhưng không nát đúng là quý tướng. Nhìn chị đi khoan thai đài các, mình nghĩ giá anh Tập có mạnh khỏe trở về khéo ra cũng chỉ làm thợ xây, thợ mộc là cùng đến tuổi này chắc ông bà già khú đế. Giờ chị Hiền trẻ như gái bốn mươi, có danh, có của như thế này đúng là mười hai bến nước không biết đâu mà lường./.



LÊ ĐĂNG KHUÊ

Nắng

Nắng chảy trong vòm lá
Thành hoa cài ban mai
Nắng xuyên qua cửa sổ
Kéo sợi bông tuyết dài.

Nắng đổ trên mái nhà
Sóng dập dờn biển lửa
Nắng trải trên đồng lúa
Hoa cầu vồng lung linh.

Nắng tràn lên lưng mẹ
Dệt áo màu phôi pha
Nắng trút xuống sân nhà
Sóng thóc vàng nhảy nhót.

Nắng chiều tà vàng rực
Đẩy chân trời ra xa
Nắng ban mai dịu ngọt
Hương lúa vương đầy nhà./.



ĐẶNG CÔNG GIÁP

Về với quê hương

Con về thăm mẹ chiều nay
Nghe câu Quan họ gọi ngày xa xưa
À ơi lời mẹ ru đưa
Êm theo cánh võng như vừa hôm qua.

Hai mấy năm sống xa nhà
Không quên đất mẹ đậm đà trong con
Ngóng cho hè đến mới mơn
Bắc Ninh cha mẹ trông con ngày về.

Cánh diều nín giữ chân đê
Bến sông gọi ký ức về tuổi thơ
Chiều chiều con đứng ngóng đò
Trông vờ xa thấy cánh cò bay sang.

Nương dâu tầm óng kén vàng
Dệt yêu thương để ai càng nhớ trông
Lúa ngô khoai sắn đầy đồng
Đơm nong thơm khói lam hồng chiều buông./.



TRẦN THIẾT

Tháng Sáu

Trời xanh ngắt ngắt vắng mây
 Bâng khuâng tháng Sáu nhớ ngày nửa năm
 Người đi biên biệt xa xăm
 Tóc mây gió dạt nắng sấn vai gầy.

Vào đời cơ nghiệp trắng tay
 Chắt chiu ôm mảnh trăng gầy chơi vơi
 Nỗi niềm thâm kín lặng trôi
 Thuận dòng đưa đẩy vào coi trầu người.

Chỉ còn tháng Sáu nắng rơi
 Mỏi mòn cuối bể góc trời năm xưa
 Mẹ già ai đỡ sớm trưa
 Bên sông cải đã mấy mùa đơm hoa.

Đành rằng chẳng bén duyên ta
 Đàn bầu xin chó ngân nga nào nề
 Nửa năm tháng Sáu lại về
 Nao nao chiều tím bờ đê thưở nào./.

NGỌC BÌNH

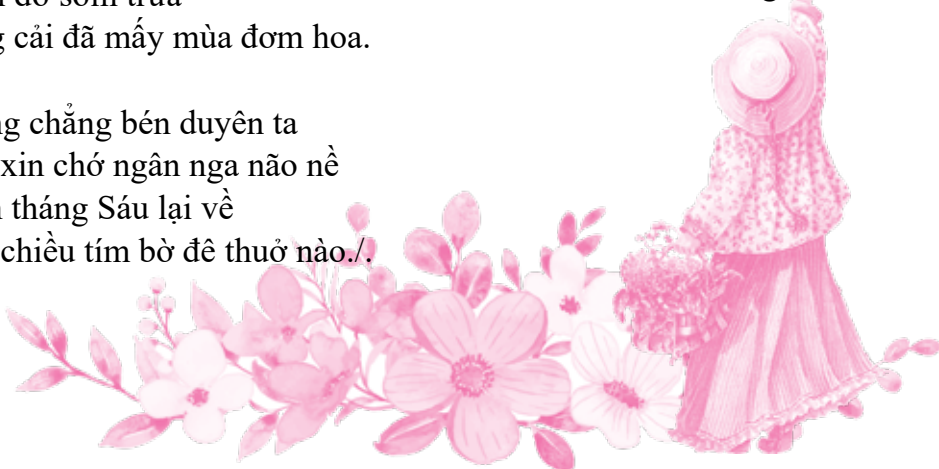
Tiếng gọi trong mơ

Còn nhớ mặt nhau hãy gọi
 Thăm thăm đường chiều xê dịch bóng cô đơn
 Lãng đàng đường khuya lắm lữ
 Thơ thần mộng mơ nón Ba Đồn.

Một thưở sông Gianh, một thời Nhật Lệ
 Hẳn bên tai còn đọng tiếng đô huây
 Những ngày đêm khó khăn vất vả
 Lấp hồ san đường chai sạn những bàn tay.

Những chuyến vào ra vòng quay vụng dại
 Nhộn nhịp rừng đêm không rõ mặt người
 Những khẩu lệnh đưa xe vào đường tránh
 Là phút giây thăm thẳm tuổi đôi mươi.

Đã nửa thế kỷ trôi qua ai còn ai mất?
 Những đứa trẻ ngày xưa chưa gặp bố một lần
 Những tiếng gọi trong mơ
 và những bao thư khuất lấp
 Không thể chôn vùi
 cùng với tuổi thanh xuân./.



LÀNG LẠC THỎ

VĂN HIẾN VÀ KHOA BẢNG

NHO THUẬN

Nằm ven sông Đuống, làng Lạc Thỏ có những nét đặc trưng của văn hoá xứ Kinh Bắc và là một trong các làng cổ của Bắc Ninh - Kinh Bắc, nay là khu phố Lạc Thỏ Bắc và Lạc Thỏ Nam thuộc phường Hồ, thị xã Thuận Thành. Lạc Thỏ là một vùng quê yên ả với những mái ngói, đình làng cổ kính, cảnh quan thiên nhiên bình dị mang nét đẹp của làng quê Việt Nam. Vua Tự Đức đã từng phong danh hiệu: "Mỹ tục khả phong", điều đó đủ thấy nét đẹp văn hoá - Văn hiến của làng quê này.

Với lợi thế trên bến dưới thuyền, dân làng có điều kiện phát triển kinh tế đa dạng, vừa làm nông vừa buôn bán. Kinh tế phát triển thì việc học cũng phát triển theo. Lạc Thỏ là một trong những vùng đất văn hiến - khoa bảng nổi tiếng trên đất Bắc Ninh - Kinh Bắc thời xưa, và là một trong những làng quê của tỉnh Bắc Ninh có số Tiến sĩ đỗ đạt thời phong kiến từ 5 người trở lên. Theo số liệu thống kê tại Văn Chi của làng, số cử nhân ở Lạc Thỏ thời phong

kiến có trên 50 người, nhiều người đỗ tú tài, riêng tiến sĩ có 7 người. Tiêu biểu đỗ đạt cao có cụ Dương Như Châu đỗ đầu kỳ thi Đình thời Lê Thánh Tông trong khoa thi năm 1505, thời Lê Uy Mục cũng có 2 người cùng đỗ Tiến sĩ.

Năm 1535 khoa thi cả nước có 32 vị thi đỗ Tiến sĩ, thi riêng làng Lạc Thỏ cũng có 3 vị đỗ đạt cao. Trong số cử nhân có 50 người, thì có cụ Nguyễn Xuân Liêm xếp thứ 15... Tên tuổi các bậc tài nhân đều được ghi danh trên bia đá, hiện lưu giữ ở Văn Chi của làng. Năm 1786, do một biến cố triều đình nhà Lê đã ban chiếu "Vô hữu làng Lạc Thỏ", các công trình Văn hóa, tín ngưỡng trong đó có Văn Chi của làng cũng bị tàn phá. Sau đó, bà Tá Thị Hoa (con gái làng Lạc Thỏ là vợ của một vị Quận Công) đã đứng ra lập "Cầu Chiêu" chiêu mộ dân từng phải li biệt quê hương tránh họa về xây dựng khôi phục lại làng Lạc Thỏ, hiện ở làng vẫn còn di tích Cầu Chiêu và tấm bia ghi lại công đức của bà...

Về dự Hội làng vào đầu xuân Giáp Thìn - 2023, chúng tôi được ông Khúc Đình Tính, người đã có nhiều công đóng góp tu tạo, khôi phục lại ngôi Đình Lạc Thổ và những hoạt động Văn hóa - văn nghệ dân gian truyền thống của lễ hội Đình làng, được nghe ông đọc lại đôi câu đối khắc họa mảnh đất ngàn năm văn hiến - Địa linh nhân kiệt hào hùng Lạc Thổ của Cụ Cử nhân, từng là Tiên chỉ làng Lạc Thổ - Nguyễn Xuân Diêm (cụ cử Diêm), như sau:

Biệt chiếm trung khu, hữu đình hữu tự, hữu tú đạt Long cù, quân tử đình xa ung nhân quát

Nghiêm nhiên phương diện, chi thị chi giang, chi trùng đề địa hiểm, gian hùng đảo xứ diệc hôn tiêu.

Dịch nghĩa:

Riêng một cõi trời, có đình có chùa, bốn phương khoáng đạt thế rộng, quân tử dè dặt xe ngựa phóng tâm mắt;

Uy nghi một phương, đây chợ đây sông, đề quai ôm đề chính địa thế hiểm trở, gian hùng đến đây hôn xiêu phách lạc.

Với truyền thống thi thư lễ nghĩa ấy, Lạc Thổ còn là miền quê nổi tiếng bởi giống gà Hồ, giống gà tiến Vua đặc biệt chỉ có duy nhất ở đây. Từ xa xưa làng Hồ đã có tục thi gà giữa các giáp với nhau trong ngày hội làng (mùng mười tháng Hai âm lịch hàng năm). Gà trống dự thi phải có đầu gộc (to xù xi như gộc tre), mào xuyết hoặc mào hoa đơn, sắc lông nền nã đen óng như màu lĩnh hoặc mận chín, đuôi nơm, chân cao, mình trường, ngực nở, cổ

tròn. Gà mái dự thi phải có mã thỏ (lông màu đất thỏ) hay mã nhãn (màu quả nhãn), mào xuyết, thân săn chắc, bảo đảm mắn đẻ. Giáp nào ăn giải là năm đó sẽ làm ăn thịnh vượng hơn các giáp khác. Theo quan niệm này, hàng năm các giáp đều cất cử người chọn gà giống tốt, nuôi vỗ cẩn thận để ăn giải hội làng. Tên gọi và hình ảnh gà Hồ đã đi vào thi ca và được các nghệ nhân làng tranh dân gian Đông Hồ đã khắc họa trong tranh, trên nền giấy điệp lung linh sắc màu với nhiều mẫu khác nhau - Một biểu tượng của sự sung túc, sinh sôi phồn thực...

*“Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp”.*

(Bên kia sông Đuống - Hoàng Cầm)

Lạc Thổ còn có hội thả chim bồ câu bay. Nuôi chim hội phải bỏ công rất tốn kém, chăm sóc rất công phu, vậy mà khi thi đấu, sơ xuất chim bỏ đi cả đàn, chủ đành phải nuôi lại đàn khác. Giải thưởng thì thật đơn giản, ngày xưa ai giật giải thì được miễn phu phen tạp dịch một năm, ngày nay giải chỉ mang tính chất tượng trưng ghi nhận trình độ, công lao của người có thú vui tao nhã này. Ấy vậy mà làng có tới trên 30 nhà nuôi chim hội, mỗi đàn có từ 20 đến 40 con, hội thi còn hấp dẫn những người mê chơi chim hội của các vùng quê khác đến tham dự.

Với truyền thống thi thư, khoa bảng, Lạc Thổ luôn gìn giữ bản sắc văn hóa với dân trí cao, thông qua Hội Cờ đầu xuân trong những ngày hội làng hằng năm cũng đủ biết điều đó. Tương truyền, vào thời Đại Việt có Trạng cờ Vũ Huyền, một kỳ

vương của Trung Quốc theo thuyền buôn cắm sào ở Lạc Thổ thách đấu. Các cao thủ trong vùng đến so tài đều bị đánh bại. Một cụ già làng Lạc Thổ cứ lặng lẽ quan sát để tìm ra điểm yếu của đối phương. Hắn có bộ quân cờ ngà voi do Vua Trung Quốc ban tặng được hắn giữ như mạng sống vậy. Cụ già Lạc Thổ nhận đấu. Vừa bày quân xong, cụ già nói “Tôi là chủ, xin chấp tiên sinh một xe”, đoạn cầm quân cờ ngà voi ném ra giữa dòng sông sâu. Kỳ vương Trung Quốc phần hồi hộp tưởng là chạm trán Trạng cờ Đại Việt, phần tiếc mất quân cờ ngà voi Vua ban nên đã để thua ván cờ đó, vội vã rút chạy khỏi bến sông Lạc Thổ, cho thuyền đi nơi khác.

Nhiều gia đình là con dân Lạc Thổ, dù phải xa quê hương để mưu sinh, nhưng đến khi đã trưởng thành, ở tuổi 60/70, nghĩ mình thật có phúc có duyên khi được sinh ra ở đất ngàn năm văn hiến, xin tạ cố hương bằng bài thơ vô đề thất ngôn bát cú Đường luật như sau:

*Mỹ Tục Khả Phong duy kỷ cương
Vinh danh Lạc Thổ nghĩa luân thường
Hò kê Ngự phẩm minh thôn dã
Gia cáp xuân phong hưởng tứ phương
Đại Hán Kỳ Vương thương Quốc thể
Thất danh tiến sỹ diệu gia hương
Khiêu dăng tâm nguyện minh kim cổ
Luyện Chí tu Thân thịnh Tổ Đương.*

Với tâm nguyện đóng góp xây dựng quê hương Văn hiến và cách mạng, họ đã nhờ họa sĩ thủy mặc Trương Lộ - Thư pháp gia hàng đầu thành phố Hồ Chí Minh viết bức thư pháp bài thơ trên với dòng

lạc khoản “*Kỷ Sưu niên quý hạ cát nhật, Thuận Thành Bắc Ninh, Hậu học Nguyễn Hữu Tuyền phú thi phụng cúng Gia Hương Lạc Thổ tự, Trương Lộ thư.*” để phụng cúng lên Đình Lạc Thổ.

Với truyền thống Văn hiến và khoa bảng, trải qua bao biến thiên của lịch sử, người dân Lạc Thổ vẫn giữ được những nét đẹp văn hóa của quê hương, đã luôn xứng đáng với bức đại tự “*Mỹ tục khả phong*” được treo trang trọng ở đình làng. Trong những người con ưu tú của quê hương sau này, phải kể đến anh hùng liệt sĩ Vương Văn Trà - Nguyên là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Thiên Đức của Tỉnh Đội Bắc Ninh thời kháng chiến chống thực dân Pháp (Được dân làng dựng Bia đá ghi danh và tưởng niệm tại khuôn viên Đình làng) và thi sĩ cách mạng Hoàng Cầm - Nguyên là Trưởng đoàn Văn công Quân đội đầu tiên...

Về tham dự hội làng mừng 10 tháng 2 năm Giáp Thìn - 2024, với tâm nguyện muốn khơi dậy lòng tự hào, tự tôn cho lớp con cháu về truyền thống văn hiến và cách mạng của quê hương. Tác giả bài viết có dự định sẽ kính tặng cuốn sách "**Thuận Thành văn hóa và phát triển**" cho Ban quản lý di tích Đình làng (trong đó có bài "**Lạc Thổ miền quê văn hiến**", cũng muốn tự mình phải luôn ghi nhớ - Đã là con dân của Lạc Thổ hãy cùng nhau tự tu dưỡng, phấn đấu và công hiến góp phần xây dựng quê hương ngày càng phát triển, giàu đẹp, văn minh./.

CHÙA LÀNG CÁP ĐIỀN TRÊN

QUANG THUẬN

Làng Cáp Điền trên, xã Trung Khê, huyện Lương Tài là một trong 3 làng Cáp Điền trong xã (gồm Cáp hạ, Cáp trên và Cáp trại). Cả mấy làng xưa chung gốc, nay vẫn chung ngôi chùa được gọi theo địa danh toạ lạc là chùa Cáp Điền, tên chữ "Diên Phúc tự", dân địa phương quen gọi là chùa Giọt.

Cả ngàn năm trôi qua trên vùng đất này, cảnh sắc, con người nay có nhiều thay đổi, nhưng nếp xưa chùa cũ thì vẫn hiện hữu giữa vẻ hiện đại của làng quê nông thôn trong thời đổi mới. Nó tạo nên nét riêng và minh chứng cho sự tồn tại lâu dài của làng, cho con người ý thức sống thuận thảo, từ bi theo tinh thần Phật dạy.

Chùa Diên Phúc, làng Cáp Điền trên có lẽ cũng không có gì đặc biệt nổi trội so với bao danh lam cổ tự vốn khá nhiều tại các địa phương trong tỉnh. Nhưng chốn tâm linh này lại vô cùng ý nghĩa với người làng bởi sự gắn bó, gần gũi, thân thuộc với họ. Những lớp trẻ thơ người làng - xưa cũng như nay - đã lớn lên, chơi đùa bên

tam quan, ngõ chùa. Còn thường ngày, sân chùa thanh tịnh vẫn là nơi người dân tụ tập những lúc rảnh rỗi, với bao câu chuyện trong làng ngoài xóm. Vậy nên chùa không thêm u xa cách với đời sống trần tục... Ở đây, tuần rằm mùng một, dân làng vẫn quen nếp ra chùa làm lễ cầu Phật phù hộ cho cuộc sống yên bình, mọi điều hanh thông; để mỗi nếp nhà, ngõ xóm, cũng như làng quê này quanh năm tốt tươi như màu xanh đồng bãi của quê hương. Cùng với đó, tiếng mõ chuông sớm chiều vẳng từ đây đã quen như lời nhắc nhở con người tu thân, tích thiện, để bồi đắp phúc lành cho con cháu muôn đời, như con sông Thái Bình lượn bên làng đã bồi phù sa nuôi sống vùng đất và con người.

Căn cứ vào các nguồn tài liệu, thư tịch cổ và truyền thuyết dân gian trong vùng, chùa Diên Phúc có từ cách đây hàng nghìn năm. Trong sách Bắc Ninh địa dư chí của cụ Khôi hữu Đỗ Trọng Vỹ - nguyên Đốc học tỉnh Bắc Ninh - có dẫn từ quyển Quốc văn dị lục, thì thiền sư Nguyễn Minh

Không (còn có đạo hiệu là Không Lộ) đã dựng chùa và tu tại đây. Sau khi ngài mất, vua Lý ra chiếu mở rộng và sửa sang chùa, quyên 3000 hộ để thờ phụng thiền sư. Việc làm này xuất phát từ chuyện thiền sư Không Lộ chữa khỏi bệnh cho vua Lý Thần Tông, và tâm ảnh hưởng - đóng góp của thiền sư vào quá trình phát triển của Phật giáo nước nhà, mà thời Lý vốn coi như quốc giáo.

Trải qua trường kỳ lịch sử, chùa Diên Phúc vẫn được giữ gìn và trùng tu bằng nỗ lực của người làng, mong giữ bền ngọn lửa tâm linh, tri ân bậc chân tu. Dáng nét công trình hiện còn chính là kết quả của những lần trùng tu dưới thời Nguyễn.

Toàn bộ mặt bằng kiến trúc chùa

được xây dựng trải dài rộng trên diện tích hơn 2300 m², bao gồm các hạng mục: tam quan, toà tam bảo, nhà đại tế, nhà tổ, nhà thờ mẫu... Trong đó, tam quan được nhân dân địa phương hưng công xây mới hoàn toàn vào năm 2004, với đường nét kiến trúc tuân theo lối kiến trúc của Việt trên vùng đồng bằng Bắc bộ, quy mô bề thế so với các hạng mục khác.

Giá trị kiến trúc nghệ thuật lớn nhất ở chùa Diên Phúc là hệ thống tượng Phật, tượng thiền sư Nguyễn Minh Không, các di vật bằng đá, bằng đồng và các đại tự, câu đối có niên đại cách đây mấy trăm năm đặt trong các toà tam bảo, nhà tổ. Điều này có thể thấy từ ngôi tam bảo 5 gian, kết cấu 2 vì giữa kiêu thượng con chồng trụ giá



chiêng, hạ côn nách, với những mảng phù điêu chạm khắc khá tinh xảo, giàu cảm xúc nghệ thuật về các đề tài long phụng, tùng lộc, anh hùng tương ngộ... Đây là sự bổ sung và làm tăng giá trị kiến trúc của ngôi chùa. Trong toà hiện nay bài trí hệ thống tượng Phật bằng gỗ được tạo tác công phu, điêu luyện gồm Tam thân Tam thế, Phật Ađiđà, Thích ca, Khuyến thiện, Trừng ác, Thập điện Diêm vương...

Giống như mọi ngôi chùa ở Bắc Ninh nói riêng, nước ta nói chung, chùa Diên Phúc là công trình tín ngưỡng thờ Phật. Sự riêng biệt ở đây chính là việc thờ thiền sư Nguyễn Minh Không. Nhà tổ chính là nơi dân làng trang trọng đặt thờ tượng thiền sư - một tác phẩm nghệ thuật chạm khắc đẹp, với những đường nét mềm mại, sống động. Tượng cao 1m, tư thế ngồi tọa thiền, hai tay đặt hờ trên đùi, nét mặt thanh tú, ngay thẳng. Tượng đặt trong khám thờ có kích cỡ 1,25m x 1,25m, cao 2m. Cả khám thờ và tượng đều được sơn son thếp vàng rực rỡ. Theo sách Thiên uyển tập anh - một thư tịch cổ viết về các thiền gia Việt Nam, thiền sư - quốc sư Nguyễn Minh Không tên húy là Nguyễn Chí Thành, sinh tại xã Đàm Xá, phủ Tràng An (nay là làng Diên Xá, xã Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình). Cha của Nguyễn Minh Không là Nguyễn Sùng, quê ở thôn Diềm Xá, phủ Tràng An. Mẹ là bà Dương Thị Mỹ, quê ở Phả Lại, phủ Từ Sơn nay làng Phả Lại, xã Đúc Long, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng ông Nguyễn Sùng tuy nghèo nhưng luôn chăm lo làm việc thiện. Nguyễn Minh Không là một nhà sư tài danh lẫy lừng. Truyền rằng, khi tu hành đắc đạo, ông trở về quê nhà dựng

chùa Viên Quang, sau đó lại lập nhiều chùa ở vùng châu thổ sông Hồng... để tu hành, lấy vị hiệu là Minh Không. Trong suốt cuộc đời, trên cương vị quốc sư thống lĩnh lực lượng Phật giáo quốc gia, Nguyễn Minh Không đã dựng tới 500 ngôi chùa trên đất Đại Việt. Nhiều ngôi chùa lớn còn tồn tại đến ngày nay như: chùa Bái Đính, chùa Cổ Lễ, chùa Non Nước, chùa Địch Lộng, chùa Am Tiên, chùa Trông, chùa Kim Liên, chùa Hàm Long, đặc biệt là chùa Quỳnh Lâm danh tiếng, nơi có pho tượng Phật bằng đồng rất lớn được xếp vào "An Nam tứ đại khí". Nguyễn Minh Không được coi là thần y khi chữa bệnh "hóa hổ" cho vua Lý Thần Tông và được ban quốc tính họ Lý, phong làm Quốc sư. Khi ông mất, được rất nhiều đền chùa thờ phụng. Đại Việt sử ký toàn thư chép rằng: "Quốc sư Minh Không rất linh ứng. Phạm khi có tai ương hạn lụt, cầu đảo đều nghiệm cả". Nguyễn Minh Không là hiện thân quyền lực linh thiêng của Phật giáo hưng thịnh thời Lý - là thầy thuốc tài ba bậc nhất, là ngư dân gắn bó với thôn dã Đại Việt, là thiền sư tài cao đức trọng, là bậc thánh tổ nghề đúc đồng Việt Nam. Các truyền thuyết về ông khá nhiều, và mang nhiều yếu tố hoang đường, kỳ bí, và dị thường, giống như một vị thần khổng lồ. Theo đó, Quốc sư Minh Không sau khi chuyên tâm tu tập thiền định, dứt mọi việc đời, ổn định bên trong, tâm thần tai mắt ngày càng sáng láng, có thể phục hồi, hàng long, vạn quái thiên kỳ; có thể đi mây về gió, niệm chú cho chim lạ rơi xuống đất, ngã nón làm thuyền vượt sông cả, cho cả kho đồng nước Tàu vào túi đem về đúc tứ đại khí, thò tay vào vạc dầu đang sôi vớt

hàng trăm chiếc kim chữa bệnh cho Vua Lý Thần Tông. Việc thần hóa Nguyễn Minh Không thành vị thần Khổng Lồ là một mô típ độc đáo trong nền văn hoá của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước ở châu thổ sông Hồng. Thần Khổng Lồ Nguyễn Minh Không được xây dựng từ những mảnh vụn huyền thoại, được lịch sử hoá một quốc sư tài danh để trở thành một ông Khổng Lồ có yếu tố của một anh hùng văn hoá. Từ sự tích thần Khổng Lồ có thể thấy sự đan xen các lớp văn hoá, tín ngưỡng khó có thể nhận ra từng yếu tố, đâu là những mảnh vụn huyền thoại được thần thoại hoá, lịch sử hoá, tín ngưỡng thờ thần linh nông nghiệp, thần đánh cá, thờ tổ nghề và lớp văn hoá Phật giáo để tôn vinh một quốc sư trở thành một vị thánh bất tử. Hiện nay, rất nhiều nơi, đặc biệt là các chùa ở Việt Nam thờ quốc sư Nguyễn Minh Không theo kiểu "tiền Phật hậu thánh". Ở Bắc Ninh, có khá nhiều di tích thuộc địa bàn thành phố Bắc Ninh, thị xã Quế Võ, huyện Tiên Du, Lương Tài, Gia Bình thờ ông. Trong đó, tiêu biểu nhất là chùa Diên Phúc và chùa Phả Lại.

Dấu vết về thiền sư ở chùa Diên Phúc vẫn còn qua những di ngôn của ông được khắc trên tường hậu tam bảo. Đặc biệt tại chùa vẫn còn tảng đá khổng lồ giống như dấu vết một bàn chân dẫm hẳn rõ nét. Người làng gọi đó là tảng đá dếp, bảo đó chính là dấu chân thiền sư ngày nào để lại; và rằng từ giọt đồng cuối cùng trong tay nai ở đây, ông đã đúc thành quả chuông trên 1 vạn cân, gõ một tiếng ngân dài bao ngày, khiến trâu vàng phương Bắc chạy về nước Nam đến tận Hồ Tây... Những câu

chuyện dân gian như thế đã sống trong tâm hồn của bao người dân Việt nói chung, người hương quê Cáp Điền nói riêng; để họ tin vào tài năng, trí tuệ siêu việt của cha ông những ngày xa xưa. Và dấu đã ngàn năm trôi qua trên vùng đất này, cảnh sắc, con người nay đã khác, thì nếp xưa chùa cũ vẫn hiện hữu giữa vẻ hiện đại của làng quê nông thôn trong thời đổi mới. Nó tạo nên nét riêng và minh chứng cho sự tồn tại lâu dài của làng, cho con người ý thức sống thuận thảo, từ bi theo tinh thần Phật dạy.

Từ xưa đến nay, người Cáp Điền vẫn chủ yếu trông vào đồng ruộng để duy trì cuộc sống. Làm nghề nông nhưng đất canh tác ít, nên người làng cũng khá vất vả. Nhưng bằng tấm lòng trân trọng quá khứ, họ vẫn quan tâm bảo vệ, góp công góp của trong những dịp sửa chữa, trùng tu chùa làng. Cùng với đó là xây dựng các công trình phúc lợi khác của địa phương như điện - đường - trường mầm non - nhà văn hoá thôn, hệ thống truyền thanh cơ sở... Vậy nên, bộ mặt làng quê ngày càng khang trang đẹp đẽ hơn. Phải chăng, điều đó cũng một phần xuất phát từ niềm tin tâm linh vào phúc làng như tên chùa được gọi.

Sông Thái Bình nằm trước làng và ngôi chùa Cáp Điền trên đến hôm nay vẫn nhẫn nại chờ phù sa bồi tụ đôi bờ ngô lúa. Bao lớp người làng đã lớn lên từ đây, bên dòng sông và đất quê khó nhọc. Hình ảnh về làng đã in đậm trong mỗi con người, với ngôi chùa cổ kính vẫn đập nhịp tâm linh qua suốt ngàn năm. Đó là nét đẹp mang nhiều ý nghĩa và thật đáng trân trọng./.

SỰ TÍCH TÊN ĐƯỜNG DIỆU TIÊN

Ở TỪ SƠN

DƯƠNG MẠNH NGHĨA

Sau hơn 20 năm huyện Từ Sơn được tái lập (nay là thành phố Từ Sơn). Mảnh đất Đông Ngàn “Đông Ngàn tĩnh nhất khu”... và các khu phố khác của thành phố Từ Sơn, càng ngày càng thay da đổi thịt, khoác trên mình một diện mạo, nơi mảnh đất giàu có, văn hiến trên đất Bắc Ninh.

Tại thành phố Từ Sơn, nổi bật là hệ thống giao thông đô thị gồm nhiều tuyến đường lộ chính, đường ngang dọc bao quanh và nội thị thành phố. Các đại lộ chính xuyên phố đều có các biển đề ghi tên đường (theo tên của các nhân vật tiêu biểu của quê hương đất nước). Trong số tên đường, phố (nhân vật theo thần tích) cổ nhất có tên đường Diệu Tiên - một danh tướng của Hai Bà Trưng ở thế kỷ thứ nhất sau công nguyên.

Diệu Tiên là người con quê hương ở đất Đông Ngàn. Thôn Xuân Thụ cổ xưa có tên là xóm Đậu, tiếp đó là Cẩm Thụ rồi là Xuân Thụ thôn, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Kinh Bắc, nay là khu phố Xuân Thụ, phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn.

Đường Diệu Tiên chạy bao quanh thôn Xuân Thụ cũ.

Diệu Tiên còn gọi là Diệu Tiên Thần Nữ. Theo thần phả còn lưu tại đền thờ Diệu Tiên tại Xuân Thụ.

Bà Diệu Tiên, chồng là Trần Nguyên giữ chức Huyện Doãn huyện Đông Ngàn, mẹ là cháu gái vua Hùng, người vùng Đông Lan. Bà Diệu Tiên là trang tuyệt thế giai nhân, nhan sắc chim sa cá lặn nên gọi là Diệu Tiên. Hiềm một nỗi vợ chồng đã ngoài 50 tuổi mà không có con. Ông bà đã bỏ nhiều tiền đi lễ chùa và cầu đảo khắp nơi. Một hôm đến một ngôi chùa cầu đảo lễ Phật, đêm đó bà mơ thấy một con gấu đực nhảy múa trước sân. Tỉnh dậy bà nói với chồng về giấc mơ kỳ lạ đó. Ông rất mừng và nói gấu đực chính là điềm báo con trai đó.

Từ đó bà có thai, rồi sinh ra một bé trai khôi ngô tuấn tú rồi đặt tên con là Khánh. Trong khi làm quan, vì vui mừng đã có con và lại con trai, từ đó ông chỉ ham mê đi thăm thắng cảnh, bao nhiêu bổng lộc đều chia và chơi vui với bạn bè hết,

lơ là việc chính sự, không thu được thuế nộp cho trên. Tô Định tức giận dùng hình pháp đánh đập cho đến khi chết. Từ đó gia đình lâm vào cảnh khánh kiệt, hai mẹ con phải bỏ quê ra đi tìm đến Cẩm Chương nương náu, mở quán bán nước, làm thuê, khâu vá lấy tiền nuôi nhau. Thấm thoát đến khi Quảng Khánh trưởng thành, cậu có một sức khỏe hơn người, đã học và rèn võ công rất điều luyện, có thể địch được muôn người. Hai mẹ con không quên mối thù với Tô Định.

Truyền kể: Thời đó có bà họ Trung tên Trắc cháu ngoại của vua Hùng ở đất Mê Linh - Giao Châu. Chồng bà là Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết hại. Bà phần uất cùng em gái là Trung Nhị lấy của cải của cha ngầm nuôi sỹ tốt, chiêu tập binh mã. Thời cơ đến, bà Diêu Tiên nghe được tin đó nói với con trai rằng:

- Trời xanh chẳng phụ chúng ta.

Bà chiêu mộ được một số anh tài trong vùng cùng với con trai đến cầu kiến hai bà Trưng. Khi gặp được hai mẹ con, thấy Diêu Tiên phong tư kiêu diễm oai phong凛 liệt, bà Trưng nói: “Chúng ta đều là nữ trung hào, lại là cháu vua Hùng, tài sắc khó so bì hơn kém”. Liên tôn bà Diêu Tiên là Thần Nữ, con là Quảng Khánh Đại Vương. Quảng Khánh được mẹ giao về quê tuyển thêm quân tướng để cùng mưu đồ đại sự.

Quảng Khánh sang Cẩm Chương mời được em nuôi là Pháp Hải cùng triệu tập binh mã. Khi đã chiêu mộ được 10 vạn người, Khánh Công và Hải Công kéo quân về yết kiến Bà Trưng. Thấy có đội quân hùng hậu, đội ngũ chỉnh tề, khí giới oai nghiêm. Bà Trưng phong Khánh Công

là Thống tướng, phong Hải Công là Phó Tướng chia quân ra làm 2 đạo tiến thẳng vào thành của Tô Định. Trong một trận kịch chiến quân giặc chết như ngã rạ, Tô Định đại bại. Hai Bà Trưng thu phục được hơn 60 thành trì ở Lĩnh Nam, Bà Trưng lên ngôi Vua, phong tước và thưởng nhiều bổng lộc cho Diêu Tiên và hai con.

Ba năm sau, Vua nhà Hán sai Mã Viện, Lưu Long đem hơn 30 vạn hùng binh tiến đánh thành Lạng Sơn. Thế giặc rất mạnh. Hai Bà đốc xuất chư tướng chia hai cánh quân theo hai đường thủy bộ cùng tiến đánh. Hai bên kịch chiến rất ác liệt hơn một năm sau vẫn không phân thắng bại.

Biết thế giặc mạnh không thể chống cự được. Hai bà cho quân lui về đóng ở Cẩm Khê mở một trận đại chiến với quân Tô Định.

Song theo vận trời! Cơ đồ Trưng Vương như một giấc mộng... Diêu Tiên Thần Nữ và hai con Quảng Khánh Đại Vương và Pháp Hải Đại Vương đã hóa ở trận cuối cùng.

Hai mẹ con được nhân dân Cẩm Thụ (nay là khu phố Xuân Thụ) lập đền thờ Bà Diêu Tiên Thần Nữ cùng con ruột Quảng Khánh Đại Vương và tôn làm Thành Hoàng. Con nuôi bà Diêu Tiên là Pháp Hải Đại Vương cũng được tôn làm Thành Hoàng làng thờ ở đình thôn Cẩm Chương (nay là khu phố Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên).

Hiện nay đền Xuân Thụ và đình Cẩm Giang đều chung một thần phủ, cùng chung 22 đạo sắc phong của các triều đại và đều được công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia./

ĐỘC ĐÁO BỘ SƯU TẬP HIỆN VẬT ĐÚC ĐỒNG ĐÔNG SƠN TẠI BẢO TÀNG BẮC NINH

PHAN THỊ AN NGỌC

Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh hiện đang lưu giữ nhiều bộ sưu tập hiện vật có giá trị, trong đó có bộ hiện vật mảnh khuôn đúc sử dụng đúc Trống đồng Đông Sơn (trống đồng Heger I), một sản phẩm tiêu biểu nhất của văn hóa Đông Sơn thời Sơ sử.

Bộ sưu tập hiện vật dùng để đúc trống đồng Đông Sơn tại Bảo tàng bao gồm có: mảnh nồi nấu/ rót đồng, phễu rót đồng, mảnh đáy lò, ắc bàn xoay, xỉ quặng và gần 1.000 mảnh khuôn đúc (bao gồm các mảnh khuôn thuộc phần mặt, tang, thân và chân trống ở cả bên trong và bên ngoài của trống đồng, trong đó 55 mảnh khuôn ngoài có hoa văn, 222 mảnh khuôn trong không có hoa văn, số còn lại không xác định được).

Mảnh khuôn ngoài bao gồm: Mảnh khuôn phần mặt trống, mảnh khuôn phần

mặt giáp tang trống, mảnh khuôn phần tang và thân trống, mảnh khuôn phần thân và mảnh khuôn phần chân trống. Các mảnh khuôn ngoài có các loại hình hoa văn như: vòng tròn kép, vòng tròn tiếp tuyến, bông lúa, răng lược, hình trâm, hình chữ N ngược, hoa văn lông chim, hoa văn người hóa trang lông công cách điệu. Riêng mảnh khuôn phần chân trống không có hoa văn. Các hoa văn được tạo tác chủ yếu bằng phương pháp khắc vạch, riêng hoa văn hình người hóa trang lông chim được tạo bởi phương pháp in khuôn. Những mảnh khuôn ngoài được cấu tạo bởi lớp sét trộn với vỏ trấu hoặc bã thực vật, có màu nâu đỏ, phần mặt đúc thường được phủ lớp áo mịn. Trên một số mảnh khuôn, phần mặt có khoảng hở ở sát mép, có khả năng là để chờ ghép với khuôn cóc, một số mảnh tang và thân cũng có khoảng hở để chờ ráp với khuôn quai.



Một số mảnh khuôn đúc trống đồng Đông Sơn đang được lưu giữ tại Bảo Tàng tỉnh Bắc Ninh

Ảnh: PV

Mảnh khuôn trong là lớp sét mịn, có màu xám, gồm: Mảnh khuôn phần mặt và tang trống, mảnh khuôn phần tang trống, mảnh khuôn phần thân trống, mảnh khuôn phần thân và chân trống.

Qua nghiên cứu bộ sưu tập hiện vật dùng để đúc Trống đồng Đông Sơn tại Bảo tàng tỉnh có thể hình dung bước đầu về quy trình đúc trống như sau: 1- tạo phôi trên trục bàn xoay, 2- làm 2 mang thân và vẽ hoa văn, 3- làm mặt và tạo hoa văn, 4- làm

quai, 5- ráp khuôn (sử dụng con kê bằng gốm) và rót đồng. Sau khi làm xong, khuôn được sấy hoặc nung khô ở nhiệt độ thấp.

Những mảnh khuôn và dụng cụ liên quan đến hoạt động đúc trống đồng được tìm thấy và khai quật tại Khu di chỉ khảo cổ học thành Luy Lâu, thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành từ năm 1998 cho đến nay, chủ yếu nhất là trong đợt khai quật năm 2014 - 2015 do Bảo tàng Lịch sử Quốc gia phối hợp với Trường Đại

học Đông Á (Nhật Bản) thực hiện. Những mảnh khuôn tìm được đều giống nhau về chất liệu, loại hình và hoa văn, đặc biệt là cùng phát hiện trong lớp đất thời Lục triều (thế kỷ 3 - 6 sau Công nguyên) ở độ sâu khoảng 0,9 - 1,8m.

Di tích thành cổ Luy Lâu vốn là trị sở của quận Giao Chỉ vào thời Bắc Thuộc (từ thế kỷ I - VIII). Đây không chỉ là trung tâm chính trị, trung tâm kinh tế - thương mại mà còn là trung tâm văn hóa lớn và cổ xưa nhất Việt Nam. Từ nhiều thế kỷ nay, Luy Lâu đã được rất nhiều thế hệ các học giả đề cập trong các công trình lịch sử, văn hóa tôn giáo. Di tích thành Luy Lâu đã được các nhà chuyên môn trong và ngoài nước khai quật nhiều lần, thu được hàng ngàn hiện vật bằng gốm sứ, đá và kim loại quý giá. Đặc biệt, vào năm 2014 và 2015, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia phối hợp với Trường Đại học Đông Á (Nhật Bản) và Sở Văn hóa Thể thao Du lịch Bắc Ninh tiến hành khai quật di tích thành cổ Luy Lâu đã phát hiện dấu tích tường thành Nội phía Đông, thành Nội phía Tây, cổng thành Nội phía Bắc góp phần phác dựng được quy mô, phân bố của thành Nội là ở phía trung tâm của thành Ngoại, lệch về phía Bắc, ước tính chiều dài Đông Tây khoảng 180m, chiều rộng Bắc Nam khoảng 110m. Đặc biệt là trong đợt khai quật này đã phát hiện dấu tích lò nung và hàng trăm mảnh khuôn bằng đất nung, gồm cả khuôn trong và khuôn ngoài thuộc các vị trí mặt, tang, lưng, chân với nhiều

loại hình hoa văn. Bên cạnh đó là các hiện vật liên quan đến đúc đồng như mảnh nồi nấu, mảnh lò, ống thổi, ắc bàn xoay, xỉ lò và rất nhiều vật liệu kiến trúc và đồ dùng sinh hoạt khác.

Tính đến thời điểm hiện nay, Bắc Ninh là địa phương duy nhất trên thế giới đã phát hiện dấu tích lò nung và mảnh khuôn đúc trống đồng Đông Sơn. Từ nghiên cứu những mảnh khuôn đúc này, năm 2023, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia đã đúc thành công chiếc trống đồng Đông Sơn và được đặt tên là trống đồng Luy Lâu. Điều này minh chứng cho mảnh đất Bắc Ninh không chỉ là cái nôi của người Việt Cổ mà còn là trung tâm sản xuất trống đồng của cả nước. Bộ sưu tập hiện vật đúc trống đồng Đông Sơn tại Bảo tàng thực sự là một tài sản vô giá khẳng định sức sống mạnh mẽ và lâu bền của văn hóa Đông Sơn./.



NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

Gửi người giữ biển

Gửi người giữ biển đảo xa
Những vần thơ, những đóa hoa ân tình
Ngăn thù, cười sóng trường chinh
Hải đăng thấp sáng tàu mình vào ra
Biên phòng bão tố tuần tra
Hải quân biển đảo là nhà là quê
Bao nhiêu gian khó chẳng nề
Ngày vui ngày tết không về, vợ mong
Mọi người hướng tới Biển Đông
Mọi nhà nước Việt một lòng chăm lo.

Chung tay giữ vững cơ đồ
Muôn năm nước Việt bên bờ biển Đông./.

LÊ VIỆT HÙNG

Tiền anh ra đảo

Sóng vỗ mạn tàu
Tiền anh ra bến
Đứa con gái thương cha lưu luyến
Bíu chặt bờ vai.

Anh ra phía ban mai
Nắng khơi gió bẽ sạm da
Thương cây phong ba
Bám vào đá lớn lên nhờ sóng.

Ngày xao động
Mắt dõi về phía đảo xanh
Đêm thức năm canh
Trần trọc những mùa giông bão.

Vợ lính đảo
Gồng gánh quê nhà
Gồng gánh nỗi nhớ biển xa
Ngút ngàn cả miền xanh thắm.

Gửi nụ hôn đầm thắm
Giấu những lo âu...
Anh cùng đồng đội xuống tàu
Lá cờ đỏ sao vàng bay trước gió./.



LẠI MINH HỒNG

Yêu Hải quân Trường Sa

Đảo Trường Sa kiêu hãnh
Giữa biển trời bao la
Dạt dào con sóng vỗ
Đoàn tàu lướt khơi xa.

Bao chàng trai dũng cảm
Tình nguyện tới Trường Sa
Ngày đêm chắc tay súng
Giữ biển đảo quê nhà.

Biển quặn mình cuộn sóng
Trời nổi cơn phong ba
Đảo kiên cường trụ vững
Bao giông tố vượt qua.

Đảo Trường Sa không xa
Con tàu là cầu nối
Hẹn ngày mai em tới
Thăm Trường Sa thân yêu./.

PHƯƠNG HỮU THIÊN

Trường Sa vào hè

Sớm hè nắng trải muôn nơi
Xanh trong sóng gió đất trời Trường Sa
Lời ru đảo ngọc là nhà
Giữa trùng khơi vẫn nở hoa tháng ngày.

Trường Sa ơi! Có hôm nay
Biết bao công sức của ngày hôm qua?
Thiên liêng tình cảm quê nhà
Gửi người lính đảo Trường Sa anh hùng.

Xa xôi... xếp lại nhớ nhung!
Theo lời Đảng - Bác ta cùng gắng công
Chắc tay súng! Giữa biển Đông
Lời thề quyết giữ non sông vẹn toàn./.



THẨM THẨM THƠ, VỚI VỚI THƠ

PHẠM THUẬN THÀNH

Đối với nhiều người thì thơ cao vời vợi, thơ sâu thăm thẳm. Đối với nhiều người khác thì thơ ngự trong mỗi người, vừa gần gũi thân thiết, vừa xa xôi cách vời. Thơ vốn là cái đẹp có sẵn trong con người và có sẵn trong tự nhiên. Vấn đề là làm sao nhận ra nó, chỉ ra nó, viết nên nó?

Có một sự thật là chưa bao giờ người làm thơ nhiều như hiện nay. Hầu như xã nào cũng có Câu lạc bộ thơ đông vài chục thành viên. Hội Văn học nghệ thuật (VHNT) Bắc Ninh thì riêng Chi hội Văn học chiếm non nửa số hội viên và hầu hết làm thơ. Đây là chưa kể các cây bút văn xuôi và hội viên ở các chuyên ngành khác cũng làm thơ như Phúc Toàn, Nguyễn Duy Hợp, Vũ Hữu Vượng...

Vì sao vậy?

Vì thơ đến từ cảm xúc. Mà cảm xúc thì ai cũng có, nghĩa là ai cũng có thể làm thơ được; và số người làm thơ càng ngày càng nhiều lên qua hoạt động sôi nổi của các Câu lạc bộ thơ cơ sở.

Tuy nhiên cảm xúc lại có nhiều cung bậc khác nhau. Chỉ khi nào cảm xúc thật chín, thật mãnh liệt đến mức “cảm xúc về xông xao như đàn ong mang nhụy hoa về tổ” (Nguyễn Văn Chương) thì mới có Thơ, hay nói theo cách đại chúng hiện nay là có thơ hay. (Thực ra đã là thơ thì bao hàm hay rồi, nhưng do nhiều người ngộ nhận cứ tưởng cứ câu chữ có vần, có nhịp, có khuôn khổ là thơ nên mới có cảnh phân biệt thơ hay, thơ dở, thơ trung bình...). Làm thơ bằng kỹ thuật, thiếu cảm xúc thì chỉ là làm xiếc chữ, tạo nên một thứ chữ khô cứng, vô hồn. Còn làm thơ khi cảm xúc chín thì con chữ bay bổng, thăng hoa, không bị gò ép vào hình thức thể loại. Cảm xúc chín đưa người ta vào cõi thơ, nhìn sự vật bằng con mắt bên trong, bằng tuệ nhãn để thấy cái bản chất của sự vật và dùng con chữ mô tả cái bản chất ấy chứ không mô tả cái sự vật cụ thể. Việc này giống như nhìn tranh không gian 3 chiều. Nhìn bằng mắt thật chỉ thấy màu sắc lòe loẹt. Nhưng khi làm nhoe mắt thật đi rồi nhìn bằng “mắt ảo” ta sẽ

thấy một bức tranh khác lung linh, trong sáng, nổi rõ hình khối rất tuyệt vời, ẩn sâu dưới lớp màu loè loẹt kia. Nếu không biết cách nhìn thì chẳng bao giờ nhìn thấy bức tranh ẩn ấy. Mà điều này người khác không thể giúp được.

Nhưng cảm xúc dù căng mọng đến đâu cũng vẫn chỉ là nguồn mạch, cần có xúc tác, có cú hích như nhát chọc của kim để nguồn mạch trào ra, nếu không cảm xúc sẽ bị tan đi mất. Những cú hích này đến thật bất ngờ. Có khi là một câu thơ, một câu nói nghe được. Cũng có khi là một sự vấp vấp gặp trong cuộc sống thường ngày. Sự ngẫu nhiên của các yếu tố cảm xúc và xúc tác không thể định trước được nên người ta bảo thơ hay là trời cho. Mà trời cho thì hiếm, ít gặp. Vậy nên mới có hiện tượng "nhà thơ một bài". Và dù chỉ một bài vẫn cứ đáng mặt tài thơ.

Để dẫn chứng, xin đọc bài thơ sau:

*Em đi góc bể chân trời
 Tôi về nhật lại những lời bỏ quên
 Mùa đông rụng lá ưu phiền
 Sang xuân có bớt nỗi niềm nhớ mong
 Biết là nhớ cũng bằng không
 Tôi ra cửa bể ngòi trông cánh buồm.
 Tôi rơi vào cuối ngọn nôm
 Em rơi vào cuối nỗi buồn của tôi
 Nỗi buồn như tấm gương soi
 Gặp em không gặp thì tôi gặp mình.*

* *

*

*Mùa thu mặc áo gì kia
 Còn tôi mặc áo đêm đũa sợi ngâu.*

Đây là bài thơ **"Tôi ra cửa biển"** của Hải Kỳ đăng trên tạp chí Nhật Lệ của Quảng Bình. Đọc lên ta thấy cảm xúc của

tác giả mãnh liệt đến mức nào. Nổi nhớ người vợ thân yêu đi lao động xuất khẩu được mấy cánh buồm cửa biển và ý thơ Kiều của Nguyễn Du làm xúc tác để câu chữ chảy ra thành thơ. Hải Kỳ có lẽ ít người biết tiếng nhưng khi đọc được bài thơ này hẳn cái tên ấy sẽ khó quên trong lòng người đọc yêu thơ.

Vậy để có thơ hay trước hết cần có độ trầm tĩnh chờ cảm xúc thật chín, sao cho nhìn sự vật thấy được bản chất của nó bằng con mắt ảo hây cầm bút viết. Ý thơ, tứ thơ, câu chữ khắc tìm đến dưới ngòi bút của mình. Đừng mới chợt nảy ra ý nghĩ đã vội cầm bút. Dễ dãi, hời hợt thì chỉ thấy sự vật là sự vật bằng mắt thật sẽ không có thơ. Đừng vội khoe làm được nhiều đoạn văn vần mà làm nhiều loạn thơ.

Nếu cảm xúc là yếu tố thứ nhất, là hiện tượng trời cho thì việc thể hiện nó bằng ngôn ngữ sáng tạo để có thơ lại mang đậm dấu ấn cá nhân, mang tính chủ quan làm nên diện mạo riêng của nhà thơ. Ngôn ngữ sáng tạo chính là việc mô tả sự vật bằng câu chữ mới mẻ, tinh khôi, duy nhất cá nhân, không trùng lặp với người khác. Ngôn ngữ có từ trước, sự vật có từ trước, người đi trước nói nhan nhản rồi, bây giờ lại nói lại thì đâu còn là sáng tạo để người khác ngưỡng mộ, thú vị, mà chỉ để người ta thấy nhàm chán, "biết rồi, khổ lắm, nói mãi". Vậy mới cần nhà thơ chứ. Nhà thơ chính là người sáng tạo, chức phận vẽ vang sánh ngang tạo hoá. Người làm thơ cần luôn thận trọng xem lại mình, xem lại tác phẩm đúng là sáng tạo chưa để phán đoán, để xứng là nhà thơ. Xin đơn cử các cấp độ sử dụng ngôn ngữ nói về nhà rông Tây Nguyên:

- Nhà rông dài 300 mét (Ngôn ngữ khoa học).

- Nhà rông dài suốt chân núi (Ngôn ngữ trần thuật).

- Nhà rông dài như một tiếng chiêng (Ngôn ngữ thơ).

Câu thứ 3 đã được sử dụng trong Trường ca Đam San từ lâu.

Các nhà thơ trong phong trào “Thơ mới” sử dụng ngôn ngữ sáng tạo rất tài tình, đến mức bị quy là “Nghệ thuật vị nghệ thuật”, nhưng tác phẩm của họ có sức sống vượt thời gian. Vì nó luôn tươi mới. Nói cách khác, đã là thơ thì không bao giờ bị lãng quên. Dễ dãi với mình, chỉ dùng câu chữ quen thuộc, khái niệm quen thuộc thể hiện sự vật thì không bao giờ đến được cõi thơ. Thế nhưng nhiều người không nhận ra điều đó, cứ ngộ nhận thứ mình làm ra là thơ, từ đó “đẽ” thật lực, lấy số lượng để tự tôn mình, loè mình và loè người. Đáng tiếc cho lao động không sáng tạo ấy. Có thể dùng hình tượng mô phỏng: người làm thơ suốt đời đi bên cạnh đường thơ mà không biết, thỉnh thoảng cảm xúc dẫn vào đường thơ vài bước rồi lại ra ngoài đi tiếp. Chỉ mấy bước chân ấy thôi mà đã thấy mình vĩ đại quá, mà không biết tự vượt qua chính mình để đến với sáng tạo. Với nhà thơ, sự sáng tạo phải liên tục, suốt đời. Xin kể trường hợp Nguyễn Duy Hợp. Ông là nhà nghiên cứu văn học dân gian. Nhưng ông đến với thơ từ lâu. Năm 2000 ông làm bản thảo định in tập thơ “**Đấu chân trên cát**” nhưng qua sự góp ý của bạn viết nên tạm dừng lại. Trong đó có bài “**Mẹ**” dài 24 câu, thơ 6 chữ. Bài kể lể, tả thực nhưng có 2 câu vàng ròng “*Chiếc đấu đã mòn nhẫn*

đáy/ Mẹ đong bao nỗi gian lao”. Biết vậy nhưng không làm lại nổi vì thiếu cảm xúc. Một đêm thượng tuần trăng bạc, ngắm sông Ngân như thấy mẹ vẫn làm hàng sáo ở chốn cao xanh, *đong sao bạc đổ đầy sông Ngân* bằng chiếc đấu mòn nhẫn đáy. Mẹ vẫn tần tảo nhưng ở tầm cao cả hơn, khái quát hơn. Bài thơ “**Với người hàng sáo**” 14 câu thể lục bát đã đoạt giải Nhất cuộc thi thơ 2006 của tỉnh và mọi người từ đó biết đến một Nguyễn Duy Hợp nhà thơ.

Có một việc làm góp phần *dìm* người làm thơ khó đạt tới cõi thơ là bình thơ. Chưa phải là thơ đã khen nức nở khiến người làm thơ càng ngộ nhận và cứ đi mãi vào vệt đường mòn. Bình tập thơ thì “chỉ cốt tính tư tưởng”, trích dẫn minh họa toàn những câu chưa tới, khiến người sành thơ không buồn tìm đọc tập thơ hay. Thật là “Thương nhau như thế bằng mười phụ nhau”.

Việc chấm thơ dự thi cũng có khi dẫn đến hậu quả như vậy. Thơ hay bị bỏ sót, thơ chưa hay đã được giải khiến những tài năng mới chưa đủ bản lĩnh mất phương hướng, có khi thui chột, hoặc lại đi vào đường mòn.

Tóm lại, với những nhà thơ đã đưa mình đến được cõi thơ hãy luôn cẩn trọng, không xa rời con đường sáng tạo. Với những người khác hãy nhìn lại mình, vượt lên mình để đi vào sáng tạo bạn sẽ đến được cõi thơ. Cõi thơ rất gần với người biết, nhưng lại xa vô cùng với người không biết, dù bỏ cả đời đi đến đó mà vẫn không tới./.

PHỤ QUÝ SINH LỄ NGHĨA

NGUYỄN VIẾT TÀI

Bây giờ đang vào giữa mùa thu. Trời xanh trong một màu ngọc bích. Nắng ửng vàng như tơ mới. Một làn gió thu thổi nhẹ. Cây trong sân nhà ông Hòe vẫn xanh nhẫy nhưọt, mới chỉ lác đác điểm tô vài chiếc lá vàng.

Ông Hòe đang ngả lưng trên chiếc xích đu dưới gốc cây khế. Mọi ngày ông vẫn cùng ông Quế, vừa là anh em trong họ vừa là bạn thân, ngồi bên nhau trên chiếc xích đu này. Họ uống cà phê và nói chuyện với nhau: chuyện xưa, chuyện nay, chuyện vui chuyện buồn, những chuyện nói nhau tưởng như dài vô tận.

* *
*

Đầu năm 1972, đang học đại học năm cuối, chỉ còn mấy tháng nữa thì thi tốt nghiệp, sinh viên Lê Văn Hòe nhận quyết định lên đường nhập ngũ.

Thực ra, trai tráng thời chiến, nhập ngũ lên đường ra tiền tuyến là chuyện bình thường. Có điều anh chàng đã yêu một cô nàng cùng lớp, hẹn mấy tháng nữa ra trường thì làm đám cưới.

Thế mà ước nguyện không thành, đành phải chia tay.

Giây phút sắp phải rời xa của đôi tình nhân trẻ sao khỏi bịn rịn ngậm ngùi?

Buổi tối, nơi trường sơ tán, bên bờ sông Đáy, một đôi trai gái ngồi sát bên nhau. Yêu nhau mấy năm rồi nhưng hôm

nay nụ hôn hình như sâu hơn, nồng nàn hơn, đắm say hơn như thể không biết bao giờ mới lặp lại. Trăng sáng vắng vặc, gió thổi hiu hiu, cành lá khẽ đung đưa, những giọt trăng vàng lọt qua kẽ lá như những cánh hoa vàng nhẹ rơi trên tóc, trên áo họ.

Vuốt nhẹ lên mái tóc thơm mùi bồ kết của người con gái, người con trai nhỏ nhẹ, thâm thì:

- Niết ơi! Vì nhiệm vụ, anh phải lên đường. Chúng ta sắp phải xa nhau rồi. Không biết bao giờ mới gặp lại?

Người con gái ôm chặt lấy người con trai, áp má vào vai người yêu. Không nói.

Người con trai nói tiếp:

- Nay mai phải xa nhau, hàng ngày chúng mình tranh thủ thời gian viết thư cho nhau nhé, chắc là khó gửi lắm, cứ coi như là nhật ký của tình yêu, bao giờ gặp lại nhau thì đọc.

Người con gái chỉ khẽ đáp một tiếng “Vâng”. Nàng úp mặt vào ngực chàng thôn thức, vòng tay xiết chặt. Nước mắt của nàng ướt đầm ngực áo chàng. Hai trái tim cùng một nhịp thình thịch, thình thịch hồi hả như nhịp con tàu.

Sáng hôm sau, Hòe về đến nhà, thông báo với cha mẹ việc vào quân ngũ và thời gian được nghỉ phép ba ngày trước khi lên đường.

Nghe con báo cáo tình hình. Mẹ anh khóc òa, nức nở. Cha anh lặng đi một hồi. Có hai thằng con trai, ông đã góp cho chiến trường một đứa. Thằng anh nó mới hai mươi tuổi chưa kịp lấy vợ đã ra chiến

trường, mấy năm nay chẳng tin tức gì. Con chị thì đã đi lấy chồng, chồng nó cũng đi bộ đội cũng vào Nam chiến đấu. Chúng nó lấy nhau, cũng mới ở với nhau được một thời gian ngắn thì đã lên đường, không may mắn nên chưa con cái gì. Thằng Hòe mấy năm vừa rồi được hoãn nghĩa vụ, được đi học đại học. Giờ tổng động viên, lại có quyết định lên đường. Nếu nó cũng chưa vợ mà ra đi thì bao giờ ông mới có cháu bông cháu bé? Cụ Hồ bảo: Chiến tranh còn có thể kéo dài, có khi đến hai mươi năm nữa. Ai cũng như nhà ông thì lúc ấy lấy ai đi đánh giặc? Ông phải bắt nó cưới vợ, may ra ông có được thằng cháu, may ra Tổ quốc có thêm một tay súng cho mai sau.

Năm thi vào cấp ba, cả làng có mình Hòe đỗ. Rồi học đến lớp 10, rồi vào đại học. Gia đình, họ hàng nhà ông vô cùng tự hào về nó. Đẹp trai, cao to, khỏe mạnh lại học giỏi. Hòe là là thần tượng, là nỗi khát khao, là hình ảnh thâm yêu trộm nhớ của bao nhiêu cô gái làng.

Trước hoàn cảnh của con như thế, ông Hòe trầm ngâm một lát mới cất tiếng nói:

- Được nghỉ ba ngày, thời gian ngắn nhưng cũng đủ làm đám cưới. Trong những đám mọi người ước cho dâu, tôi thấy cái Mai họ Trương là xinh đẹp nét na hơn cả. Nếu con ưng thuận, tối nay đến dạm ngõ, mai ăn hỏi và cưới luôn.

Hòe rất bất ngờ với quyết định của cha. Mai ở xóm cuối, kém anh ba tuổi, cũng đang học trung cấp nông nghiệp, cũng biết



nhau, cũng thư từ cho nhau nhưng chưa hề có tình cảm yêu đương. Nghe cha nói thế, anh phản ứng ngay:

- Thưa cha! Ai lại cưới hỏi vội vàng thế. Với lại con với cô ấy đã yêu nhau lâu.

- Trai tài gái sắc, lấy nhau rồi khắc yêu. Ngày xưa bố mẹ cũng được ông bà cưới hỏi cho đấy. Thành vợ thành chồng rồi khắc yêu. Cha đã quyết. Con hãy nghe lời.

Đến nước này, Hòe mới khai thật:

- Con định học xong mới báo cáo với bố mẹ. Ở trường con đã yêu một bạn cùng lớp bên Xứ Đoài, hẹn sau này ra trường thì cưới nhau. Nhưng giờ con lên đường đánh giặc. Biết bao giờ mới trở về. Tối hôm qua chúng con tạm biệt nhau rồi.

Cha anh nghe thế thì mắt sáng lên,

thế thì còn gì bằng, có người yêu, có thời gian nghỉ phép thì làm đám cưới. Là người từng trải, ông ra quyết định chóng vánh:

- Thế thì ngay bây giờ anh quay lại trường, nói với người yêu, nếu đồng ý lấy nhau thì xin phép nhà trường, về báo cáo ông bà bên ấy làm đám cưới luôn. Anh xuống xã xin cái giấy giới thiệu mang theo. Hai đứa sáng mai về thẳng bên Đoài.

Cha anh sao lại hiểu được nỗi khát khao của anh đến thế? Như người cấy lúa mong đợi mùa lúa chín, người trồng cây mong được ngày hái quả, những người yêu nhau đắm say thì mong ước một đời là lấy được nhau. Chỉ có điều hai đứa còn đang học. Chỉ có điều anh có quyết định lên đường. Anh thấy cha quyết định quá nhanh. Anh với người yêu mỗi người mỗi

ting, đến với nhau bằng tình yêu đẹp như thơ. Hai đứa cùng chung niềm khao khát trăm năm hạnh phúc. Khao khát được trọn đời sống bên nhau dưới một mái nhà, ngủ chung một chiếc giường, ăn cùng một mâm, sinh ra con trai, con gái và nuôi dạy chúng nên người. Có cơ hội thì cưới nhau. Đợi chiến tranh kết thúc thì đến khi nào? Sao chuyện đơn giản thế mà anh không nghĩ ra?

Mượn được ông bác chiếc xe đạp, Hòe đạp phăng phăng đến trường. Vượt qua quãng đường gần chín mươi cây số, chập tối anh cũng đến nơi.

Vừa đến phòng ở của Niết nơi sơ tán, Niết nhảy từ trên giường tầng chạy ra ôm chầm lấy anh. Con gái họ liều lĩnh thật, yêu nhau đấy nhưng có dám công khai đâu, trao đổi với nhau bằng những mảnh giấy nhỏ kẹp vào trong quyển sách, hoặc đi ngang qua đưa vội cho nhau. Buổi tối thứ bảy hay chủ nhật hàng tuần mới hẹn hò với nhau ngoài bờ sông. Lúc đi cũng đưa trước, đưa sau, lúc về cũng thế.

Thế mà hôm nay, gặp nhau Niết dám công khai, dám ôm anh trước mặt mọi người. Hòe ngượng ngùng, xấu hổ. Mặt anh đỏ bừng. Anh nói nhỏ:

- Mọi người nhìn kia. Bỏ anh ra đi.

Anh càng nói, Niết càng ôm chặt hơn. Nàng úp mặt vào ngực Hòe, hít hà cái mùi mồ hôi, cái mùi đàn ông ngây ngất, nồng nàn.

Lên phòng giáo vụ xin phép ngay buổi tối, sáng tinh sương hôm sau, Hòe

đèo người yêu về thẳng Xứ Đoài. Đến nhà Niết, đã thấy cha mẹ Hòe có mặt tự lúc nào.

Thời gian ngắn ngủi, buổi sáng là lễ dạm ngõ, buổi chiều là lễ ăn hỏi. Bố mẹ Hòe cũng mang sang nhà gái đôi gà sống thối, một buồng cau tươi, đôi khayên tai hai chỉ vàng mười.

Ngày ngày hôm sau là ngày cưới. Ngày ấy đang chiến tranh nên đám cưới thật đơn giản. Cha Hòe vốn là một nhà nho. Ông bảo: “Cưới vợ là việc hệ trọng của đời người. Vật chất có thể thiếu thốn nhưng lễ nghĩa phải đầy đủ”. Hôm trong lễ ăn hỏi, có ý kiến bên nhà gái bảo làm lễ cưới bên nhà gái, xong rồi vợ chồng đưa nhau về. Nhưng ông không đồng ý. Ông bảo: “Dâu về nhà chồng, xa thì xa, dù qua mấy con sông sâu, dù qua ngàn vạn nhịp cầu thì cũng phải đón rước”.

Thế là ngay chiều mượn hôm ấy, sau lễ ăn hỏi, cha mẹ chú rể và chú rể lại về ngay tỉnh Đông, để kịp ngày hôm sau sang nhà gái đón dâu về làm đám cưới.

Sáng ngày hôm sau, trời đất như cùng chúc phúc cho đôi trẻ. Một ngày thu thật là thu. Đàng Đông, mặt trời vừa thức dậy, đỏ mọng như một quả hồng chín nục. Bầu trời phơn phớt hồng. Những tia nắng đầu tiên làm cho đất trời chuyển từ màu phớt hồng sang màu vàng non tươi mới. Thoáng một chút ánh nắng đã trải vàng khắp làng quê. Nhà cửa, ruộng đồng sáng bừng như vừa được thay áo mới.

Đoàn rước dâu gồm bốn người đi bốn

xe đạp. Ông Hảo cạo ruột của chú rể diện chiếc áo bốn túi màu cỏ úa, mặc quần cùng màu. Cậu lại đội chiếc mũ cối, trông oách như sĩ quan quân đội.

Cô An, gọi là cô vì trong nội tộc, chứ cô cũng chỉ nhỉnh hơn chú rể vài ba tuổi. Cùng với chị Hòa đều áo sơ mi may kiểu Hồng Kông, quần sa tanh đen nhóng nhánh.

Chú rể mặc quần kaki màu lông chuột, cổ áo sơ mi màu xanh trứng sáo nổi bật trên chiếc áo len màu xanh cốm đan kiểu cốt Ăng lê, chân đi dép nhựa Tiền Phong Hải Phòng. Ngày ấy như thế cũng là diện lắm rồi.

Mọi người tiễn đoàn rất đông. Đã đến giờ xuất phát. Cậu Hảo, trưởng đoàn phát lệnh:

- Hôm nay ngày lành tháng tốt, được hai bác giao nhiệm vụ cùng Cô An, chị Hòa và cháu Hòe sang nhà gái đón dâu. Bây giờ đã đến lúc lên đường. Tôi đi trước sau đến chú rể, Cô An, chị Hòa.

Đoàn rước dâu từ nhà trai, theo đường làng để ra đường quốc lộ. Người làng ủa ra đường tiễn rất đông. Những lời chúc nói nhau đến tận cuối làng:

- Chúc đoàn rước dâu gặp nhiều may mắn.

- Chúc mừng hạnh phúc anh Hòe.

- Lấy được vợ Xứ Đoài là nhất đấy

- Chúc gia đình anh Hòe sớm có con bông con bé.

Có cụ còn tặng thơ. Đáng ra tôi nay rước dâu về tôi chúc đám cưới rồi mới đọc.

Nhưng chắc tôi mới đọc thì lâu quá nên cụ đọc tặng luôn:

Năm xưa hai đũa mười ba

Xứ Đoài em ở anh nhà xứ Đông

Trời se nên vợ nên chồng

Trăm năm quán quýt như rồng gặp mây.

- ...

Ra đến đường quốc lộ, gió thu phơi phới, trời thu mát rượi, bốn thành viên, bốn chiếc xe, bốn con người đang phấn khích nên đều phóng vèo vèo như một đội đua. Trời sáng còn mát, hai thành viên nữ khoác nón vào ghi đông xe, chớp nón hướng về phía trước như mũi tàu rẽ sóng ra khơi.

Sang đất Yên Viên, bom Mỹ thả không còn để sót một mét đường nào. Hồ bom được lấp, ngô đã lên xanh. Vài ba cây số đường đất, bánh xe lên xuống rập rình.

Từ Đông sang Đoài, đi phà qua sông Đuống rồi đến Cầu Long Biên, thế mà bom đạn Mỹ đánh sập mất mấy nhịp. Theo đường đê, đoàn rước dâu xuôi xuống một đoạn rồi qua cầu phao sang Hà Nội.

Ngày ấy, đạp xe đường dài như vậy là thường nên không ai cảm thấy vất vả. Tiếng cười, nói lại khiến ai cũng thấy con đường xa ngắn lại.

Cũng chỉ gần trưa là đã đến nhà gái. Được nhà gái tiếp đón, ăn uống nghỉ ngơi, để đến giờ mùi, giờ Hoàng Đạo làm lễ vu quy là xin đón dâu về.

Đi bốn xe nhưng về lại tám xe, Nhà gái cũng bốn xe đạp bốn người đưa tiễn. Xe chú rể giờ có cô dâu áo xanh trứng sáo, quần sa tanh đen nhóng nhánh ngồi sau.

Đi đã xuôi, thì về phải ngược. Đoàn rước dâu gò lưng đạp xe. Chú rể Hòe lúc ấy mới ngoài hai mươi, còn rất khỏe. Đèo vợ đằng sau mà vẫn phóng băng băng.

Đón dâu ngày hôm trước thì hôm sau, vợ chồng lại trở về nhà gái thực hiện lễ lại mặt để hôm sau thì Hòe đến nơi tập trung về đơn vị, Niết về trường tiếp tục học tập.

Vợ chồng ở với nhau hai ngày nhưng hầu hết là đi trên đường như thoi đưa dẹt nên hạnh phúc, như gian nan thử thách tình yêu. Với chiếc xe đạp, đôi vợ chồng vượt qua biết mấy cung đường, hôm nắng sớm, hôm mưa chiều, để đến đích cuối cùng là hạnh phúc của tình yêu.

* *
*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi hoàn toàn. Hòe trở về thì con gái đã lên ba. Niết được phân công về dạy học ngay gần nhà chồng. Hòe học tiếp năm cuối rồi đi làm. Chiếc xe đạp đón vợ năm xưa, anh xin bác bán lại cho vừa có cái đi làm vừa làm vật kỷ niệm.

Thấm thoát từ ngày ấy đến giờ đã trên bốn chục năm. Đất nước quê hương thay đổi từng ngày.

Con đường chính từ khu Đồng Phú ra đường quốc lộ giờ rộng thênh thênh, đủ cho bốn làn xe chạy. Cũng sơn vàng, sơn trắng phân làn. Hai bên đường là vỉa hè rộng được lát đá xẻ, thấy bảo mua tận trong Thanh Hoá. Bên trái đường là hồ nước rộng mênh mông. Quanh hồ được kê đá sạch sẽ, lại có lan can bằng inox sáng bóng. Xã lên phường, thôn lên khu phố

có khác. Thật may là vẫn giữ được cái hồ. Chứ hồi xây dựng nông thôn mới, có mấy ông cứ đòi lấp hồ để được mấy dãy nhà thì đâu còn nét riêng của Đồng Phú nữa.

Hè sang, lá sen xanh khắp mặt hồ. Nổi bật trên nền lá xanh là những bông sen trắng muốt, tím đỏ. Hương sen theo gió Đông Nam thổi vào các con ngõ, nay là các đường phố, rồi ban phát cho từng ngôi nhà. Cho nên từ bao đời nay, người ở Đồng Phú, lúc nào quần áo, da thịt cũng thơm ngát mùi sen.

Đông đến, sen tàn ngủ im dưới đáy hồ. Cả hồ nước mênh mông, trong veo một màu ngọc bích. Ngày nghỉ, trai gái làng thỏa sức bơi thuyền, ngắm cảnh. Ngày tết, ngày hội làng, tha hồ đi thuyền rồng hát Quan họ.

Ba con ngõ vuông góc với con đường chính, nay được mở rộng sang hai bên thành ba đường phố. Hai bên đường phố, mỗi nhà mát vài chục mét đất, nhưng bù lại ô tô dễ dàng đi vào sân từng nhà.

Quê hương giàu lên trông thấy. Ấn tượng nhất đối với ông Hòe là rất nhiều ô tô. Thời ông còn trẻ phải Thứ, Bộ trưởng mới được đi ô tô con. Giờ thì ai cũng có thể có ô tô con. Anh cả Đồng làm cán bộ trên huyện sắm ô tô đã đành. Cô giáo Thi dạy học ngay xã bên cạnh cách nhà không đến ba cây số cũng sắm ô tô. Đến anh Ba Rèn buôn bán tại nhà, chẳng mấy khi đi đâu cũng sắm cái ô tô để trong sân dưới tán cây ổi cho nó bằng bạn bằng bè... Người ta bảo đi ô tô an toàn hơn đi xe máy. Mùa hè thì mát, mùa đông thì ấm. Mưa không đến mặt, nắng chẳng đến đầu.

Thế rồi bất kể việc gì cần đi lại hơi xa một tí là đi ô tô. Chờ người đi bệnh viện đi ô tô, sang làng bên dự Hội làng cũng ô tô. Đến rủ nhau đi Hà Giang thưởng thức trâu giết bảy món hay lên Bắc Giang chén thịt dê núi cũng ô tô.

Cho nên bây giờ cưới xin, trờ trai gái lấy nhau trong khu, trong phường. Còn nếu lấy chồng lấy vợ ngoài phường, dù chỉ cách nhau vài cây số thì từ đám ngõ, ăn hỏi hay rước dâu đều dùng ô tô.

Thằng Sâm thằng con Út của ông Hòe là đứa sinh sau đẻ muộn. Năm tách tỉnh, Hoài con gái cả của ông Hòe đã tốt nghiệp đại học, đi công tác xa nhà. Con Thằng thứ hai cũng đã vào đại học.

Nhà chỉ có hai vợ chồng đều đã ngoài bốn mươi. Nghĩ rằng vòng tránh thai để quá lâu, phải tháo ra không thì ảnh hưởng đến sức khỏe. Nào ngờ, vừa tháo ra được một thời gian ngắn thì vỡ kế hoạch. Trờ cho thế nào lại được thằng Sâm. Cũng bị phê bình, cũng chậm lên lương.

Thấm thoát từ ngày đẻ nó đến nay đã hơn hai chục năm. Hai vợ chồng ông Hòe cũng đã nghỉ hưu. Hai chị nó thì đã yên bề gia thất. Thằng Sâm cũng đã học xong và đã đi làm.

Nghĩ lại đám cưới của mình ngày xưa vì gia đình còn nghèo, đất nước còn nghèo lại vì chiến tranh nên không được tổ chức đàng hoàng. Nay cưới con trong hoàn cảnh nhà ông đã giàu lên, quê hương đất nước giàu lên. Cho nên ông phải tổ chức sao cho thật hoành tráng.

Khâu tổ chức lễ cưới thì liên hệ xong

rồi. Chỉ còn khâu đón dâu. Họ thì to, người thì đông, nhiều nhà có ô tô. Ai cũng muốn được tham gia vào cuộc rước dâu. Rồi bạn bè của vợ của chồng, bạn bè các cháu. Nhiều ô tô mới tậu. Ai cũng muốn được thể hiện. Nhưng nhà gái không làm rạp đám cưới, cũng tổ chức ăn uống ở khách sạn như nhà mình. Nhà gái cũng ở biệt thự đấy, nhưng kéo cả trăm người đến thì ngồi vào đâu. Chả nhẽ đến nơi, người vào trong nhà, người đứng ngoài đường?

Đang băn khoăn suy nghĩ thì ông Quế sang. Chào nhau xong, Ông Hòe vào nhà mang hai tách cà phê ra. Hai ông trao đổi với nhau lễ đón dâu.

- Tôi muốn lễ rước dâu sao cho thật đàng hoàng mà chưa nghĩ ra nên tổ chức thế nào. Ông Hòe nói.

- Theo ý tôi, cũng như các đám, ta chỉ cần một xe con chở cô dâu chú rể, thêm một xe 45 chỗ chở quan khách nhà trai. Thuê một xe 45 chỗ nữa cho nhà gái đưa dâu về nhà chồng. Ông Quế hiến kế.

Ông Hòe bác bỏ ngay:

- Không được đâu ông ơi. Bao nhiêu xe trong họ chỉ đợi dịp cưới cháu để được thể hiện. Nay mình làm thế, họ không bằng lòng.

Ông Quế:

- Thế thì hôm cưới, ông chỉ cần có lời. Đến giờ này mời các cụ, các ông các bà, các cô dì chú bác... đi đón cháu dâu về. Thế là mọi người tự lo xe đi.

Ông Hòe:

- Cũng không được. Họ nhà mình to. Nhảm sơ sơ cũng gần hai chục xe. Bạn bè

của tôi, của bà ấy, của hai chị nó cũng hơn vài chục cái, lại còn bạn bè của nó nữa. Đông như thế đến nhà gái thì đỗ xe ở đâu? Vào nhà gái thì ngồi vào đâu?

Đưa ra bao nhiêu phương án nhưng chẳng phương án nào tối ưu. Nhiều việc tưởng đơn giản, nhưng đụng vào mới thấy muôn vàn khó khăn. Ngày xưa ông lấy vợ xa, đi đón dâu chỉ cần bốn chiếc xe đạp. Nay con ông lấy vợ gần, có hơn chục cây số mà sao khó thế?

Nắng đã nhuộm vàng trên cây khế, đồng hồ quả lắc trong nhà đã mấy lần đổ chuông, hai tách cà phê đã tan hết đá mà chưa ai uống, hai mái đầu hoa râm vẫn trầm ngâm suy nghĩ.

Bỗng mặt ông Quế sáng lên, ông đứng phắt dậy, ông reo lên như nhà bác học Acsimet phát minh ra định luật:

- Tôi nghĩ ra rồi! Tôi nghĩ ra rồi! Tôi nghĩ ra rồi!

Ông Hòe thì hỏi hộp chờ đợi xem cái mà ông Quế nghĩ ra là gì, nhưng ông Quế thì cứ đi đi lại lại, vung chân múa tay, nở nụ cười đắc ý.

- Tôi tính thế này nhé! Thăng Sâm Giáp Tuất mệnh hỏa, vợ nó Kỷ Mão mệnh thổ. Hai mệnh ấy hợp nhau đã đành. Hỏa và thổ đều hợp màu đỏ. Cho nên, chỉ các xe màu đỏ mới được đi rước dâu. Thế là các xe màu bạc, màu đen, màu trắng bạc, xanh lơ bị loại hết. Tôi với ông không mê tín, không tin vào cái kiểu tính toán Tý, Sửu, Dần, Mão... Nhưng nhiều khi nó lại là lý lẽ hay.

Ông Hòe nghe thì sung sướng như vừa bắt được vàng:

- Tuyệt vời. Ông giỏi quá! Có thể mà tôi không nghĩ ra. Người ta vẫn bảo: Có thờ có thiêng, có kiêng có lành. Với lý lẽ như thế thì chả ai trách vào đâu được. Hôm cưới cháu, ông có ý kiến như vậy giúp tôi.

Và ngày đại hỷ đã đến. Cuộc rước dâu được tổ chức theo đúng sự sắp đặt của hai ông.

Hai mươi lăm xe đứng bằng tuổi cô dâu, toàn xe sơn cùng một màu đỏ bóng nổi nhau xếp hàng. Xe nào phía trước cũng nổi bật chữ song hỷ cũng cất bằng giấy đỏ.

Trời cuối thu se lạnh giúp cho mọi người thoải sức trung diện. Các cô gái không biết có bảo nhau hay không mà đều váy dài nhưng màu xanh nước biển. Các cụ bà thì xúng xính áo dài xanh đỏ tím vàng. Các cụ ông đều áo the khăn xếp, bộ cánh chỉ mặc những ngày đại lễ.

Hai mươi lăm lái xe đồng phục comple màu mận chín, somi trắng cà vạt màu tiết dê đứng cùng một bên cùng mở cửa trịnh trọng rước các cụ, các ông, các bà, các cô đi, chú bác, các bạn bè của cha mẹ của chú rể lên xe.

Cả đoàn xe nối nhau cách đều phoi phới lên đường. Bao nhiêu con mắt nhìn theo ngưỡng mộ.

Các cụ nói chẳng sai: Phú quý sinh lễ nghĩa. Ngày xưa, không có thì phải chịu. Chứ bây giờ có đồng tiền ai chả muốn sang. Đất nước cũng thế thôi, tỉnh huyện cũng thế thôi, đến từng làng xã, từng khu phố, từng gia đình từng con người, ai cũng đều muốn thế./.

NGƯỜI NẶNG TÌNH VỚI NÀNG THƠ

(TƯỢNG NHỚ NHÀ THƠ VŨ ĐÌNH ỨNG)

NGUYỄN ĐÌNH TỰ



Thế là lão thi nhân Vũ Đình Ứng đã vĩnh biệt chúng ta về chốn vĩnh hằng ngày 13/4/2024 không bao giờ còn gặp lại.

Vẫn biết rằng sinh tử là lẽ thường tình mà ai ai cũng phải...

Song lúc biệt ly vẫn không nén nổi nỗi nhớ tiếc ngậm ngùi.

Một nén tâm hương đôi lời tưởng niệm ta cùng nhớ về người bạn thơ đã đi xa...

Nhà thơ Vũ Đình Ứng sinh năm 1941 tại phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh. Thuở thanh niên ông công tác ở Ty Giao thông Hà Tây cũ. Gần mười năm sau đó chuyển về nhà máy thuốc lá Bắc Sơn ở

phường Đáp Cầu, gần nhà ông và đã từng là Trưởng phòng ở nhà máy thuốc lá Bắc Sơn. Ông đã được đủ tiêu chuẩn nghỉ hưu từ năm 1991 khi mới năm mươi tuổi. Từ đó ông dốc sức lo kinh tế gia đình và gây dựng cho các con.

Từ khi còn công tác ông đã say mê văn học và đã sáng tác thơ nhưng chưa có dịp công bố. Giờ đã nghỉ hưu ông có nhiều thời gian hơn cho đam mê này.

Vào những năm đầu thập niên chín mươi thế kỉ trước, phong trào thơ ở thị xã Bắc Ninh phát triển mạnh. Phường nào cũng có Câu lạc bộ (CLB) thơ và thường xuyên giao lưu với nhau. Ông cũng đã từng là chủ nhiệm CLB thơ Đáp Cầu một thời gian.

Qua những buổi giao lưu đó tôi đã được biết và trở nên thân thiết với nhà thơ Vũ Đình Ứng, rồi hiểu nhau hơn có nhiều sự đồng cảm đồng điệu nên đã thành bạn thơ tri kỉ của nhau.

Thời gian thấm thoát qua mau tình

bạn thơ đó đã được ba chục năm có lẻ.

Nhà thơ Vũ Đình Ứng được kết nạp vào Hội Văn học nghệ thuật (VHNT) tỉnh Bắc Ninh từ năm 2001. Từ đó ông đã tuyển chọn những bài thơ viết từ trước và những bài mới sáng tác lần lượt cho ấn hành được 6 tập thơ qua Nhà xuất bản Hội Nhà văn và Nhà xuất bản Văn học. Có ba tập được hỗ trợ xuất bản của Hội VHNT tỉnh. Đó là các tập thơ: **Khúc ngẫu hứng** - năm 2004, **Khúc giao mùa** - năm 2009, **Nhịp thời gian** - năm 2013, **Đoản khúc** - năm 2014, **Hương vị thời gian** - năm 2019, **Cổ học tân tri** - năm 2020

Thế mới thấy sức sáng tác của tác giả thật mãnh liệt. Càng những năm sau khi tuổi đã cao, ông vẫn liên tục có ấn phẩm thơ ra đời.

Nhà thơ Vũ Đình Ứng có thể sáng tác các thể loại thơ từ thơ truyền thống như lục bát, thơ Đường luật cho tới thơ mới, thơ tự do... Dù thể loại thơ nào ông đều làm hết sức cẩn thận chĩn chu về câu chữ về bút pháp với đủ mọi đề tài nội dung là những gì thấy được trong cuộc sống thường ngày.

Tập thơ **Khúc ngẫu hứng** (2004) là những bài thơ ông viết từ thời trai trẻ với những gì ông đã trải qua được chứng kiến khi công tác ở Hà Tây. Thời ấy với công việc bảo đảm giao thông ông được đi nhiều nơi, được trải nghiệm nhiều chuyện nên thơ ông rất phong phú về đề tài nội dung, sát với cuộc sống thời chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta do đế quốc Mỹ tiến hành. Mặc dù trong chiến tranh nhiều khi rất ác liệt khó khăn nhưng thơ ông vẫn rất lãng mạn, lạc quan, yêu đời có cả những

bài về tình yêu đầu đời của ông rất đáng trân trọng. Tập thơ này là thơ mới thơ tự do thơ lục bát.

Tác giả Vũ Đình Ứng là người rất giỏi về thơ Đường luật. Ông đã có nhiều bài được đăng trên báo Đại đoàn kết, báo Người cao tuổi, tạp chí Thơ của Hội Nhà văn và cũng được các bạn thơ nhiều tỉnh thành biết đến thường xuyên giao lưu. Ông cùng tôi đã được mời làm Giám khảo cuộc thi thơ Đường luật kỉ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội do Hội thơ Đường luật tổ chức.

Khúc giao mùa (2009) là tập thơ Đường luật hoàn toàn. Thể loại thơ này có luật rất chặt chẽ về bố cục bài thơ, về luật bằng trắc của các từ trong từng câu và đặc biệt là có hai cặp đối thực luận phải chĩn chu về ý, về từ. Ấy vậy mà tác giả thể hiện gần ba trăm bài thơ một cách rất tự nhiên, về chữ nghĩa bay bổng; về nội dung, nhiều bài có tính nhân văn sâu sắc. Tập thơ được nhiều bạn thơ trong ngoài tỉnh biết tới.

Nhà thơ Vũ Đình Ứng không bằng lòng với những gì đã có được, ông tự làm mới mình bằng thể thơ mới lạ đó là thơ Haiku có nguồn từ Nhật Bản. Thể thơ này cực ngắn, chỉ có ba câu với độ mười mười lăm từ mà phải nói một vấn đề được đặt ra một cách rõ ràng, khúc triết khiến người đọc phải ngạc nhiên thú vị khó quên. Và đặc biệt ở câu kết phải gây nên sự tưởng tượng thêm cho người đọc kiểu "ý tại ngôn ngoại" Chỉ bốn tháng ông đã hoàn thành tuyển chọn các bài cũ sáng tác mới rồi biên tập 200 bài thơ kiểu này và cho ấn hành tập thơ **Đoản khúc** (2014). Tập thơ này đã gây

nên sự háo hức thích thú của nhiều bạn bè, được tác giả tặng thơ và có nhiều phản hồi tích cực. Ôi ! Đó cũng là niềm vui của nhỏ của người làm thơ thêm động lực để bước tiếp trên chặng đường thơ.

Không dừng lại, nhà thơ lại tiếp tục tìm hiểu về thơ hát nói được dùng trong ca trù. Thể thơ này hiện nay không còn mấy ai theo đuổi vì rất ít được dùng đến. Thể thơ này cũng có luật khắt khe về bố cục và ngôn từ, người viết phải am hiểu nhiều thể loại thơ được dùng trong bài như lục bát, Đường luật, song thất lục bát và cả câu đối nữa. Tất cả được hòa quyện cùng nhau hỗ trợ cho nhau để thành một bài thơ hoàn hảo nói về một nội dung nào đó.

Và rồi ông lại tập trung sáng tác, chỉ vài tháng sau ông đã cho tôi xem tập bản thảo tròn 100 bài thơ hát nói với nhiều nội dung về gia đình về bạn bè, về nhân tình thế thái. Tôi đọc rất kỹ và đầy hào hứng và không khỏi trầm cảm phục về sự sáng tác của ông.

Quả là gừng càng già càng cay, sự sáng tác của ông không hề bị chững lại do tuổi cao mà hình như lại càng mạnh mẽ hơn mê mải hơn. Ông cũng nói với tôi rằng ông đang chạy đua với thời gian để cố gắng hoàn thành những dự định của mình đã đặt ra trong những năm cuối cuộc đời khi đã vào lứa U80.

Tháng 9/2019 nhà thơ đã cho ấn hành tập thơ hát nói **Hương vị thời gian**. Thật vinh hạnh cho tôi được tác giả đề nghị viết lời bạt cho tập thơ này. Tôi vui vẻ nhận lời đã viết lời bạt ngắn gọn nhưng toát lên được cái hay cái đẹp của thể loại

thơ này và nhất là nói lên được sự mê mải công phu của tác giả tập thơ đã góp một hương vị... cổ nhưng với nội dung mới thêm bay bổng cho nhiều độc giả yêu mến thể thơ này.

Nhà thơ Vũ Đình Ứng chỉ tự học chữ Hán qua sách vở, qua mạng và một số bạn thơ có ít nhiều biết Hán tự nhưng cũng đã khá am hiểu. Ông lại tự thử thách mình bằng việc làm có thể nói là rất khó đó là làm thơ chữ Hán. Và ông đã tập trung cao độ để quyết tâm thực hiện dự định này. Ông cũng nói với tôi rằng có thể đây là ước vọng cuối cùng của ông trên con đường đồng hành cùng "*Nàng thơ*". Tôi rất ngạc nhiên nhưng cũng rất tin tưởng rằng bạn mình sẽ làm được và luôn khích lệ ông thực hiện. Đầu năm 2020 ông bắt đầu tập hợp những bài thơ đã viết trước đó và viết tiếp theo thơ chữ Hán. Cứ mỗi lần đến thăm ông lại cho tôi xem những bài mới với đa dạng nội dung và cách viết. Công việc này đối với ông thật khó khăn và mất nhiều thời gian vì ông không biết viết chữ Hán, nên khi sáng tác phải nhờ máy tính tìm từng chữ theo âm Hán cho đúng nghĩa, mảy mò chọn từng chữ ghép từng câu từng bài mới hoàn thành được. Quả là rất công phu, nếu không có sự say mê cao độ quyết tâm mạnh mẽ thì khó mà hoàn thành được dự định này. Cứ như thế ông đã "viết" được gần 70 bài thơ chữ Hán đủ cả phần phiên âm và dịch nghĩa dịch thơ. Sau khi cho tôi đọc bản thảo ông còn tham khảo thêm ý kiến của một vài người am hiểu chữ Hán rồi quyết định xin phép xuất bản. Nhà xuất bản Hội Nhà văn nhận

được bản thảo đã phải nhờ chuyên gia chữ Hán thẩm định lại và đã cấp phép xuất bản. Cuối năm 2020 tập thơ song ngữ **Cổ học tân tri** của tác giả Vũ Đình Ứng đã được phát hành có sự hỗ trợ xuất bản của Hội VHNT tỉnh. Khi nhận được tác phẩm ông vô cùng vui sướng vì đây là một tác phẩm hiếm có của thời nay đã được hoàn thành theo ý nguyện của mình. Sau đó đương nhiên tác phẩm được tặng một số bạn thơ tất nhiên là không nhiều tới một số bạn đọc thân thiết của tác giả. Đã có nhiều bạn đọc phản hồi tỏ sự ngạc nhiên nhưng thật sự cảm phục về khả năng và đặc biệt là sự công phu của tác giả Vũ Đình Ứng.

Vài năm gần đây sức khỏe kém dần tác giả Vũ Đình Ứng lại lo tiếp "hậu sự" cho những "đứa con thơ" là phần thơ chưa công bố được đó là phần dịch thơ chữ Hán qua những tác phẩm của một số tác giả nổi tiếng ngày xưa thời Trần Lê Nguyễn có cả một số bài của các tác giả thời nhà Đường mà ông sưu tầm được trong nhiều năm trước và đã tiến hành dịch từ khá lâu được tới hai trăm bài. Phần thơ dịch này ông cố tìm những bài mới có phần dịch nghĩa mà chưa dịch thành thơ để tránh trùng lặp. Thật là rất cẩn thận.

Ông đã tuyển chọn và tự biên tập thành văn bản rất cẩn thận. Phần thơ này cũng công phu và tốn thời gian như phần thơ song ngữ của ông trước đó.

Một phần thơ nữa còn "đồ sộ" hơn đó là thơ xướng họa. Đã có tới 500 bài thơ Đường luật xướng họa trên báo Đại đoàn kết, báo Người cao tuổi và với nhiều bạn thơ các tỉnh thành mà ông còn lưu lại

được. Ông đã đánh máy lại thành văn bản sắp xếp theo trình tự thời gian như một bản thảo hoàn chỉnh.

Ôi! Thật đáng nể trọng một sự làm việc chín chu vô cùng. Ông nói với tôi rằng đó là "di cảo" của ông chưa kịp công bố để lại cho con cháu. Hẳn rằng con cháu cũng phải thấy tự hào vì cha ông mình có một khối lượng khá lớn về thơ như vậy.

Định mệnh thật trớ trêu. Khi còn sống ông thường nói với tôi rằng ông muốn được "đi" trước bà để bà lo cho ông được chu tất. Nhưng rồi thiên số khó như ý bà lại "đi" trước ông chưa đầy 5 tháng khiến cho con cháu thêm phần đau thương. Nhưng nghĩ tích cực hơn đó cũng là niềm an ủi phần nào cho con cháu vì ông bà đã sớm được tái ngộ trùng phùng nơi tiên cảnh. Trong lễ tang ông tôi đã có cặp đôi viếng: **"Xe mây ông sắp đi xa nơi tục thế ghen lời vĩnh biệt/ Kiệu hạc bà vừa tới đón chốn tiên cung vui chữ trùng phùng"**.

Khi còn sống, nhà thơ Vũ Đình Ứng với tôi không chỉ là bạn thơ mà còn là bạn... rượu nữa. Mỗi khi gặp là lại nâng chén cùng nhau cho cảm hứng thơ thêm bay bổng đàm đạo cùng nhau về thơ văn về nhân tình thế thái thú vị lắm thay. Giờ đây bạn đã đi xa biết có ai đồng cảm đồng điệu tâm sự cùng. Và thế là tôi lại có cặp đôi nữa viếng bạn: **"Chén rượu tưới năm cỏ xanh tiền lão hữu xa nơi tục thế? Câu thơ gửi làn mây bạc theo thi nhân tới cõi tiên cung"**.

Ôi thôi! Một lần nữa xin vĩnh biệt bạn thơ Vũ Đình Ứng./.



HOÀI NIỆM THƯ TAY



MAI HOÀNG HANH

Có lần mẹ tôi kể, cách đây mấy chục năm, cha vào chiến trường miền Nam, mẹ ở lại hậu phương, hằng ngày bám ruộng đồng, nhà máy và phụng dưỡng cha mẹ già, chăm bẵm con nhỏ để cha yên tâm đánh giặc. Ngày ấy, ba mẹ chỉ có thể bày tỏ tình cảm qua những lá thư. Ngày nối ngày, niềm hạnh phúc của mẹ là ngóng đợi những lá thư của cha được gửi từ chiến trường gian khổ và ác liệt.

Vừa kể, mẹ vừa mở một lá thư cũ kỹ, bên ngoài là những nét chữ nắn nót: “Gửi em, cô gái hậu phương thương mến của anh!”. Thấy mẹ rung rung cảm động, đôi mắt ầng ậng nước, tôi bèn tự tay mở lá thư. Những dòng chữ từ từ hiện ra: “Em xa nhớ! Trong này, nơi hầm hào, công sự, mùi hương hoa dại chen lẫn mùi khói bom, đêm đêm anh mong ước ngọn gió phía em chở nụ cười tươi rói, ánh mắt sáng ngời, hương đồng ngan ngát, hương lúa dịu dàng vào miền Nam, để anh dang tay đón nhận chuỗi tình cảm đầm ấm, tha thiết, mặn nồng từ hậu phương. Những ngày xa

nhau, anh không thể chải tóc cho em, anh nhớ mái tóc dài suôn mượt quện hương bô kết. Em đừng buồn nhé, anh chỉ mong đất nước không còn bóng giặc để anh về đoàn tụ cùng gia đình, được tay ấp má kề với em trọn cuộc đời...”.

Tôi áp lá thư lên ngực, trái tim đập nhanh bất thường, lòng trào dâng cảm xúc. Theo thời gian, lá thư đã ngả màu, nhưng tình cảm ẩn trong đó sẽ mãi còn. Chiến tranh và tình yêu luôn đối lập nhau. Bên cạnh những hoang tàn của chiến tranh là ăm ắp khát khao nhưng nhớ của cha và mẹ dành cho nhau. Trong mịt mù khói lửa chiến tranh, tình yêu hậu phương phả ánh hào quang tràn đầy hy vọng vào nụ hôn xa vời vợi, giúp người lính bền gan, vững chí nơi tiền tuyến.

Tôi nhớ, hồi học trung học cơ sở, cứ đến lúc tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi, tôi và các bạn cùng lớp lại háo hức mong chờ những bức thư làm quen thông qua mục kết bạn trên các báo: Nhi đồng, Thiếu niên tiền phong, Phụ nữ... từ bạn bè trên mọi

miền Tổ quốc. Cảm xúc như vỡ òa khi cầm trên tay lá thư có đề tên mình. Những bức thư của bạn bè từ mọi miền đất nước chở đầy niềm vui thuở học trò và những câu chuyện sinh động về trường lớp, thầy cô, gia đình, người thân... giúp chúng tôi nối liền khoảng cách không gian địa lý, kết nối ngờ nghếch yêu thương tuổi hoa niên.

Rời ghế nhà trường, tạm gác ước mơ tới giảng đường đại học, tôi xung phong lên đường nhập ngũ. Thời đó, điện thoại còn hạn chế, những lúc rảnh rỗi, hoặc giờ nghỉ, ngày nghỉ, tôi ngồi cặm cụi viết thư gửi về cho gia đình, bạn bè, người thương. Có buổi, tôi viết lá thư dài bốn, năm trang giấy gửi người tôi thầm yêu, trộm nhớ. Mỗi lần gửi thư đi, trái tim tôi cứ hồi hộp, lâng

lâng khó tả! Những cánh thư tay là cầu nối tình cảm mãnh liệt, như nguồn động lực lớn giúp tôi vượt qua khó khăn, gian khổ, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Trong cuộc sống hiện đại, công nghệ số phát triển nhanh, các phương tiện thông tin liên lạc, mạng xã hội tiện lợi vô cùng, thay vì viết thư, chỉ cần soạn tin trên bàn phím và chỉ một cú click chuột, một lần enter, hay nhấn cái nút send là trò chuyện với nhau thoải mái. Những cuộc trò chuyện trên mạng xã hội có thể thu hồi trong tích tắc và rồi cũng trôi theo thời gian. Bởi vậy, chỉ có những bức thư tay dày đặc con chữ vẫn “đóng dấu” trong ký ức ngọt ngào của mỗi người...

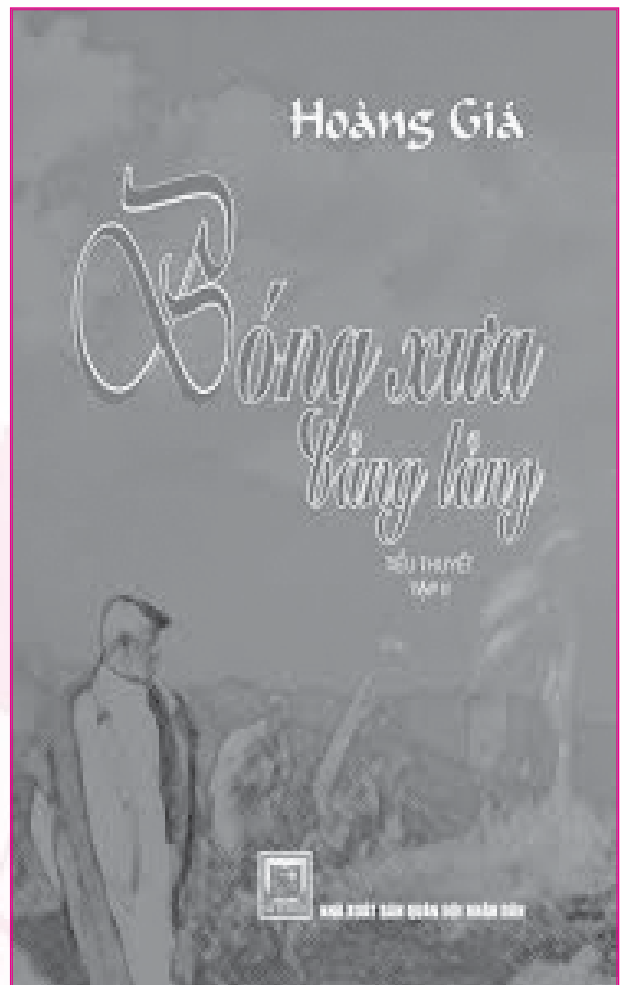


“BÓNG XƯA BẰNG LẰNG” KHÚC TỰ TÌNH CỦA LÍNH

ĐẶNG NGỌC LAN

Để tác phẩm có thể chạm vào trái tim của người đọc thì nhân vật trong tác phẩm nhiều khi phải thật hơn cả người thật trong cuộc đời. Tiểu thuyết **Bóng xưa bằng lẵng*** của nhà văn Hoàng Giá đã xây dựng được những nhân vật như thế. Năm 2021, tác phẩm này được Ủy ban toàn quốc Liên Hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam tặng giải B. Với gần 400 trang sách ngôn ngữ chất liệu của hiện thực nơi chiến trường khốc liệt và thực tế xã hội đầy biến cố cho đến thời kỳ đổi mới của đất nước.

Người lính ấy có một tuổi thơ thật bất hạnh. Người đọc xót xa cho cảnh một đứa trẻ mới hai tuổi đã mất bố. Chỉ thời gian ngắn sau đó mẹ nó lại chết vì bị đạn Tây bắn xỏ ruột. Thành bé phải hứng chịu bao cơ cực, đói khát; nhưng rất nghị lực, không chấp nhận là cái bóng của số phận, nó kiên trì vượt khó để học giỏi và trở thành một người lính đầy năng lực. Rất may, người lính ấy được nuôi dưỡng trong



gia tộc họ Hoàng có gốc gác từ làng Ngọc Bút, huyện Đô Lương mà 200 năm trước đã có người đỗ Trạng; giỏi chữ, giỏi võ, lại khí khái, thẳng ngay. Chưa đầy 20 tuổi, nhân vật “Gã” - đã nhập ngũ. Ra trận, Gã không chỉ mang trong mình truyền thống của một dân tộc anh hùng mà còn kế thừa khí phách của một dòng họ kiên cường không cúi đầu trước cái xấu và cái ác.

Từ Kinh Bắc, Gã đến với vùng đất Sơn La, ở đó Gã đã hoàn thành khóa huấn luyện và được chuyển về tiểu đoàn 26 thông tin của quân khu. Mùa xuân năm Giáp Thìn 1964, Gã lại được tiểu đoàn chọn xuống trường Hạ sĩ quan Bồ Ân học lớp trưởng đài 15 oát. Khi Gã chuẩn bị lễ tốt nghiệp thì Mỹ bắn phá khốc liệt ở miền Bắc. Rồi Gã cùng đơn vị được lệnh đi B. Tới Gia Lai, gã đã mưu trí lợi dụng những dây rừng leo trên đá để rải ăng ten khiến địch không thể phát hiện, nhờ đó mà giữ vững liên lạc với trung tâm. Với Gã, đó “không phải là chuyện sống chết, vấn đề là có hoàn thành nhiệm vụ hay không”? Người lính đã đặt quyền lợi của Tổ quốc cao hơn mạng sống của mình. Cũng như khi còn ở Bắc, trước hành động ngang ngược của quân Trung Quốc khi họ sang lán của bộ đội Việt Nam quấy rối, thay vật dụng mang nhãn hiệu Liên Xô bằng nhãn hàng Trung Quốc, Gã đã nhảy tới và “hai cú bạt phong liên tiếp đã làm hai kẻ xác láo kia ngã gục”. Ra tay trừng trị chúng bởi Gã hiểu rằng “giặc phương Bắc thời nào cũng xâm chiếm nước ta, muốn biến nước ta thành quận huyện, thủ đoạn vô cùng tàn độc”.

Câu chuyện càng trở nên hấp dẫn, người đọc cũng hiểu thêm về nhiều vị trí công tác trong môi trường quân đội khi ở Nha Trang, với cái tên mới Lý A Thào, Gã đóng vai chàng thư ký cho chú Nghĩa - phó bí thư tỉnh ủy, trong vai ông chủ. Hai chú cháu đã cùng tổ điệp báo hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Không may, do có kẻ phản bội, đoàn xe của chú Nghĩa trên đường đi Đà Lạt đã bị giặc phục kích, chú Nghĩa bị bắt. Gã vì quên ví, trở lại đi xe sau nên thoát nạn. Tuy nhiên, phải rất gian nan Gã mới tìm về được đơn vị cũ K90 đặc công của tỉnh đội Khánh Hòa.

Chúng ta khâm phục những người lính cụ Hồ - họ thật bản lĩnh và dũng cảm. Truyện kể, khi làm nhiệm vụ ở tổ trinh sát, do là người nội lực thâm hậu, chiêu thức biến hóa, võ công có hạng, Gã đã cùng tổ trinh sát trải qua 10 đêm tiếp cận để nắm kỹ đặc điểm của sân bay Nha Trang, một công việc vô cùng nguy hiểm. Họ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đến trưa 29/01/1968, cả đại đội hùng dũng xuống núi, về với đồng bằng, về với hòa bình. Lần ấy, quân ta đã chiếm được tỉnh đường Khánh Hòa một cách nhanh chóng. Nhưng vì lực lượng của ta quá mỏng, vũ khí có hạn nên sáng mùng 3 Tết, địch huy động lực lượng rất mạnh, có đủ không quân, pháo binh tấn công tái chiếm, các chiến sĩ của ta đã lần lượt hy sinh... Lúc chỉ còn một mình, người lính trẻ ấy nhờ vận dụng kiến thức văn học và sự quan sát tinh tế nên đã may mắn thoát chết.

Hình tượng người lính trong tác phẩm còn mang vẻ đẹp rất nhân bản. Đan xen

với không khí của trận chiến khốc liệt, nhà văn Hoàng Giá kể những câu chuyện tình yêu của Gã, vừa để giảm bớt căng thẳng của cuộc chiến vừa muốn khẳng định: Đạn bom khốc liệt không thể dập tắt khát vọng hạnh phúc của tuổi trẻ! Tình yêu của anh lính trong truyện cũng đủ mọi cung bậc: yêu thương, nhớ nhung, giận hờn, ghen tuông... Gã có những tình cảm chỉ thoáng qua như với Hà, Mơ, Yến... Gã còn có mối tình sâu đậm với Lò Thị Ánh - cô gái Thái quê Mộc Châu. Những lá thư của Ánh “đã bơm cho gã những năng lượng kỳ diệu” trong cuộc chiến đấu gian nan. Dầu có lúc họ hiểu lầm nhau nhưng tình yêu mãnh liệt đến mức Ánh viết đơn xin đi B vào Nha Trang để tìm Gã. Đám cưới đã diễn ra tại đơn vị. Tuy nhiên, hạnh phúc chưa được bao lâu thì Ánh đã anh dũng hi sinh khi kẻ thù tấn công trạm xá nơi cô làm việc. Thật đau xót! Điều đáng trân trọng là tình yêu của người lính luôn gắn với lý tưởng. Giữa lí trí và cảm xúc luôn có mối quan hệ hài hòa. Sau này khi cưới Lê làm vợ, Gã nhất mực yêu thương vợ con, là một người chồng, người cha mẫu mực.

Bởi là khúc tự tình của người lính, tác phẩm cũng nói rất thật mọi cung bậc buồn vui trong tâm hồn Gã. “Hơn mười tám năm trong quân ngũ, ba lần bị quản thúc, một lần nguyện vọng chính đáng bị từ chối, một lần nhầm thành phần, một lần bị cấp trên quy chụp, hai lần bị giữ lại quân hàm...”. Trước sau là một người trung thực, luôn trung thành với lý tưởng Cách mạng nhưng Gã phải gánh chịu những thiệt thòi. Trong chiến đấu, có lúc cấp trên nghi

ngờ Gã do hoàn cảnh khách quan, do cần tặc vô ý này. Ví như lần bị giặc phục kích ở đèo Ngoạn mục, tại sao chú Nghĩa và cả tổ điệp báo bị bắt mà Gã lại thoát thân? Năm 1968, khi địch tái chiếm tỉnh đường Nha Trang, đồng đội hy sinh cả, vì sao Gã lại thoát chết trở về? Đặc biệt là lần Gã bị nghi ngờ liên quan tới “bức điện tối khẩn”, không truyền đi mệnh lệnh của quân khu khiến “Ba ngày sau, cả quân khu đồng loạt nổ súng. Riêng Khánh Hòa án binh bất động”. Trong cuộc sống và trong chiến đấu, có những điều người ta không muốn nhưng nó cứ xảy ra và gây nỗi bất hạnh cho con người. Gã đã bị viết kiểm điểm, bị quản thúc ba lần, mỗi lần ba tháng. Thật oan ức! Tuy nhiên, thực tế, cuộc sống có thể xô ngã bạn nhưng đứng lên hay không là quyền của bạn! Hơn nữa, cây ngay không sợ chết đứng, lần nào Gã cũng được minh oan để mãi là một người lính kiên trung! Rồi khi đất nước thống nhất, nguyện vọng xin chuyển ngành về huyện của Gã không được Ban chỉ huy Đoàn 253 chấp nhận vì “gã còn đủ sức khỏe, còn năng lực phục vụ trong quân đội”.

Người lính ấy lại chấp hành nghiêm túc mệnh lệnh của cấp trên, 47 ngày sau khi non sông liền một dải, anh về Đoàn 776 làm quản giáo của trại giam số 8. Đó là nhiệm vụ quản lý, giáo dục, cải tạo những sĩ quan từ cấp đại úy trở lên của quân đội Sài Gòn. Ở môi trường mới, Gã đã xử lý nhanh gọn vụ án những cựu sĩ quan Việt Nam Cộng hòa muốn làm phản. Rõ ràng, việc chiến đấu giành độc lập đã rất khó khăn, phải gìn giữ nền độc lập cũng gian nan không kém.

Chúng ta cũng rất trân trọng tinh thần sống vị tha của những người lính cụ Hồ. Khi Bộ chỉ huy quân khu điều động Gã từ nơi khi ho cò gáy của trại giam lên ban chính trị, “về nơi an nhàn hơn, an toàn hơn nhưng ... (Gã nghĩ). Đồ cái khó cho người khác, Gã thấy có cái gì bất nhân lắm”. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người ta phải biết sống, biết nghĩ cho người khác - đó là phẩm chất cần thiết và quý báu. Tác phẩm còn kể rằng, vào năm 1978, tình hình biên giới phía Bắc căng thẳng, phía Tây Nam thì bọn Pôn Pốt bạo tàn. Sau kỳ nghỉ Tết, Gã từ già vợ con lên quân khu, cùng đoàn cán bộ đi khảo sát biên giới. Chỉ sau mấy ngày, khi hai dàn BM-21 của ta khai hỏa, phía đối phương đã rút quân vào ngày 5/3/1979.

Câu chuyện về người lính tài năng này còn tiếp tục hấp dẫn người đọc khi anh được chuyển về làm trợ lý cán bộ; khi anh quyết định ra quân vì sức khỏe không cho phép bởi những cơn sốt rét ác tính. Và khi đã trở về với đời thường, vẫn nhiệt tâm đóng góp công sức vào sự phát triển của cộng đồng, anh làm tuyên huấn của hội Cựu chiến binh xã. Tính cách vẫn khảng khái, vẫn luôn quan tâm đến người khác. Thực tế, nhờ có những người chấp nhận làm công việc “vác tù và hàng tổng”, biết hy sinh thời gian, công sức cho việc chung thì xã hội mới bình yên và phát triển. Đáng quý là khi làm tổ trưởng tổ Đảng kiêm trưởng xóm, anh đã trăn trở, tìm mọi cách để giúp người trong xóm chuyển đổi từ đất trồng màu sang làm gạch, sản xuất vật liệu khiến cuộc sống của người dân khá lên rất nhiều. Không chịu sống vô ích, khép lại

tác phẩm, người lính ấy đã nỗ lực trở thành một nhà văn có tác phẩm đăng trên các báo và tạp chí.

Bóng xưa bằng lăng đầu chỉ kể chuyện về một cuộc đời, là “tự tình” của một người lính nhưng lại là “tự tình” của rất nhiều người lính bởi đã tái hiện được cả một giai đoạn lịch sử đau thương nhưng anh dũng của dân tộc. Đây cũng là sự minh chứng cho quan điểm văn học phải gắn với hiện thực, đồng hành với lịch sử; ngòi bút trở thành vũ khí chiến đấu. Tác phẩm còn thể hiện một sự trải nghiệm thật sâu trong đời sống quân đội; một ngòi bút có vốn hiểu biết phong phú về nhiều lãnh vực: lịch sử, địa lý, văn hóa, quân sự, võ thuật, văn học, âm nhạc... Cách kể chuyện hóm hỉnh, hấp dẫn; tả cảnh đậm chất thơ. Giọng điệu phong phú, lúc hùng hồn, sôi nổi, mạnh mẽ; lúc lại mềm mại, ngọt ngào, lắng sâu... Trên hết, tác phẩm chính là khúc tâm tình về cuộc đời người lính được tái hiện rất thực và sinh động. Thú vị hơn, mỗi khi người lính ấy làm việc gì, anh đều “chìm vào những giấc mơ. Giấc mơ nào cũng có những người đã khuất” luôn định hướng để anh hành động đúng. “Bóng xưa” lúc nào cũng “bằng lăng” để chờ che, cứu giúp anh.

Bóng xưa bằng lăng là một tác phẩm có giá trị để hướng độc giả sống theo lẽ phải của đạo lý dân tộc, của lẽ sống làm người./.

(*) *Bóng xưa bằng lăng - Tiểu thuyết 2 tập của nhà văn Hoàng Giá, NXB Quân đội Nhân dân ấn hành năm 2021.*



BÊN MƯA



NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG

Bình đứng trên con dốc cao nhìn xuống. Nước sông đang lừ lừ dâng lên sát chân ngôi đền cổ. Rặng cây bồ đề đã ngập toàn bộ phần gốc trong nước. Mặt sông rộng ra rất nhiều. Bình nhìn không chớp mắt vào hàng chục công nước nhỏ đang đổ ra sông từ cánh đồng và khu dân cư. Chỗ nào là cánh đồng, nước đục màu đất. Chỗ nào khu dân cư phố thị thì nước màu đen xám. Thoang thoảng mùi nước cống đặc trưng của chôn thị thành. Trên kia, cầu vòng bảy sắc bắc ngang trời. Những tia chớp nhỏ lóe lên rồi vụt tắt. Mây đen từng chùm trôi qua đầu. Bình như nhìn thấy làng mình thủa trước vừa lướt qua trước mặt như một cuốn phim màu. Mặt sông là tấm thảm dập dềnh, nơi chứa bao niềm vui và cả những nỗi đau lẫn khuất của đời Bình. Chỉ nhắm mắt lại, dang tay lên, bay xuống, là có thể đã tan vào lòng sông mát lạnh. Nhưng chưa bao giờ Bình rơi xuống, dù có lúc đã chạm đáy

của tuyệt vọng. Rất nhiều cái đầu đi đường ngoài lại nhìn Bình như thể nhìn một người điên. Chắc là điên mới đứng hàng giờ nhìn ngắm đất trời, sông nước, rồi lặng thinh, ngẩn ngơ như vậy. Anh không quan tâm điều đó, anh cũng quên mình đã sắp năm mươi tuổi, đâu còn trẻ trai mà mơ mộng. Dòng sông dâng nước cuộn cuộn trong ký ức Bình, dâng mãi, dâng mãi, nhấn chìm bao năm tháng đã qua. Bên kia sông, hoa phượng cháy lên quàng lửa đỏ rực, rợp một khoảng nhớ thương.

Thuở ấy, cái làng nghèo xác xơ. Bố Bình quê gốc ở đâu chẳng rõ, mẹ mãi trên miền ngược, đưa đàn con bảy đứa dạt về làng. Đói khổ, cơm sắn cũng không đủ. Cậu bé Bình còi cọc, đen nhẻm đi mò cua bắt ốc tối ngày, nhiều hôm ăn vôi bát cơm nguội độn sắn mốc rồi đi ngủ. Đêm không có điện tối thui. Tiếng nước óc óc chảy ngay đầu hồi nhà. Hình như nước phụt ra từ cái rễ cây. Hai anh em ôm nhau nằm

trên cái giường chuồng bèo cũ lắng nghe. Thằng Hải ngay dưới Bình thì thầm, "anh bảo mấy tổ chim ngoài soi Duối có bị ngập không? Lũ chim nhỡ chết thì sao? Hay giờ mình ra đẩy đi". Bình cũng đang nghĩ đến mấy tổ chim trong bụi duối, nhưng ra đây giờ này thì không, sợ lắm.

Soi Duối là bãi cát nổi cao sát bờ sông, trên đó mọc toàn duối lá xanh kít. Mùa hè duối chín vàng hươm ăn thơm ngọt. Quả duối y như những giọt ngọc treo trên cây. Gần soi, có cái mộ hoang, ngày càng đùn to. Người ta đồn là có ma chúa ở đó, hay dọa trẻ con. Nghe đã sợ. Bình trấn an em, "chắc không sao đâu". "Cái điếm cô Ngọng ở có bị trôi đi không anh nhỉ? Em thấy lúc mưa có sét. Hay cô Ngọng chết rồi. Hải thì thào lo lắng". Cô Ngọng ư? Bình chợt nhớ ra, hình như, người ta đã lãng quên cô lâu lắm rồi thì phải, có thằng Hải trẻ con vẫn chiều chiều qua chỗ cô mà thôi. Mẹ đi từ buổi ra nói vọng vào giường: "hai thằng ngủ đi mai dậy sớm đi mò khoai về cho mẹ, mưa gió này chắc ngập hết thôi".

Bình mơ mình bay trên đám cải vàng hôm ấy. Cô Ngọng trần như nhộng tắm dưới bến sông, rồi cơ thể cô quần lấy anh chủ thuyền cát. Bình chạy một mạch về làng, hốt hải, sợ hãi. Mẹ Bình lắc đầu, "đàn bà dại khờ khở thế". Cô Ngọng đã mất hết cha mẹ, có một người em gái cũng lấy chồng xa, họ hàng không cru mang được. Cô sống một mình trong cái điếm canh đê nhỏ xíu của làng. Hàng ngày cô đi mò trai hén ngoài sông và làm thuê cho xóm chợ. Ai thuê gì làm nấy. Cô phốp

pháp khỏe mạnh, nhưng nói ngọng lú lờ, tính tình ngây ngốc, người quen mới hiểu cô nói gì. Cô Ngọng sinh em bé trong đêm cuối năm rét mướt. Tiếng gào thét vang một quãng đê. Những người đàn bà trong làng chạy rầm rập mang quần áo, tã lót, đồ dùng, thau chậu chạy ra. Bình được mẹ dặn mang cho cô Ngọng ba bấp ngô luộc. Đói có ngô là tốt rồi. Có chiều, Bình đi kiếm củi về qua điếm canh, cô Ngọng ngồi cho con bú bên bậu cửa, lú lờ hát một vài câu gì đó, không thể dịch nghĩa. Cô Ngọng vẫy tay lia lịa. Bình lại gần, cô chỉ xuống dòng sông, ý hỏi về cái thuyền cát ngày nào. Bình chịu, lắc đầu, làm sao Bình biết được cái thuyền ấy đã đi đâu, về đâu. Nhất là người đàn ông trên thuyền. Khuôn mặt cô Ngọng đang ngập tràn hạnh phúc bỗng như lá héo, tái đi. Cô Ngọng đưa cho Bình một bát cơm trắng với cà muối. Lần đầu tiên sau nhiều năm Bình được ăn cơm không độn. Bình kể với mẹ, mẹ thờ dài. Có một niềm thương cảm trào dâng trong lòng Bình, cứ vài hôm, Bình lại đi qua chỗ cô Ngọng ở, nhìn xem mẹ con cô có ổn không. Bình nhớ buổi chiều đi ngang bãi sắn, cô Ngọng cười như điên dưới bờ sông, xóc xóc rổ hén đây, rồi cô bỗng méo mặt, hét lên khi trên tay mình là cái sọ người bám đầy rêu. Chắc ai đó đã ở dưới đáy sông nhiều năm. Cô Ngọng và vài người mang đi chôn cất trong soi Duối. Ngôi mộ ấy ngày một đùn cao cùng bao lời đồn kỳ dị. Chiều nọ, người làng xô cả ra trước tiếng gào khóc thê thảm của cô. Ai đó đã đến dụ cô bán con đi, để lại cho cô Ngọng

vài bao gạo và một năm tiền. Cô Ngọng ôm ngực khóc, tiếng khóc như đá tảng hục hục lăn xuống lòng sông. Mọi người hỏi han, an ủi một hồi rồi cũng về. Không ai có cách nào giữ con cho cô hay đi tìm con về cho cô được. Bình đứng khóc bên đám cây đại gần đó. Khuôn mặt cô Ngọng tím bầm. Mẹ kể, sau trận ốm thập tử nhất sinh, cô Ngọng đã không thể làm mẹ thêm lần nào nữa.

Hai anh em mò hết ruộng khoai, chắt lên thuyền chèo về. Lũ kiến chạy lượm bám

kin trên những lùm cây cao. Nước tràn mênh mông quanh làng. Mây tổ chim tuy không bị ngập nhưng ướt sũng. Hải đã mang lũ chim non về nuôi. Hè ấy, Bình quyết đi tàu ngược miền núi kiếm củi rừng, xuôi về thị xã bán lấy tiền. Có đêm, ngủ trên tàu, trốn vé, cạnh bó củi to tướng. Rét cóng. Tàu xóc. Bình bị rơi khỏi tàu lúc nào không rõ. Tỉnh lại, Bình nằm trên tấm giường trắng toát của trạm y tế quân đội. Các anh chiến sĩ đi tuần tra đã tìm thấy Bình bị thương trên đường ray. Được chăm



sóc, được ăn cơm đầy đủ, một tuần Bình như lớn ra bao nhiêu. Lần thứ hai trong đời Bình được ăn cơm trắng. Bình mặc bộ quần áo mới các anh chiến sĩ cho rồi lên tàu về nhà. Nhà nghèo đông con, chẳng ai đi tìm Bình. Mẹ hỏi, “củi đâu, có kiếm được đồng nào không?” Bình kể lại tai nạn, mẹ ôm Bình một cái rồi bận việc. Thằng Hải chạy từ bờ sông về đòi quà. Bình đưa cho em nửa cái bánh mì giấu trong áo. Các anh lớn đã đi làm thuê. Bình ở nhà vài hôm rồi xin đi làm thuê cho thuyền cát dưới sông. Vợ ông chủ thuyền vốn là cô giáo đã tiếp chuyện Bình. Bà hỏi han quê quán, gia cảnh, cho Bình bộ quần áo mới và mời Bình ăn bữa cơm trên đất liền với cả gia đình. Cơm trắng với cá kho, bữa cơm sang trọng nhất suốt tuổi thơ Bình. Bụng bát cơm lên mà chàng trai xúc động nước mắt vòng quanh. Những ngày tháng thanh niên trẻ trung nhất Bình dầm mưa dãi nắng theo thuyền đi khắp nơi hút cát, lúc thuyền làm thì xúc cát vào thuyền, lúc thuyền im thì lên bờ dùng dây tời khoác qua vai kéo thuyền di chuyển. Khi thuyền qua bên cát thì xúc cát cho người mua gánh từ thuyền lên bờ. Nhiều hôm Bình nằm ngắm sao trên mũi thuyền và nghĩ, không biết người đàn ông đã có con với cô Ngọng là ai. Có hôm về qua đê làng, thấy cô Ngọng đang ngồi dỡ thặng Hải, “on ai ủa ẹ, on ăn ều ào” (con trai của mẹ, con ăn nhiều vào). Bình thấy chạnh lòng. Hải thương cô Ngọng hay kiếm củi giúp cô, cô có gì lại cho nó ăn, nghĩ nó là con mình.

Một mình trông thuyền, nhất là hôm nào mưa, mặt sông mù mịt, Bình thấy tái tê buồn. Cả tháng làm quần quật, tiền chẳng

có là bao. Có hôm anh tự thốt lên “Chúa ơi, có ai cơ cực và cô đơn như con không”? Rồi trong mơ hồ, anh nghe có ai đó đáp lời, “có ta đây, ta luôn ở bên con”. Bình luôn tin có một đấng linh thiêng nào đó đã dìu mình đi quan gian khổ. Bình gặp được cô gái xóm chài cao ráo xinh đẹp, hai người thành vợ thành chồng. Chị ngày ngày đi bán cá. Anh nghỉ thuyền làm đủ thứ nghề kiếm sống, nuôi con. Lòng không còn trống trải tủi cực vì đã có vợ con. Hải đã đi bộ đội. Cô Ngọng đã thành bà già, không còn ở điểm canh đê nữa. Bà Ngọng dường như đã đi làm công quả cho một ngôi chùa nào đó dưới hạ nguồn sông.

Sau khi mẹ mất, Bình trở thành thầy lang bốc thuốc, theo nghề cụ ngoại rồi đưa vợ con đi xa làng, đến một thành phố nhỏ. Vợ chạy chợ buôn bán vật, Bình đi khắp nơi tìm cây thuốc. Hai con trai của anh đã lớn lên từ tuổi thơ đủ đầy, hạnh phúc hơn bố mình. Những chuyến xa nhà luôn khiến anh day dứt nhớ cái làng nghèo xưa cũ với bên sông, bờ đê, điểm cô Ngọng và cả một tuổi thơ cơ cực.

“Hết mưa rồi đấy bố nhỉ, nước to thế?” - chàng trai chừng hai mươi tuổi bước đến nói với người đàn ông. Bình sực tỉnh, mình đã đứng trên bờ này bao lâu nhỉ. Cả một vũ trụ nhân gian biến ảo vừa trôi qua mặt sông. “Ngày xưa, chỗ này là làng cũ đấy con”. Giọng người cha nghèn nghẹn. Người con giục bố lên xe đê về. Người bố ngoái lại nhìn cái bên mưa ban nãy. Hoa phượng như chực bứt ra, rắc thành thảm chói ngời trên cỏ...

Ngồi giữa

TRĂNG QUÊ

NGUYỄN THỊ NGỌC LINH

Tôi trở về quê vào một ngày mùa hạ nắng nóng như nung. Đúng hôm mất điện, giữa ngày rằm ánh trăng tỏa sáng vàng vạc lung linh dát vàng lên những tầng lá cao. Bố nhắc cái chõng tre ra đặt cạnh mé sân còn mẹ thì lôi tấm chiếu cũ, tay chân quỳnh quáng lật bên này trở bên kia để cho các con có chỗ ngồi hóng gió. Ánh trăng sáng quá! Tôi nằm xuống chiếu ngửa mặt lên trời nhìn vàng trắng sáng tỏ, một cảm xúc vừa lạ lẫn lại vừa thân thuộc, chẳng biết diễn tả cảm xúc như thế nào cho trọn vẹn.

Tính ra thời gian tôi xa quê cũng ngọt ghét gần hai thập kỷ. Chừng ấy năm thi thoảng tôi mới về lại quê nhà thăm ba bạn và gặp đúng ánh trăng quê. Ở thành phố, đèn điện sáng trưng nên tôi cũng như nhiều người đã quên đi sự hiển diện của ánh trăng. Và thật lạ bây giờ giữa ánh trăng quê mà tôi lại nhớ trăng đến da diết. Ký ức thốt nhiên dẫn tôi về cái thời xa lắc. Đó là những ngày hè dịu êm, ánh trăng sáng tỏ trên bầu trời quê rộng lớn. Con đường làng vốn dĩ bình yên nhưng cứ hễ những hôm có trăng lại nhộn nhịp vô cùng. Từng bước

chân thậm thịch, những nụ cười giòn rụn rã của trẻ con trong làng í ới gọi nhau ra nhà văn hóa của thôn để chơi. Trăng soi rọi từng khuôn mặt ngây thơ, chúng kiến bao nhiêu trò chơi dân gian, những câu đồng dao trong trẻo...

Những năm đầu của thập niên 90 quê tôi vẫn chưa có điện nên mọi canh tác, hoạt động chủ yếu dùng bằng sức người. Còn nhớ mùa gặt lúa chất đầy sân. Tận dụng ánh trăng, ăn cơm xong nhà nào nhà nấy huy động nhân lực và bắt đầu trực lúa. Công việc trực lúa thật vất vả làm sao. Dụng cụ để trực lúa là một khối đá hình trụ đục sẵn trước mùa lúa được gắn vào khung bằng gỗ, bên trên buộc dây thừng, chỗ tiếp xúc với vai người kéo còn được đệm bông hoặc vải. Đàn ông, thanh niên trai tráng thường đảm nhận nhiệm vụ kéo trực. Còn phụ nữ chân yếu tay mềm thì dùng gậy chông vào những lỗ đục sẵn trên khung gỗ đẩy phía sau. Hoặc từ dây thừng của người kéo chính, nối thêm một vài dây nữa để kéo phụ. Cứ thế đi vòng quanh sân cho đến khi hạt thóc rụng hết. Sau khi thóc rụng hết hai chị em tôi có nhiệm vụ lấy cào



chuyên dụng xới lên, vun rom về một chỗ. Tôi đợi khoảnh khắc lúa được trực xong, vun rom thành đống rồi “trở tài làm xiếc” lăn qua lăn lại trên đó. Chỉ có vậy thôi mà tôi chơi mãi không biết chán.

Những ngày nông nhàn hơn thì cả nhà quây quần bên nhau. Mẹ lọ mọ luộc một nồi khoai to đùng, bố hầm ấm chè xanh gọi hàng xóm qua chung vui. Trong câu chuyện của người dân luôn có bóng dáng của cây lúa, của những giọt mồ hôi và cả những ước mơ xa xôi chuyện con cái học hành, thoát khỏi lũy tre làng. Bố mẹ kể chuyện ngày xưa ngày xưa, cái thời túng thiếu vô cùng, những đêm trăng sáng không được nghỉ ngơi mà còn tranh thủ

đi bắt cua đồng, thả tróm lươn, tát cá. Và cả những lần gò lưng tát nước cho lúa đến “sụm” cả lưng. Cứ thế ánh trăng chứng kiến bao nhiêu thăng trầm của gia đình, làng quê...

Mùa trăng của những năm tháng thiếu thời, của tôi, của những đứa bạn tóc vàng hoe quê nghèo hẳn sâu thẳm trong ký ức là những kỷ niệm thật đẹp. Ngồi giữa trăng quê tôi thấy lòng mình như lắng lại, yên bình như thể chưa bao giờ yên bình như thế. Như một ngọn đuốc cháy mãi không tắt, ánh trăng đã rọi soi vào tâm hồn tôi những vệt sáng dẫn lối cho tôi vững chãi hơn mà bước vào đời./.

Đoàn rước hài cốt liệt sỹ từ làng Cao Thọ về nghĩa trang liệt sỹ xã, được tổ chức hoành tráng. Đi đầu là đoàn quân nhạc, nghe đâu thằng cháu trưởng dòng họ Phan đi thuê tận bên Tiên Lãng - Hải Phòng về phục vụ. Đội hình mười hai đồng chí cựu chiến binh quân phục chỉnh tề, tay ôm súng giương lê sáng quắc, chân giầy da nện xuống mặt đường nhựa thi thoảng lại bị lỗi bởi dàn kèn đồng và đội bát âm thối không đúng nhạc điệu. Khắc phục cái lỗi ấy, Đội trưởng đội tiêu binh có sáng kiến - Cả đội hình vừa đi vừa hát:

“Vùng đông đã hừng sáng núi non xanh ngàn trùng xa ...”

Thật khôn khổ cho linh hồn chị Thức được lèn chặt bằng giấy bản và vàng mã trong cái tiểu sành đặt trong cỗ quách bằng gỗ vàng tâm. Phủ trên cỗ quách ấy, nghĩa là trùm lên thân thể chị là lá cờ Tổ quốc. Trên đường đi lúc ngã khi nghiêng vì bánh xe xô lệch theo lệnh trống và nhịp phách của đội kèn bát âm. Đến nghĩa trang, sau khi yên vị chị lại phải nghe, phải cảm thụ lời dẫn óng mượt của ông Chủ tịch Ủy ban xã và lời điệu thống thiết của đồng chí Bí thư Đảng ủy xã. Chị lộng óc vảng tai bởi

Chị Thức

ĐỖ ĐÌNH THANH

mấy từ kính thưa kính gửi, không hiểu sao nó lại nhiều và dài đến vậy. Lờ lẽ thì nuốt nà, bóng bẩy nhưng chị lại không hiểu. Chị không hiểu bởi chị chỉ là người đi ở đợ, có được học hành gì đâu mà họ bắt chị phải tiêu hóa một mớ ngôn từ bậc đại học. Tác giả của mớ ngôn từ ấy nghe đâu cũng có bằng đại học luật tại chức. Ban đầu, phần tiểu sử chị nghe còn hiểu. Nhà nghèo phải

đi ở đợ, tảo tần vất vả cùng mẹ nuôi các em thì đúng rồi. Song một mớ ngôn từ như gan dạ, trung kiên, kiên cường với bất khuất chị hiểu làm sao nổi. Hôm qua chị được trân trọng thỉnh mời về, lời thỉnh mời thông qua một thầy pháp cao tay mà gia đình ông chủ cũ thuê mượn. Thực chất là chị bị triệu, gọi phải rời khỏi nơi mà hơn sáu mươi năm chị được yên ấm cùng mẹ

chị để trở lại gia đình ông chủ cũ. Cái gia đình mà khi còn sống, vì miếng cơm manh áo bắt buộc chị phải qua lại. Lần đầu tiên chị được cung thỉnh bằng lời lẽ trân quý, được thưởng thức những bữa ăn đôn dập, toàn sơn hào hải vị mà cả đời chị chưa được thưởng thức bao giờ. Hôm nay chị lại được cung rước về nhận một căn hộ nằm trong khu chung cư trang nghiêm có người gác cổng. Khu chung cư có kỳ đài và kỳ đài ấy luôn luôn nghi ngút hương nhang. Ngôi nhà họ chuẩn bị cho chị, cũng có gắn một ngôi sao như bao ngôi nhà khác. Chị lạ lắm, chị ngỡ ngác, xung quanh toàn là những người thân quen bởi đa phần họ với chị là người cùng làng cùng xã. Chỉ có khác số đông họ mang quân phục và gọi nhau bằng đồng chí. Kia rồi, ba anh du kích chết cùng chị đầu xuân năm 1948 ở bãi Mả Thau cũng có mặt.

Anh Trần, người có cái dáng nhanh nhẹn xốc vác nhất trong ba người đến bên xoa đầu chị:

- Đến đây làm gì hả Nhóc? Mà sao họ lại gọi Nhóc là đồng chí. Đi chỗ khác chơi đi, chỗ này không phải là chỗ đánh bài Tam cúc Nhóc ạ!

Quay lại nhìn kỹ căn hộ mà những người trên kia bảo là cho chị. Ở hay... sao lại là Liệt sỹ Đỗ Thị Thức? Chị họ Trịnh cơ mà. Thôi chết rồi, họ nhầm chị với ai đó bên họ Đỗ trong làng.

Đoàng, đoàng, đoàng.

Ba phát súng CKC hướng lên trời nổ vang, tiếng súng báo hiệu kết thúc buổi lễ

quy tập hài cốt liệt sỹ. Giật bản mình, chị ngồi thụp xuống, trong đầu thoáng hiện lên cái nòng súng Mút cơ tông của ông tây người Pháp, tóc đỏ hoe, râu đen nhánh hướng vào chị mà xiết cò. Hoảng hốt chị vùng lên, hướng ra đường cái chạy thực mạng về bên mẹ chị.

* *

*

Sau buổi lễ truy điệu và tổ chức quy tập hài cốt liệt sỹ, Ủy ban nhân dân xã tổ chức rút kinh nghiệm. Trước khi vào hội trường, Chủ tịch Phong đảo qua phòng Đắp, nhân viên phụ trách công tác Thương binh xã hội nhắc nhở:

- Chuẩn bị kỹ các văn bản giải trình sự việc với Hội đồng chính sách. Sao liệt sỹ lại là họ Đỗ mà không phải họ Trịnh? Làm ăn tắc trách như thế, có ngày ra tòa cả lũ. May là cánh họ Trịnh làng Ngũ Phúc nó hiền và chưa có ý kiến chính thức. Nó mà đâm đơn kiện thì đừng có nghĩ đến việc: Ngôi đó mà rút kinh nghiệm.

- Báo cáo anh, hôm qua chúng em đã đến tận nhà ông Bình để dàn xếp, sự việc cũng gọn gọn rồi ạ.

- Gọn, thế mà gọn à, còn cái bia ở nghĩa trang thì sao?

- Dạ thưa anh, sau khi thống nhất được hai bên gia đình, em đã cùng với cánh thợ đá chỉnh sửa rồi.

- Sửa... Sửa là sửa thế nào? Thay hẳn cái khác đi. Còn hồ sơ nữa, đúng tên sai họ có sửa được không? Bảo thợ làm bia, nó làm đúng như cũ. Ghi thêm một hàng phía

dưới: Tức Trịnh Thị Thức, đóng mở trong ngoặc kép. Bớt cái giả đại ăn người ấy đi ông ạ.

Nói rồi Chủ tịch Phong đi về phía hội trường. Thở phào nhẹ nhõm, ném xéo cái nhìn theo bóng Chủ tịch Phong, Đắp bầm bụng thăm công nhận: Mẹ cha nó chứ, đúng là cáo già thành tinh. Cái vụ này hẳn ăn quá nửa, mình được đéch bao nhiêu mà nó lại còn lên mặt dạy đời. Mà phải công nhận hẳn thông minh thật. Đính chính trong ngoặc kép, Tào Tháo thật. Mẹ kiếp, có vậy mà mình không nghĩ ra.

* *
*

Đỗ Thị Thức tức Trịnh Thị Thức. Cái cô bé năm xưa cả đời đi ở đợ, nay được dựng dậy và suy tôn thành liệt sỹ, bắt nguồn từ một cuộc chén thù chén tạc giữa Đắp với Tiên trong ngày ký nhật cụ cố Hồng. Ông Hương, bố vợ của Đắp nguyên mẫu một công tử làng quê thời mạt vận. Sinh ra trong một gia đình có tiếng là lắm ruộng nhiều vườn, kẻ ăn người ở đông nhất nhì hàng tổng. Trải qua cái thời cải cách ruộng đất năm 1956, gia đình cụ cố Hồng bỗng dung trắng tay. Tài sản mấy đời tích góp bỗng nhiên mất trắng. Bản thân cụ cố Hồng thì nay bị đem đi đấu tố, mai họ lại dọa mang ra xét xử. Úc uất quá, cụ đã phải nhờ đến chiếc thùng đay chằm dứt cuộc đời mình. Ông Hương khi ấy mới chột lớn đã phải lắt lay khi ra, lúc vào cái gọi là hợp tác xã nông nghiệp. Xong dù sao ông cũng được ăn học chu đáo nên đủ

tài trí luôn lách lòng người và thời cuộc để tồn tại. Nhờ cái vụ tai nạn gãy giống chân trong lúc lao động trên công trường thủy lợi Đại Quảng Bình mà ông thành người tàn tật. Thọt một chân, không may cho riêng ông nhưng lại là đại phúc cho cả gia đình. Ông tàn tật, hiển nhiên ông không phải tòng quân lên đường vượt Trường Sơn đi đánh Mỹ cứu nước. Ở hậu phương, ông là số ít người có học vấn, ông được địa phương trưng dụng vào đội ngũ những người giúp việc cấp xã. Từ chân thư ký đội sản xuất, từng bước ông cũng leo lên đến cái chức Kế toán trưởng của Hợp tác xã nông nghiệp. Kết thúc công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, không phải là đảng viên nhưng ông cũng đủ thời gian công hiến để được trên bình xét khen thưởng Huân chương kháng chiến. Gần hai mươi năm tham gia công tác ở địa phương, đủ để ông nhận ra và hiểu rõ chế độ này họ ưu tiên ai, quan tâm đến đối tượng nào. Bởi vậy ông đã giành cả cuộc đời ông cho một mục tiêu và tranh thủ từng cơ hội để nâng vị thế xã hội cho gia đình ông. Nhờ công cuộc đổi mới, chính sách nhà nước từng bước cởi mở, quan hệ quốc tế lưu thông mà tầng lớp nông dân thông qua phong trào xuất khẩu lao động, bỗng nhiên được đổi đời. Các con ông bốn đứa cả thầy, chúng thay nhau đi kiếm tiền đô bên hải ngoại. Có tiền rồi ông lại định hướng và dạy các con ông cách dùng tiền thao túng những kẻ có chức có quyền nhưng không giữ được phẩm hạnh làm người tử tế, tiếp

tục sự nghiệp mà cả đời ông theo đuổi. Mấy năm gần đây, không hiểu xuất phát từ đâu mà thiên hạ họ đua nhau chạy cái mác gia đình có công với đất nước. Người chạy chế độ thương binh, kẻ chạy hưởng trợ cấp chất độc hóa học. Nhìn trước ngó sau, gia đình ông không có cửa để chạy các đối tượng ấy. Đã bảo có ý, có chí tất sẽ có cơ hội. Nhân dịp xã hoàn thành cuốn **Lịch sử Đảng bộ xã**, trong cuốn lịch sử ấy có nhắc tới trận giặc Pháp đi càn đầu xuân năm 1948 ở bãi Mả Thau. Trong trận ấy có ba du kích của xã bị chúng giết hại, họ đã được suy tôn là liệt sỹ. Cái Thức, cô con nuôi cụ cố Hồng, tức là em ông cũng chết trong trận ấy. Thời cơ đã mở ra. Ba người chết cùng đã được suy tôn, tại sao em ông không được suy tôn? Thế là ông chỉ đạo thằng Tiến con trai ông và Đắp con rể ông tiến hành công cuộc chạy xác nhận Thức là du kích. Ác một nỗi; Cô Thức quá ít tuổi so với mấy ông du kích đã được công nhận là liệt sỹ. Thiếu niên cứu quốc, hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ gác cho đội du kích họp bàn phương án chống càn. Sáng kiến tuyệt cú mèo ấy của ông được Tiến và Đắp đôn đáo thực hiện ngay. Công việc hoàn tất hồ sơ không mấy khó khăn nhờ phương châm chỉ đạo: San phẳng vương mắc bằng sự quyết tâm và đồng tiền đi trước. Gia đình liệt sỹ, Tổ quốc đời đời ghi công, danh ấy không phải mỗi lúc muốn là được. Phải có cơ hội và cơ hội đã đến với gia đình nhà ông. Phải mạnh tay chi và chi tối đa. Đã không đi thì thôi, xác định đi là phải quyết tâm đến đích.

Quyết định suy tôn và bằng Tổ quốc ghi công đã về đến xã. Ngày, giờ tổ chức lễ truy điệu và công việc quy tập hài cốt liệt sỹ đã được chính quyền địa phương xác định và thông báo cụ thể tới gia đình ông. Sao bỗng dưng lại đề ra cái việc quy tập hài cốt nhỉ? Người chết đã hai phần ba thế kỷ rồi, còn gì nữa đâu mà quy với tập. Thế này là lại phải liên hệ với họ hàng bên nhà để cô Thức rồi. Trong quy trình tiến hành khép kín hồ sơ đề nghị suy tôn cho cô Thức, bố con ông đã chủ quan loại bỏ công đoạn này bởi “Mật ít, ruồi nhiều - Lộc lá chia xẻ không bõ.”. Nay bố con ông phải làm lại từ đầu.

Tối ấy tại nhà ông Bình bên làng Ngũ Phúc, ba bố con ông Hương và hai lão thành du kích năm xưa, người đại diện làm chứng cô Thức là thiếu niên cứu quốc thời kỳ toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đại diện bên nhà để có ông Bình, người cháu trưởng gọi Thức bằng cô ruột và hai ông bà trong dòng tộc họ Trịnh Đức làng Ngũ Phúc. Hai bên mạn đàm xung quanh việc cô Thức được nhà nước suy tôn thành liệt sỹ, trọng tâm là việc thờ cúng cô Thức. Một việc tưởng khó khăn ấy, cuối cùng cũng được hai bên dàn xếp êm xuôi. San phẳng mọi vương mắc bằng sự quyết tâm và đồng tiền đi trước, phương châm ấy quả thật là hữu hiệu. Ngặt một nỗi là ngày cô Thức “hy sinh” gia đình cụ cố Hồng không đứng ra nhận xác và lo tang lễ. Sau ba ngày quân Pháp rút đi, em trai cô Thức, tức là bố đẻ ông Bình phải

lên bãi Mả Thau đem xác chị về, lặng lẽ an táng bên cạnh mộ mẹ. Lúc có điều kiện, gia đình ông Bình nâng cấp mộ chí cho các cụ trong nhà. Mộ mẹ và chị Thức được ông quây lại thành một ngôi. Thành thử bây giờ không thể phá mộ mẹ để lấy hài cốt con được. Phương án mời thầy pháp cao tay, triệu hồn cô Thức về nhập vào bộ hài cốt tượng trưng được hai bên nhanh chóng đi đến thống nhất. Đã bảo danh dự là danh dự chung, xét cho cùng thì đôi bên đều có lợi. Bên có người, bên có công. Bàn đi bàn lại rốt cuộc rồi cùng đi đến đến thống nhất.

* *
*

Phần cuối buổi lễ hôm ấy, trong tâm trạng bàng hoàng và hoảng loạn chị dời khỏi khu nghĩa trang liệt sỹ. Thật khổ thân cho chị quá! Bây giờ chị biết đi đâu, về đâu? Lời triệu hồi và những động tác bắt quyết của ông thầy pháp cao tay ấy, có ai thu hồi hoặc đình chính đâu mà chị trở về bên mẹ chị được. Ở lại khu chung cư, nơi mà chính quyền đương thế vừa cấp cho chị thì đâu có ổn. Ở đây họ hội họp, họ giao ban, họ xung tời và gọi nhau bằng đồng chí, chị làm sao mà hòa nhập được. Đối với họ, chị vẫn chỉ là cô bé đi ở đợ, đảm nhiệm công việc chăn trâu cắt cỏ cho gia đình cụ cố Hồng năm nào. Thế là chuỗi dài những đêm mưa tầm tã, ngày nắng nóng quất quay linh hồn chị lại phải vật vờ nơi bụi chuối hoang vu, hay rệ đường toàn rau me tao tác. Sau buổi rước đón ấy, đương gian trở lại bình yên, nhà nhà bừng bừng khí thế phát triển. Thiên hạ đã bình thân bỏ

mặc cho người ta tiếp tục bóc lột chị. Xưa vì phần com thừa, canh cặn cho các em, chị phải chịu để họ bóc lột cái thân thể còm cõi dù đã chớm dậy thì cũng không lớn nổi của chị. Nay chị có được gì đâu mà người thân vẫn nhẫn tâm để chị cõi cút đi về giữa cõi âm dương chập choạng này. Họ tiếp tục đày đọa linh hồn chị vì lòng người dương thế đã vô cảm với cõi âm dương cách trở. Chị lại bơ vơ, vất vưởng đợi chờ.

Đoạn kết:

Không như tính toán của Chủ tịch Phong và Đáp, huyện có đợ rà soát lại hồ sơ thương binh liệt, liệt sỹ. Dòng chữ khắc trên bia mộ “Đỗ Thị Thức tức Trịnh Thị Thức một lần nữa lại được huyện yêu cầu giải trình. “Đường đi hay tối, nói dối hay cùng”, trước câu hỏi “Đội thiếu niên cứu quốc ngày ấy có những ai? Và có đội thiếu niên cứu quốc ấy thật hay không? Nếu có sao Lịch sử Đảng bộ xã không có một chữ nào nói về họ? Các nhân chứng áp úng không biết trả lời ra sao, cuối cùng một người bên nhà họ Trịnh đành thú nhận: Bà Trịnh Thị Thức không có tham gia ở một tổ chức chống Pháp nào cả, bà chỉ là người ở đợ cho nhà họ Đỗ, Sau khi mất ba ngày quân Pháp rút đi, em trai bà Thức, tức là bố đẻ ông Bình phải lên bãi Mả Thau đem xác bà về, lặng lẽ an táng bên cạnh mộ mẹ.

Tám bia mộ gió có khắc dòng chữ Đỗ Thị Thức tức Trịnh Thị Thức trong nghĩa trang liệt sỹ đã được bỏ đi. Không có một thông báo nào nhưng chắc hẳn linh hồn bà Thức đã hết bơ vơ. Bà đã được về nằm bên mẹ.

TRẦN LƯU ĐOÀ

Tuổi thơ

Tuổi thơ vừa mới hôm nào
Tung tăng đuổi bướm vượt rào bắt chim
Vòng quanh chạy rộn trốn tìm
Vo tròn rơm đống lim dim góc tường.

Túm năm tụm bảy sân trường
Nhảy dây đá bóng vẫn nhường nhịn nhau
Tuổi thơ ánh mắt tươi màu
Mở trang sách mới cùng nhau học bài.

Hè về phượng nở chia tay
Bằng lăng tím tím khăn tay ướp cùng
Sổ tay thơ ước lời mừng
Bên nhau chụp ảnh vui cùng bạn thân.

Chia tay sao cứ bần thần
Nhớ ai ai nhớ tay lần khăn vương
Bây giờ mỗi đứa một phương
Cho tôi quay lại yêu thương thuở nào./.

VŨ THỊ PHƯƠNG

Ru em

Ru em nòng nân hoa sữa
Hồn thu nhập vàng trăng huyền
Lời ru áp ủ hương trầm
Thiết tha vọng miền cổ tích...

Ru em cánh đồng quê mẹ
Chất chiu hương đất mặn mòi...
Hoa trái nổi mùa dâng tặng
Ơn người gieo trồng sớm hôm

Ru em hương người ấm áp
Câu ca Quan họ ngọt mềm
À ơi gừng cay muối mặn
Nghĩa tình vọng mãi ngàn năm...



XUÂN VẼ

Hè về

Cơn mưa bất chợt đầu hè
Xuân vừa qua ngõ, cây che nắng vàng
Đồng quê hương lúa chứa chan
Tiếng ve rộn rã trong làng ngoài thôn.

Cuộc kêu gọi bạn bốn chôn
Nhớ chim Vít vịt đồ dòn ngày xa
Trưa hè thừa bóng cây đa
Chiều hè bỗng nhớ dáng bà, dáng ai...

Vườn quê trĩu trĩu quả sai
Bỗng thềm cơn gió thổi hoài phía sông...

CHU MINH CHÍ

Giao mùa

Gom nhặt chút nắng vàng
Rộn rảng chào mùa hạ
Bầu trời trong xanh quá
Cây phượng già nở hoa.

Gạo đỏ rục mận mà
Vấn vương mùa chờ đợi
Làm lòng ai bồi rối
Gió xuân còn nán chơi.

Giao mùa cả đất trời
Đón hạ về trước cửa
Phượng đầu mùa thấp lửa
Đốt khô cong muện phiền!

HOÀNG THỤY ANH

Mẹ

Hoàng hôn ngấm mùi đất nâu
cánh chim chia nhau từng chớp mắt
như thể
một lần rạn vỡ rồi thôi!

à ơi bám xuống cánh đồng
cánh đồng trở dạ những vì sao
những vì sao rỏ hai đầu mưa nắng
chan gây giấc mơ...

cả cuộc đời gói cho con
thức quà mùa xuân
mẹ còn lại
riêng mình bồi bồi đêm đông!

ước cùng mẹ đưa nôi
lặn vào luống cây xa ngái
lắm bùn lời ru
mọc
khúc khích tiếng cười...



DUỚI TÁN CÂY XOÀI

VŨ VIỆT TÂM

Những ngày mưa phùn ử ử dường như dài dằng dặc. Mưa bay kín trời, những vườn cây trâm mọc dưới mưa lặng lẽ ử mầm vươn nụ. Qua vài ngày mưa thấm đẫm đã bung lộc non tơ óng ả, từ những kẽ lá từng chùm nụ li ti lớn dần lên chờ ngày khai hoa... Mưa xuân êm ả như chính tuổi học trò của chúng tôi đi qua những ngày đến lớp. Buổi trưa ăn cơm xong là nhanh chóng tụ họp đến nhà Loan ở giữa làng, trên đỉnh đồi, giữa vườn cây um tùm rậm rạp. Dù loại cây trái khiến bọn tôi mê mẩn thích thú. Mùa xuân này có nhiều loại cây ra hoa kết trái như nhãn, vải, sấu, mít và xoài... trong hàng chục loại cây, cây xoài được chúng tôi để ý đến nhiều hơn vì cây ở ngay đầu ngõ tỏa bóng rợp cả một khoảng không, một phần xò vào sân, vào ngõ tạo thành vòm cho bọn trẻ chúng tôi túm tụm chí chóc trong lúc chờ Loan còn lúi húi việc gì đó trong nhà.

Hoa xoài mọc thành chùm như hoa nhãn, hoa vải... chùm lớn nhưng từng bông thì nhỏ, li ti vàng nhạt, có phần hơi pha màu xanh. Sau khi nở rộ, cánh hoa rụng như mưa xuống khoảng sân tạo nên tấm thảm vàng lấm lấm. Tôi thường vun vào tãi ra đám cánh hoa chỗ góc sân trong lúc chờ các bạn cùng đến. Có lúc thì ngửa mặt nhìn lên tầng tầng lớp lớp chùm hoa đan xen trong tán lá. Gió xuân hây hây lay động khẽ khàng thổi những cánh hoa bay bay chạm khẽ vào mặt, vào tay. Tôi lắng

nghe lời hoa thầm thì như từ nơi xa vắng vọng về. Những năm mưa thuận gió hòa, hoa xoài bung nở gặp đợt nắng xuân hưng hửng áp áp thì đậu nhiều quả, phải đợt mưa dầm gió bắc thì rụng toi bởi chả còn mấy quả đậu lại...

Người xưa nói rằng để ngắm cảnh vật, người ta nên ngắm cỏ cây hoa lá. Những cái cây hay bãi cỏ xanh êm ả có vẻ bề mặt rất tĩnh, mọc cố định ở một nơi, hôm nay nó ở đó, ngày mai nó ở đó, nếu không vì ai đó nhổ bỏ đi, chặt phá đi thì năm này qua năm khác nó vẫn ở đó, tĩnh tại... Hàng ngày đứng bên cây, ngắm cây thấy như cái cây vẫn thế, chẳng có gì đổi thay... đây là cảm giác vậ thôi, chứ thật ra cây đang sinh trưởng, đang tuần hoàn theo thời gian, lớn dần lên, ra hoa kết trái, qua mùa thu hái lại tích nhựa chờ xuân sang tiếp tục vòng tuần hoàn mới. Hôm qua còn mùa đông ử nhựa giấu trong từng thớ gỗ, qua năm mới mưa xuân phơi phơi đã thêm một tầng lá mới, một mùa hoa mới, những chùm quả mới kết bằng đầu đũa, xanh xanh đầu cành lớn dần mỗi ngày, vào hạ đã lớn bằng nắm tay, kéo trĩu cành xuống, đu đưa trong gió... thân cây, tán cây cũng lớn dần lúc nào chả rõ, nửa vòng tay, một vòng tay, và hơn thế nữa...

Thật ra trong vườn nhà Loan có rất nhiều cây, nhưng tôi luôn ấn tượng với cây xoài này vì nó cổ thụ, lại ở ngay lối vào sân, tán của nó xùm xòa cả một khoảng

rộng lớn, không chỉ che nắng mà còn che mưa, dưới trời mưa xuân thì cây như chiếc ô lớn cho chúng tôi thoải mái chơi đùa mà không lo bị ướt. Dưới bóng cây này tôi thường liên tưởng đến lời bài ca Quan họ: *Trèo lên trái núi Thiên Thai/ Thấy đôi con chim loan phượng ăn xoài...* mà cảm nhận trái xoài chín vàng trên cây thật ngọt ngào quyến rũ. Không biết có phải vì yêu câu Quan họ ấy mà cha mẹ Loan đặt cho hai chị em bạn ấy là Loan và Phượng. Cha mẹ Loan không chơi Quan họ, nhưng ông nội Loan chơi Quan họ từ khi còn trẻ. Thời của ông say mê lắm mà chiến tranh loạn lạc, hòa bình rồi còn lo cây cấy phục hồi kinh tế, lời ca tiếng hát tưởng như mai một...

Rồi cũng có một mùa xuân nhà Loan đông vui nhộn nhịp, ấy là năm chúng tôi đã vào năm học cuối cấp THCS. Bao nhiêu cụ ông cụ bà ngồi xếp bằng trên chiếu hoa chật kín ba gian nhà. Các cụ tụ họp bên nhau thảo luận về việc khôi phục lại bọn Quan họ làng, những câu ca trong trí nhớ bập bõm trở về chấp nối dưới bóng cây xoài đương mùa hoa chỉ chít như mâm xôi. Lũ chúng tôi ngấp nghé ngoài sân giúp chị em Loan mấy việc lật vật, lấy cốc chén, cái bình vôi hay ra vườn hái xấp trầu không... Trong nhà câu chuyện khi sôi nổi, lúc trầm lắng suy tư, hồi tưởng, nhớ lại một câu ra, một ý đối đáp lại, mọi người ghi chép lại, rồi hát to lên để mọi người cùng bẻ lời uốn giọng. Lời ra lời đối dần nhịp nhàng đón ý: *“Trèo lên trái núi Thiên Thai/ Thấy đôi con chim loan phượng...”*

“Sương giăng bên nước, có con đò lơ lửng bên sông/ Bóng nhạn chiều xa xa tha thiết/ Em một mình sang sông...”

Suốt ba năm học THPT, chúng tôi thường xuyên qua lại nhà Loan, dưới

bóng cây xoài mà nghe Quan họ từ thế hệ ông nội của Loan, những buổi mọi người hướng dẫn cách vấn khăn mặc áo, cách thắt chiếc bao lưng hai màu tương phản tôn nhau lên, cách nâng chiếc nón quai thao và từng bước đi dáng đứng, dừng nghỉ nhịp nhàng theo nhịp lấy hơi... Những buổi mọi người chuẩn bị đi chơi cùng nhau thật rộn ràng háo hức. Bọn Quan họ cũng dần đông lên, thêm nhiều người trẻ, tôi và Loan cũng tham gia. Loan học rất nhanh còn tôi chỉ bập bõm vài câu.

Học hết phổ thông, Loan không đi học chuyên nghiệp mà ở nhà làm ruộng và nổi gót ông nội chơi Quan họ với chất giọng vang, rền, nền, nảy hiếm có. Lũ bạn chúng tôi mỗi người mỗi nghề bươn trải khắp nơi, nhưng mỗi mùa xuân đều nhớ về hội làng như nét truyền thống không thể thiếu. Khu vườn nhà Loan vẫn giữ nguyên nét xưa với tầng tầng tán cây đan vòm. Cây xoài cổ thụ vươn cao xòe tán vẫn thâm thì thả những cánh hoa rơi rơi dẹt thảm suốt một đoạn ngõ vào đến sân trong mưa xuân ẩm ướt. Ngắm thảm hoa tôi như muốn sà xuống vun vào vốc lên tay mà tung tung hứng hứng như gần hai mươi năm trước.

Dưới tán cây xoài này Quan họ làng tôi vào canh hát ngọt ngào mời gọi như câu ca: *đôi chim loan phượng ăn xoài...* mà cảm nhận Quan họ như mạch nước ngầm âm thầm nuôi dưỡng tâm hồn người dân quê tôi. Dưới tán cây xoài này cảm nhận bình yên êm ả qua từng câu hát đối đáp Quan họ. Dưới tán cây xoài này lũ bạn cùng lớp phổ thông chúng tôi cùng hội tụ về mỗi mùa xuân cảm nhận mạch nguồn truyền thống chảy mãi, truyền mãi từ thế hệ này qua thế hệ khác...

Ba chiến sỹ Biên phòng

Ngâm thơ - Tự hào

Nhạc và lời : Đỗ Anh Quân



Nhà em có hai người lính. Đều mang quân hàm màu xanh. Sáng



nào cũng luôn dậy sớm. Đưa em tới lớp tới trường. Nhà



em có hai người lính. Đây là bố mẹ của em. Những ngôi sao trên vai



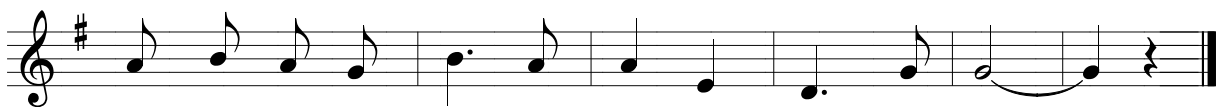
bố. Bay vào giấc mơ của em. Lớn lên em đi bộ



đội, cũng mang quân hàm màu xanh. Nhà em có ba người



lính, ba người chiến sỹ biên phòng. Nhà



em có ba người lính, chung tay bảo vệ quê hương.

Bé làm hoa nắng

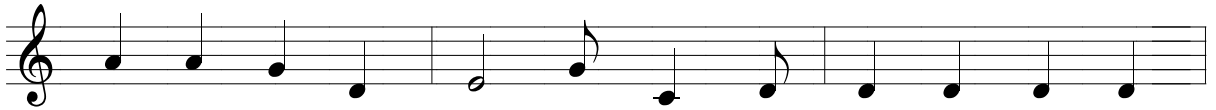
Nhạc : Kim Oanh

Thơ : Trương Quang Thứ

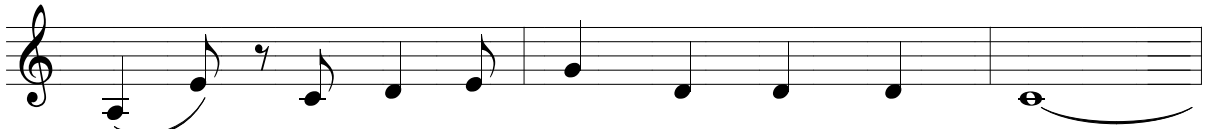
Vui tươi - Nhí nhảnh



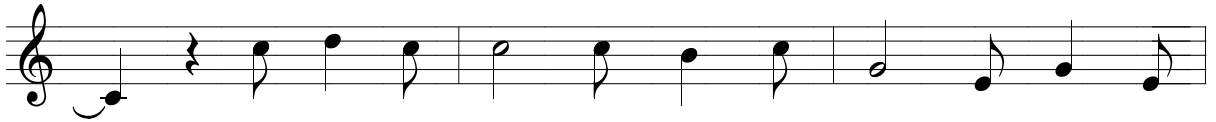
Bé cầm gương con soi ra ngoài nắng. Nắng vàng lấp



lánh thoát bay vào nhà. Nắng vàng như hoa lung linh trên



tủ. Mèo con thích thú đưa tay ra vờn.



Hoa nắng non ton ai mà hái được. Vừa trên bàn



nước thoát nhảy lên tường. Bé làm hoa nắng chơi cùng mèo



con. Bé làm hoa nắng chơi cùng mèo con.

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Nguyễn Huy Phách, Mai Kháng, Hà Nguyên Thảo, Nguyễn Thị Dương, Nguyễn Thị Thiệp, Nho Thuận, Phan Thị An Ngọc, Lê Đăng Khuê, Đặng Công Giáp Xuân Vẽ, Chu Minh Chí, Phạm Thuận Thành, Trần Thiết, Ngọc Bích, Nguyễn Thành Hương, Nguyễn Việt Tại, Phương Hữu Thiện, Lê Việt Hùng, Nguyễn Đình Tự, Trung Du, Mai Hoàng Hanh, Trần Lưu Đóa, Vũ Thị Phương, Nguyễn Trung, Đỗ Đình Thanh, Thanh Huyền, Kim Oanh, Đỗ Anh Quân...

* **Ngoài tỉnh:** Đặng Ngọc Lan (Nghệ An), Trần Thị Thanh Tú (Phú Thọ), Nguyễn Ánh Nguyệt (Hải Phòng), Nguyễn Thị Mai Phương (Bắc Giang), Hồ Ngọc Diệp (Quảng Bình), Trần Văn Thiên (TP Hồ Chí Minh), Lê Ngọc Sơn, Vũ Tuyết Nhung (Thanh Hóa), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Nguyễn Minh Thuận (Bạc Liêu), Nguyễn Duy Hà (Lâm Đồng), Trần Thị Kỳ Duyên, Huỳnh Thị Kim Cương (Kiên Giang), Đoàn Huy Cảnh (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Bình (Long An), Nguyễn Thanh Tuấn (Quảng Nam), Kim Liên, Bùi Văn Phẩm (Phú Thọ), Nông Tử Lệnh Anh, Ngọc Linh, Nguyễn Thị Hòa, Lê Thị Kết, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Hải, Ái Nhân (Hà Nội), Huỳnh Thạch Thảo (Phú Yên), Nguyễn Văn Toàn, Ngô Công Tấn (Thừa Thiên Huế), Lê Trần Trường An, Lê Thị Hồng Châu, Trần Thị Thùy Linh (Sóc Trăng), Ngô Thế Lâm (Khánh Hòa), Đoàn Trung Phong, Đinh Hạ (Nghệ An), Nguyễn Ngọc Chiến (Quảng Trị), Bùi Nhật Lai (Thái Nguyên)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 8 năm 2024: Kỷ niệm 79 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; Kỷ niệm 70 năm ngày giải phóng thành phố Bắc Ninh (8/8/1954 - 8/8/2024); Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/7/2024.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT